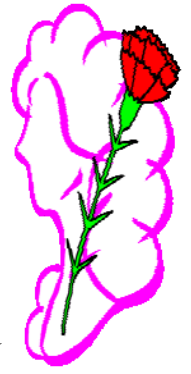


# Lá Thù Tòà Soản



Cùng quý độc giả thân mến,

Vu Lan là mùa gợi nhớ nhằm thức nhắc chúng ta hãy suy niệm về thân phận lẽ sống của con người. Một thân phận mang kiếp sống đọa đày nổi trôi theo dòng đời từ vô lượng kiếp. Sự có mặt của muôn loài mang thân phận và hình hài xấu, tốt phước báo khác nhau hiện nay, đó là cái kết quả do nghiệp nhân mà chúng sinh đã gây tạo sai biệt từ nhiều đời trong quá khứ. Nhân và quả cứ thế mà tương liên tiếp nối trong vòng luân hồi khổ đau bất tận. Muốn thoát khỏi vòng luân hồi khổ đau bất tận đó, chỉ có một con đường duy nhất là mỗi cá nhân phải nỗ lực chuyên cần tu tập hành thiện theo chiều hướng giác ngộ và giải thoát. Vì giác ngộ và giải thoát đó là mục tiêu cứu cánh mà bất cứ hành giả tu theo pháp môn nào cũng đều phải nhắm tới.

Trên đời không có một quả báo nào mà không có cái nguyên nhân của nó. Nhìn vào quả là ta có thể biết được nhân. Và ngược lại, nhìn vào nhân là ta cũng có thể biết được quả. Nếu quán chiếu sâu sắc tinh tế hơn thì, ta thấy trong nhân đã có quả và ngược lại, trong quả cũng có nhân. Tuy nhiên, từ nhân đến quả không hẳn đơn thuần như thế. Ngoài yếu tố quyết định của thời gian ra, nó còn đòi hỏi cần phải có nhiều yếu tố thiết thực chung quanh khác nữa. Những yếu tố giúp cho chánh nhân được hình thành tốt hoặc xấu, đó gọi là phần phụ thuộc trợ duyên. Tức những điều kiện góp phần vào cho chánh nhân được hình thành tăng trưởng. Những điều kiện môi trường chung quanh hỗ trợ cho chánh nhân rất là quan trọng. Nếu những điều kiện hỗ trợ theo chiều hướng thuận lợi tốt đẹp thì, chánh nhân đó sẽ phát triển rất tốt đẹp. Ngược lại, thì cái chánh nhân

Đó sẽ phát triển theo chiều hướng bất lợi và có thể dẫn đến con đường sa đọa. Như niệm Phật là một chánh nhân tốt, nhưng cần phải có những tăng thượng duyên tốt để hỗ trợ như: Kinh sách chuyên thuyết minh về Tịnh độ, môi trường thuận lợi, thầy bạn giỏi có nhiều kinh nghiệm trực tiếp hướng dẫn v.v... Hội đủ những yếu tố thuận lợi tốt đẹp như thế thì, việc niệm Phật của chúng ta mới có thể chóng đạt được kết quả thành công tốt đẹp như ý muốn. Đó là xét về phương diện chánh nhân và những điều kiện hỗ trợ tốt. Ngược lại một chánh nhân xấu và những điều kiện hỗ trợ chung quanh xấu, tất nhiên sẽ đưa chúng ta nhận lấy một quả báo tồi tệ khổ đau. Như chánh nhân buôn bán nha phiến chẳng hạn. Hành động buôn bán nha phiến là một chánh nhân xấu, tất nhiên sớm muộn gì cũng phải gặt hái cái quả báo xấu xa như bị giam cầm tù tội hoặc bị tử hình v.v...

Có quán niệm sâu sắc vào lý nhân quả như thế thì, con người mới có thể cải tiến hơn tâm và hoàn cảnh chung quanh theo chiều hướng thánh thiện tốt đẹp. Bởi tâm là chủ động tạo tác tất cả. Lành hay dữ, xấu hay tốt, khổ hay vui, niết bàn hay sanh tử v.v... tất cả đều do tâm ta quyết định tạo lấy. Nhân quả là một chân lý phổ biến trùm khắp và rất công bằng. Nhân và quả bám sát nhau như vang theo tiếng và như bóng theo hình. Không thể nào hình thẳng mà bóng cong được. Cái quả báo mà bà Mục Liên Thanh Đề phải chịu cực hình đau khổ nơi chốn địa ngục, đó chính là do cái tâm bất thiện ác độc của bà tạo ra. Ý thức được nhân quả báo ứng một mảy may không hề sai chạy thì, chúng ta mới cố gắng gia công

hành thiện tu nhân tích đức. Nghĩa là chúng ta cần phải tu tạo nhiều nghiệp lành. Tạo nghiệp lành tất nhiên là chúng ta sẽ hưởng được cái quả báo lành. Ngược lại, thì chúng ta không thể nào tránh khỏi cái quả báo ác.

Mùa Vu Lan ngoài việc thức nhắc cho con người nhớ lại cội nguồn để tri ân và báo ân, nó còn thức nhắc chúng ta phải cố gắng tu tạo nhiều nghiệp lành. Có trồng sâu căn lành thì chúng ta mới có được nhiều phước báo. Mùa Vu Lan cũng còn gọi là mùa “Báo Hiếu” hay mùa của “Tình Thương”. Chỉ có chất liệu diệu được của tình thương mới có thể xóa tan được những hận thù tranh chấp và xoa dịu những vết thương lòng có quá nhiều hệ lụy khổ đau. Tình thương có năng lực mang hạnh phúc đến cho những con người bất hạnh ở cõi dương và cứu thoát cho những vong hồn ở cõi âm. Dù sống ở cõi nào tình thương cũng rất là cần thiết. Cần thiết như hơi thở và mạng sống. Bởi tình thương là chất keo có khả năng nối kết giữa con người và con người, cũng như giữa con người và muôn loài có sự “*Hi-u, Thọṅg và C<sup>h</sup>m thông*” nhiều hơn. Vì tình thương là lẽ sống rất nhiệm màu. Sống mà không có tình thương thì có khác nào như cây khô trụi lá. Tình thương là nền tảng để xây dựng tình người ngày càng thắt chặt gắn gũi nhau hơn. Sở dĩ con người gây đau khổ cho nhau là vì con người đánh mất đi tình thương. Từ đó, mới có sự gây hận thù hiềm và tạo thành cảnh chiến tranh chém giết lẫn nhau. Muốn có hòa bình mà thiếu chất liệu tình thương thì đó chỉ là một ước vọng hòa bình xa xôi viển vông thiếu thực tế.

Là con người không ai lại không có gốc gác cội nguồn. Mỗi người chúng ta ai cũng có hai cái cội nguồn thiết yếu, đó là cội nguồn huyết thống và cội nguồn tâm linh. Sự có mặt của ta là tiếp nối truyền thống cội nguồn huyết thống tổ tiên ông bà cha mẹ của chúng ta. Đồng thời ta cũng đang tiếp nối truyền thống tâm linh của chư Phật

Tổ và các bậc Thầy cao đức truyền đạt lại cho ta. Cả hai cội nguồn này ta đều thọ ân rất lớn lao. Đã thọ ân tất nhiên là ta cần phải báo ân. Báo ân dĩ nhiên có rất nhiều cách. Nhưng dù cách nào thì chúng ta cũng phải lấy đạo đức nhân bản tình người làm trên hết. Có nền tảng đạo đức thì ta mới xây dựng được bản thân, gia đình và xã hội một cách an vui hạnh phúc tốt đẹp được.

Như bao mùa Vu Lan qua, đặc san Phước Huệ vẫn không quên chân thành tri ân chư Tôn Đức Tăng, Ni, quý cộng tác viên, quý độc giả thân thương quý kính và quý ân nhân mạnh thường quân, những vị đã hằng quan tâm chiếu cố nhiệt tình đóng góp tịnh tài và bài vở để nuôi dưỡng cho tờ báo được sống còn. Với ý hướng đầy chân tình yêu thương đóng góp đó, một lần nữa, nhân mùa Vu Lan – Báo Hiếu Phật lịch 2558, Dương lịch 2014, tòa soạn xin chân thành kính chúc chư Tôn liệt vị một mùa Vu Lan tràn đầy hỷ lạc an bình trong khung trời Chánh pháp của đức Như Lai.

Trân Trọng

**Ban Biên Tập**





THE VIETNAMESE BUDDHIST PHUOC HUE TEMPLE

TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

365 Victoria Street, Wetherill Park N.S.W. 2164 Australia  
Tel: (02) 9725 2324 Fax: (02) 9725 5385 Email: phuochue@phuochue.org

## THÔNG BẠCH ĐẠI LỄ VU LAN PHẬT LỊCH 2558

Kính gửi : Chư Tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni,  
Quý đồng hương Phật tử,

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa quý liệt vị,

Mỗi năm vào tiết trung nguyên, ngày rằm tháng bảy âm lịch, toàn thể Phật tử và hàng hiếu tử khắp mọi nơi đều long trọng cử hành pháp hội Vu Lan, cúng dường Tam Bảo và hiện tiền Sư Tăng, hồi hướng phước báo cầu nguyện cho cha mẹ và lục thân quyến thuộc hiện đời an vui, phước thọ tăng long, người quá vãng siêu sinh tịnh vực.

Vu Lan là ngày lễ trọng đại thể hiện đức từ tế của hàng thánh giả, bộc chúng trung tôn và lòng hiếu đạo của những người con hiếu thuận.

Vu Lan là phương pháp cứu khổ, là một hành pháp của Tứ vô lượng tâm - Từ, Bi, Hỷ, Xả. Do đó hàng hiếu tử, chúng ta ngoài việc báo đáp công ơn sanh thành dưỡng dục, chúng ta nên hướng về những người đang sống trong nỗi bất hạnh và các loài cần sự chia sẻ, cứu giúp, bằng tất cả sự chơn thành và phương tiện có thể có được.

Đây chính là thắng hạnh của Vu Lan bồn, ngày pháp hội thù thắng hằng năm vào tiết trung nguyên được trân trọng cung kính mệnh danh là Vu lan thắng hội, mùa Vu lan, mùa báo hiếu, mùa xá tội vong nhân...

Kính mong toàn thể hoan hỷ hướng về mùa Vu Lan báo hiếu bằng tấm lòng thành kính, trang nghiêm ba nghiệp.

Trong giờ phút trang nghiêm cung tiến thắng hội Vu Lan, toàn thể pháp chúng dành một phút thành kính tưởng niệm đức Tông trưởng Phước Huệ Sơn Môn Học Phái, Khai Tổ Phật giáo Việt Nam tại Úc Châu, Thượng nhơn thượng Phước hạ Huệ Trưởng lão Hòa thượng Đại Sư.

Kính nguyện Tam Bảo thù từ gia hộ chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, quý đồng hương Phật tử thân tâm thường an lạc, mùa Vu lan báo hiếu thù thắng.

Trân trọng

Phước Huệ Sơn Môn Học Phái

Tông trưởng

Hòa thượng Thích Phước Bôn



# Nhòu Veà Hai Náng Sanh Thaønh



Hằng năm, cứ mỗi lần Vu Lan đến lòng tôi cảm thấy như se thắt lại. Bởi mùa Vu Lan là mùa gợi nhớ như nhắc lại bổn phận làm con phải nhớ đến công ơn sanh thành giáo dưỡng của ông bà cha mẹ. Từ ngày mẹ tôi rời khỏi cõi đời này không lúc nào mà tôi có thể quên được. Hình ảnh của người mẹ hiền từ luôn hy sinh tận tụy cả cuộc đời lo cho chồng con. Mẹ tôi cũng như bao nhiêu người đàn bà Việt Nam khác, khi lâm vào hoàn cảnh nghèo túng, thì người đàn bà nào cũng phải chịu cực khổ sớm hôm vất vả tảo tần ngược xuôi để lo cho gia đình. Tôi không may khi chào đời vừa tròn được ba tuổi thì cha tôi mất. Cha tôi mất sớm để lại cảnh mẹ góa con côi, mẹ tôi phải mang một gánh nặng lo cho gia đình. Với cái tuổi ngây thơ trong trắng chưa biết gì thì tôi lại mất đi tình thương yêu cao quý của người cha. Từ đó mẹ tôi càng phải lo lắng chịu cực khổ vất vả nhiều hơn. Mẹ tôi đóng hai vai vừa làm mẹ mà cũng vừa làm cha.

Tôi không có được cái may mắn là có nhiều anh chị em như những gia đình khác. Bởi các anh chị tôi đã qua đời khi tôi chưa mở mắt chào đời. Tôi là đứa con trai út trong gia đình. Tôi đã mất đi hai anh trai và một người chị gái. Anh chị tôi chết lúc tôi chưa ra đời. Nghe mẹ tôi kể lại, hai người anh trai thứ năm và thứ sáu của tôi bị bệnh chết lúc còn nhỏ. Cả hai chưa người nào được sáu tuổi. Người thứ năm thì mất lúc năm tuổi, còn người thứ sáu mất lúc ba tuổi. Cha mẹ tôi chỉ có một người con gái duy nhất, nhưng chị cũng qua đời lúc mới được mười hai tuổi. Ấu đó cũng do nghiệp quả của mỗi người nên tất cả đành phải chịu vắn số. Mẹ tôi nói chỉ trong vòng một năm thôi, cha mẹ tôi phải mất hai đứa con trai thương yêu. Thật không còn nỗi đau khổ nào hơn!

Bây giờ cha tôi rất đau buồn như người không hồn. Ông bỏ ăn mất ngủ cứ đi lang thang giống như người điên dại. Mọi công việc nhà ông

không còn bận tâm lo lắng nữa. Ông giao hết mọi việc cho mẹ tôi quán xuyến. Ông thường đi lang thang lân la hết nhà bà con này đến nhà bà con nọ. Bà con hàng xóm thấy vậy ai nấy cũng đều thương xót an ủi khuyên lơn. Có lẽ cũng nhờ những lời an ủi khuyên giải đó mà cha tôi lần lần nguôi ngoai vui đi phần nào phiền muộn. Cảm nghiệm được cái cảnh khổ đau của sự sinh ly tử biệt là như thế! Là con người không ai có thể tránh khỏi. Tùy theo sự nhận thức của mỗi người mà người ta có những nỗi thống khổ ít hoặc nhiều đó thôi. Nếu người nào hiểu được chút ít về lý vô thường Phật dạy thì họ cảm thấy bớt đau khổ một chút. Bởi họ biết mọi cảnh vật trên đời không có vật nào tồn tại lâu dài. Chính bản thân họ cũng không thể nào tránh khỏi. Thương tiếc làm chi hoa vẫn rụng. Vì đó là một định luật vô thường tất yếu. Dù có muốn tránh cũng không thể được. Ở đây, sở dĩ cha tôi buồn khổ nhiều như thế là vì ông không có được cái phúc duyên học hỏi Phật pháp. Sống trong thời buổi chiến tranh loạn lạc làm sao mọi người có thể yên tâm tu học được? Hơn thế nữa, cha tôi không phải là người tu theo đạo Phật mà ông là người tu theo đạo Cao Đài. Còn mẹ tôi có truyền thống theo đạo Phật lâu đời. Bởi vậy nên ông không hiểu gì về giáo lý nhân quả vô thường của đạo Phật cả.

Bây giờ nghĩ lại tôi rất thương và cảm thông cho nỗi khổ đau chịu đựng của cha tôi. Nhưng tôi không có được cái may mắn là cận kề để chia sẻ an ủi buồn vui với cha tôi. Tôi rất buồn là không thấy được hình ảnh của cha tôi. Dù chỉ là một tấm hình cũ kỹ phai mờ cũng không có. Bởi cha tôi mất trong thời buổi chiến tranh khói lửa loạn ly của những thập niên 1940 – 1950. Tôi chào đời vào năm 1945. Theo lời mẹ tôi kể lại, cha tôi mất trong lúc gia đình đang tản cư chạy trốn giặc Tây. Trong lúc tá túc tạm trú trong ngôi nhà của một người dì bà con thì không may cha tôi bị bệnh kiết lỵ mà

qua đời. Thời buổi đó vấn đề nhiếp ảnh cũng không phải chuyện dễ. Do đó nên tôi không có một tấm hình nào của cha tôi cả. Đó cũng là cái nhân duyên bất hạnh nghiệp quả của tôi khi ra đời không đúng lúc. Vì vậy, bây giờ nghĩ lại tôi chỉ buồn và trách cho cái số phận hẩm hiu nghiệp quả của mình, vì vụng tu hành nên phải chịu mồ côi cha như thế.

Trở lại vấn đề trên, là người đàn ông cột trụ trong gia đình thế mà cha tôi còn đau buồn như thế. Thử hỏi mẹ tôi phải chịu đựng đau khổ đến mức độ nào! Tuy nhiên, cha tôi đã buồn khổ như vậy, thì mẹ tôi phải kiên nhẫn chịu đựng để lo cho gia đình. Không thể nào bà lại buông xuôi thả trôi hết được. Bà đảm đang gánh vác quán xuyến hết mọi việc trong ngoài. Dù lúc đó tôi còn có hai người anh trai thứ hai và thứ ba. Người anh thứ hai thì đi theo tiếng gọi của tổ quốc gia nhập vào đoàn thanh niên tiên phong để chống giặc Pháp. Còn lại người anh thứ ba thì ở nhà phụ giúp những công việc lặt vặt với mẹ tôi. Cha tôi buồn quá ông cứ bỏ nhà đi hoài. Có ngày sáng ông vắt áo lên vai đi tới chiều tối mới về, bỏ phứt công việc nhà cho mẹ tôi lo. Tuy mẹ tôi rất thông cảm cho nỗi khổ tâm của cha tôi, nhưng dù sao mẹ tôi cũng vẫn là người phụ nữ thường tình nên sức chịu đựng nhẫn nại của bà cũng có giới hạn. Vì thế, có đôi khi mẹ tôi cau có bực dọc khó chịu nên cần nhắc cha tôi, nhưng cha tôi lặng thinh vì biết mình có lỗi. Nghe bà con hàng xóm kể lại, cha tôi là một người đàn ông vui tánh, cần cù, xuề xòa, hiền hậu và rất thương yêu vợ con. Cách cư xử của ông đối với bà con chòm xóm ông chưa bao giờ gây ra làm rách lòng bất cứ ai, dù là một đứa trẻ con. Khi bà con xóm giềng có hũu sự là ông không dẫn đo hết lòng phụ giúp ngay. Chính vì thế nên ông rất được bà con hàng xóm thương mến. Nay thấy gia cảnh của cha mẹ tôi không may xảy ra như vậy nên ai nấy cũng hết lòng thương cảm khuyên nhủ. Từ đó, cha tôi không còn đi lang thang hết nhà này tới nhà nọ nữa. Và ông ở nhà để cùng lo phụ giúp công việc nặng nhọc với mẹ tôi.

Tôi biết cha mẹ tôi ai cũng có nỗi khổ niềm đau riêng. Cha tôi vì quá thương hai anh và chị tôi nên ông mới đâm ra chán nản bỏ bê công

việc. Ông không còn tha thiết gì đến sự sống nữa. Có người cha nào mà không thương con mình? Trong đời mắng khóc tre đó là chuyện rất thường tình. Tre già thì phải tàn rụi để nhường chỗ cho măng non mọc lên. Nhưng còn tre mà khóc măng thì thật không có gì đau khổ cho bằng! Có chứng kiến cảnh người cha ngậm ngùi gạt lệ chia ly để tiễn đưa con mình đến nơi an nghỉ, mới thấy được tình cha thương con đến mực nào.

*Cha đã cho con cả cuộc đời  
Âm thầm đau xót lệ tuông rơi!  
Gian lao cực khổ nào đâu quản  
Nay tiễn con đi đến chân trời!*

*Chiều thu tiễn biệt ánh sao rơi  
Lá rụng ngàn xưa đất gọi mời  
Đôi ngã phân ly đành cách biệt  
Tình cha muôn thuở đó con ơi!*

Còn chuyện mẹ đau khổ thương khóc vì con mình mất đó cũng là chuyện thường tình trong nhân thế. Cho nên tình cha thương con cũng sâu đậm lắm chớ! Tuy người cha không bộc lộ cái tình cảm yêu thương nồng nàn sâu đậm của mình đối với các đứa con như người mẹ, nhưng tận thâm tâm của người cha lúc nào cũng quan tâm lo lắng cho con. Chẳng qua người cha muốn che giấu cái tình thương kín đáo của mình để nghiêm khắc răn dạy con cái đó thôi. Hiểu như thế, thì ta mới hiểu và cảm thông qua bài ca dao mà hầu hết người Việt Nam không ai lại không nằm lòng:

*Công cha như núi Thái Sơn  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra  
Một lòng thờ mẹ kính cha  
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Công lao khó nhọc cần cù của người cha được ví như hòn núi Thái Sơn, vì núi có sức chịu đựng dẻo dai phi thường. Dù cho bị phong ba bão táp, mưa nắng dãi dầu, núi vẫn luôn đứng sừng sững trơ gan cùng tuế nguyệt. Cũng thế người cha cũng có sức chịu đựng phi thường dù phải đối đầu với bất cứ nghịch cảnh gian lao khó khăn thử thách nào. Sức chịu đựng của người cha cũng rắn chắc bền bỉ dẻo dai như hòn núi kia. Hòn núi không bao giờ bị lay động trước cơn sóng gió. Tinh thần của người cha cũng hùng tráng mạnh mẽ không khuất

phục trước bất cứ những chướng ngại nào. Người cha có lúc phải nghiêm nghị và lặng thinh như núi. Có thể thì mới răn dạy được con cái. Ngược lại, tình mẹ thì có khác. Tình cảm của mẹ dành cho con được ví như nước trong nguồn chảy ra. Nước trong nguồn chảy ra thì bất tuyệt. Vì tình thương yêu của mẹ là cả một bầu trời bao la dịu ngọt. “*M’ già nhè chu-li ba hương, như xôi nếp một như đường mía lau*” Lúc nào mẹ cũng chiều chuộng vỗ về an ủi xoa dịu những nỗi khổ đau cho con. Tình mẹ thật là thứ tình yêu thiêng liêng cao cả không bút mực nào có thể diễn tả cho hết được. Tình cảm giữa mẹ và cha dành cho con là thứ tình cảm chỉ biết hy sinh mà không vụ lợi. Và cả hai phải được bổ sung cho nhau trong vấn đề giáo dục con cái.

Trong ngày lễ Vu Lan lòng trong đó có buổi lễ cài hoa hồng. Hoa hồng đỏ là biểu trưng cho còn mẹ. Còn hoa hồng trắng là biểu trưng cho mất mẹ. Ai được điểm phúc còn mẹ thì được cài trên áo một đóa hoa hồng tươi thắm. Còn ai bất hạnh mất mẹ thì nhận lấy một đóa hoa hồng trắng. Đối với tôi, cho dù bông hồng đỏ hay bông hồng trắng, tự nó cũng nói lên cái ý nghĩa thiêng liêng là tình cha nghĩa mẹ mãi trường tồn bất diệt. Sự biểu trưng này chỉ có tác dụng mang ý nghĩa ở bình diện thông thường mà thôi. Nếu chỉ nhìn cạn cợt bên ngoài thì ai cũng nghĩ như thế. Tuy nhiên, nếu chúng ta nhìn bằng cái tuệ giác sắc bén của đạo Phật thì, chúng ta lại có cái nhìn khác. Còn hay mất đó là cái nhìn của tương đối và chúng ta đang bị mắc kẹt trên hữu tướng. Nếu nhìn sâu sắc hơn thì ta sẽ thấy ông bà cha mẹ của chúng ta không có mất đi đâu cả. Vì lâu nay ta có thói quen nhìn một cách hời hợt trên khía cạnh hữu tướng của sự vật nên mới thấy có sự còn mất. Nếu chúng ta có cái nhìn thâm thúy sâu sắc hơn thì chúng ta sẽ thấy được cái vô tướng của sự vật. Thí như khi ta gieo hạt bắp xuống đất, đủ duyên thì hạt bắp sẽ nảy mầm sanh cây bắp non. Bấy giờ ta không thấy được cái hạt bắp mà ta đã gieo thì ta lại nói hạt bắp đó không còn. Thật ra tuy hạt bắp trước kia không còn nguyên vẹn, nhưng nó đâu có mất hẳn. Nó đã chuyển biến hình thành đang tiềm tàng ở trong thân cây bắp. Như vậy, cây bắp là do tiếp nối của hạt bắp mà sinh thành. Nếu

không có hạt bắp thì thử hỏi làm sao có cây bắp? Nhìn vào cây bắp là ta thấy có hạt bắp trong thân cây bắp. Cũng thế, thân ta là kết quả của những tế bào do ông bà tổ tiên của ta truyền đạt lại. Như vậy, ta chỉ là sự tiếp nối của những tế bào do ông bà cha mẹ của ta ban cho. Làm sao ta có thể lấy những tế bào của ông bà cha mẹ ra khỏi thân ta? Cũng như làm sao ta lấy hạt bắp ra khỏi thân cây bắp? Có cái nhìn sâu sắc như thế, thì ta mới có thể cảm nhận được ông bà tổ tiên cha mẹ của ta vẫn luôn hiện hữu với ta, không có mất đi đâu cả.

Có cái nhìn bằng tuệ giác như thế thì ta mới thấy rằng trên đời này không có cái gì mất hẳn đi và cũng không có cái gì tồn tại lâu dài. Chẳng qua đó là một chuyển biến sinh thành từ trạng thái này qua trạng thái khác mà thôi. Như đám mây tan đi để biến thành những hạt mưa. Hạt mưa là tiếp nối của đám mây. Nếu không có đám mây thì làm sao có những hạt mưa? Nhìn hạt mưa là ta biết có ẩn tàng đám mây trong đó. Chính vì vậy, nên ta muôn báo hiếu cho ông bà cha mẹ ta, thì ta chỉ cần tu nhân tích đức, lánh dữ làm lành, tài bồi phước trí trang nghiêm, thì đó cũng là cách mà ta báo thâm ân cho các đấng sanh thành giáo dưỡng của chúng ta vậy.

Trong mùa Vu Lan Báo Hiếu, nhớ đến thâm ân trọng đại của ông bà cha mẹ chúng ta, chúng tôi thiết nghĩ, không gì hơn là chúng ta nên vâng theo lời Phật Tổ dạy, mà nỗ lực hành trì tu tập, dứt ác hành thiện làm lợi ích cho chúng sinh, đó là cách báo ân thù thắng nhất, để cho ông bà cha mẹ chúng ta kể còn cũng như người mất tất cả đều được ân triêm lợi lạc. Và bản thân chúng ta cũng được nhiều an vui hạnh phúc vậy.

**Lê Văn**



# Hieu Dao



Từ ngàn xưa, hiếu đạo là nền tảng xây dựng đạo đức tình người. Hơn ai hết, đối với người Việt Nam chúng ta từ xưa tới nay rất quan tâm và coi trọng chữ Hiếu. Trong những áng văn chương từ văn chương bác học đến văn chương bình dân, nơi đâu tổ tiên ta cũng đều luôn đề cao chữ Hiếu. Vì đó là một nền văn hóa lấy đạo đức con người làm căn bản. Đặc biệt của một nền văn hóa nước ta là một nền văn hóa tổng hợp gọi là Tam giáo đồng nguyên, tức Phật, Khổng và Lão giáo. Ba tôn giáo này luôn hòa quyện hỗ trợ với nhau trong chiều hướng xây dựng con người theo một đường hướng chung là lấy đạo đức nhân bản làm cội gốc. Mà đạo đức nhân bản đó chính là con đường Hiếu Đạo vậy.

Sách Nho có câu: “*Thiên Kinh vạn quy, n hi: u nghĩa vi tiên*”. Nghĩa là ngàn quy, n Kinh vạn quyên sách đều lấy hiếu nghĩa làm đầu. Hoặc câu: “*Nhận sanh bách hạnh hiếu vi tiên*”. Nghĩa là người có trăm hạnh, thì hạnh hiếu là trước hết. Hay câu: “*Phụ m' u tử đạo ng nh Phật tại thế*”. Nghĩa là cha mẹ còn sống thì người con phải hết lòng lo phụng dưỡng báo đáp thâm ân cho cha mẹ thì cũng chẳng khác nào như tôn kính phụng thờ đức Phật còn ở đời vậy.

Trong kinh có câu: “*Tâm hi: u là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật*”. Qua những lời dạy đó cho chúng ta thấy rằng, xưa nay các bậc Hiền Thánh đều khuyên con người nên lấy chữ hiếu làm đầu. Không những chỉ giữ chữ hiếu đối với ông bà cha mẹ không thôi mà còn phải mở rộng chữ Hiếu đến muôn loài vạn vật. Đó là đức hiếu sinh của con người. Có mở rộng chữ hiếu như thế, thì chúng ta mới thấy việc tri ân và báo ân rất hệ trọng trong đời sống. Bởi muôn loài đều có ân nghĩa với chúng ta. Dù trực tiếp hay gián tiếp chúng ta đều thọ ân rất nhiều. Vạn vật không có vật nào mà không giúp cho sự sống của ta. Ngay cả không khí hằng ngày mà ta hít thở để được

## Nghiêm Thanh Trì

sống còn có phải là ta đã trực tiếp thọ ân không khí hay không? Nếu không có không khí thì làm sao ta sống được? Theo lý duyên sinh của Phật giáo thì muôn vật không ngoài ta và ta không ngoài muôn vật mà có. Nói cách khác sự sống của ta là nhờ tất cả. Ta là tất cả mà tất cả cũng chính là ta. Có cái nhìn sâu sắc như thế, thì bất cứ vật lớn nhỏ nào ta cũng đều thọ ân cả. Đã có thọ ân thì ta phải lo báo đáp. Hiếu như vậy ta mới thấy “*Hiếu Đạo*” là con đường sống thực tiễn mà xưa nay tổ tiên ta luôn luôn coi trọng đề cao. Mở rộng đức hiếu sinh đến muôn loài cũng chính là ta mở rộng tình thương. Chính vì thế nên trong đạo Phật có truyền thống phóng sinh, tức trả lại sự sống tự do cho muôn loài. Vì tự do là mẫu số chung mà bất cứ loài nào cũng mong muốn có được. Tự do đối với loài người rất là thiết yếu như hơi thở và mạng sống. Thử hỏi có loài nào mà không ham sống sợ chết? Tôn trọng sự sống và trả lại sự sống cho chúng sinh, đó là ta thể hiện đức hiếu sinh và tôn trọng lẽ sống công bằng. Cổ Đức thường nhắc chúng ta bằng câu nói rất quan thiết: “*Cái gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác hay loài khác phải đau khổ*” ( K s b d v thi nhân ). Mình muốn được có một cuộc sống tự do thoải mái không bị bất cứ thứ gì ràng buộc, thế thì tại sao mình lại ràng buộc bắt kẻ khác phải làm theo ý của mình? Đó là một sự độc tài, độc đoán và đó cũng chính là con đẻ của bản ngã tự cao. Điều này, không ai có thể chấp nhận được.

Vu Lan còn gọi là mùa xá tội vong nhân. Là mùa của tình thương của Đại Hỷ và Đại Xả nhằm cởi trói những buộc ràng hướng đến chân trời cao đẹp giải thoát. Đó là mùa đánh thức lương tâm con người nên xóa tan mọi hận thù tranh chấp do vô minh vọng thức chủ động

gây ra. Hãy nghĩ đến thân phận mỏng manh của kiếp người ngắn ngủi mà cùng nhau xây dựng tình thương mang lại niềm an vui hạnh phúc đến cho con người và muôn loài.

Vu Lan không những cứu độ cho những con người có tội ở cõi dương mà còn cứu độ cho những kẻ mang tội cực hình bị đày đọa ở cõi âm. Mọi tội lỗi có ra chính do muôn loài tạo lấy. Phước hay tội, lành hay dữ, tốt hay xấu v.v... tất cả đều do tâm thức con người gây tạo. Sự thọ khổ cực hình đau đớn của bà Mục liên thanh đề nơi chốn địa ngục, không phải do ai đày đọa bà mà chính do tâm thức của bà thúc đẩy tạo lấy. Đã có nghiệp nhân thì không sao thoát khỏi nghiệp quả. Nhân và quả như bóng theo hình, như vang theo tiếng. Muốn không có cái quả báo khổ đau, thì ta không nên gây tạo nghiệp nhân ác. Không có nhân thì không có quả. Ý thức được lý nhân quả trả vay công bằng thì ta nên cẩn trọng trong khi hành động gây nhân. Nhân xấu thì quả xấu, nhân tốt thì quả tốt. Câu nói có giá trị bằng một ngàn lượng vàng mà cổ nhân luôn đề cao đó là: *“Phàm làm vi-c gì nên hãy nghĩ đ: n cái h’u quả của nó”*.

*“Hiện trạng xã hội ngày nay có quá nhiều biến động tang thương. Nên tảng hạnh phúc mái ấm gia đình đã bị lung lay đến tận gốc rễ. Con người như đã đánh mất đi nguồn gốc nhân bản Hiếu Đạo. Tỷ lệ ly hôn bạo hành ngược đãi trong gia đình của cộng đồng người Việt chúng ta ngày càng gia tăng khốc liệt. Những tình trạng gây ra mâu thuẫn xung đột, bất hòa, bạo hành giữa cha mẹ và con cái đã làm đảo lộn nếp sống gia đình. Những tệ nạn phạm pháp gây xáo trộn bất an cho xã hội ngày càng nhiều, nhất là đối với giới trẻ ngày nay, phải nói chúng đã mất đi niềm tin ở nơi các bậc cha mẹ và mái ấm hạnh phúc gia đình. Bức tranh xã hội ngày nay đã và đang vẽ ra nhiều hiện tượng đen tối bi thương, đó là một thảm họa thật đáng quan tâm”*.

Chúng tôi trích đoạn văn trên trong Lá Thư Tòa Soạn của báo Phước Huệ số phát hành vào tháng 8 năm 2012, số báo 49, nói lên phần nào của thực trạng xã hội ngày nay. Tuy đó chỉ là một phác họa đơn sơ nhưng đủ để chúng ta ý

thức đến cái hậu quả tang thương do chính con người gây ra. Mùa Vu Lan cũng là mùa để chúng ta quán chiếu sâu vào nội tại của tâm thức, để từ đó chúng ta vạch cho mình một hướng đi cải thiện trong sáng lành mạnh theo con đường thiện nghiệp nhằm lợi mình và lợi người trong hiện tại và mai sau. Chỉ có con đường thiện nghiệp đó mới có thể chuyển hóa thân tâm, gia đình và xã hội ngày càng phát triển tốt đẹp.

Muốn xây dựng một xã hội cho được lành mạnh tốt đẹp, thì trước tiên chúng ta phải xây dựng ở nơi chính bản thân mình. Đức Khổng Phu Tử đã từng nói: *“Dục bình thiên hạ, tiên trị kỳ quốc, dục trị kỳ quốc tiên tề kỳ gia, dục tề kỳ gia tiên tu kỳ thân, dục tu kỳ thân tiên chánh kỳ tâm”*. Nghĩa là muốn cho thiên hạ được thái bình thịnh trị, thì mỗi quốc gia phải nên tự trị lấy. Đừng vì lợi ích quyền lợi của quốc gia mình mà đi xâm chiếm gây hấn chiến tranh để chiếm hữu đất đai tài nguyên hay cai trị ở các quốc gia khác. Đó là một tham vọng quá lớn chỉ vì muốn thiên hạ phải quy phục mình. Đối với thời đại nguyên tử hiện nay, việc nuôi tham vọng bành trướng chiếm hữu cai trị các quốc gia khác như thời đại Tần Thủy Hoàng xa xưa kia đã quá lỗi thời rồi. Đó chỉ là một ảo tưởng viển vông mà thôi. Đừng nghĩ rằng dễ dàng nuốt trứng, không khéo coi chừng sẽ chuốc lấy họa hại vào thân. Đừng cậy vào thế lực binh hùng tướng mạnh hay vũ khí tối tân của mình rồi muốn tung hoành sao cũng được. Ở đời ta nên nhớ rằng hễ mình giỏi thì sẽ có người giỏi hơn. Mình mạnh sẽ có người mạnh hơn. Chính vì thế nên người xưa mới răn nhắc: *“Cao nhựn t’c h’Mu cao nhựn tr’c. Núi cao hơn núi và người cao hơn người”*. Mong ai có mộng tưởng này xin hãy tự tỉnh mà nghiền ngẫm lại những bài học xưa, gọi là ôn cố tri tân vậy. Đừng có nuôi tham vọng mộng ước đế vương mà làm bá chủ toàn cầu. Đó chỉ là chuốc lấy một bài học chua cay mà thôi. Thế thì mỗi quốc gia nên tự trị lấy. Mà muốn cho mỗi quốc gia được như thế, thì mỗi gia đình cần phải tề gia. Nghĩa là cần phải có nếp sống trật tự đạo đức thương yêu kính trên nhường dưới. Mà muốn cho gia đình được như vậy, thì không gì hơn là mỗi cá nhân cần nên tu tỉnh sửa đổi ở nơi chính mình. Muốn được thế, thì



mỗi người phải tu ở nơi cái tâm, nghĩa là phải gìn giữ cái tâm của mình cho được ngay thẳng. Chỉ cần mỗi người hướng nội sửa đổi ở nơi tâm tánh của mình đúng theo con đường Bát chánh đạo mà đức Phật đã chỉ dạy. Được thế, thì lo gì xã hội không được thái bình an lạc. Chỉ có con đường chuyển hóa cải thiện thân tâm, thì mới mong xã hội mới có được cuộc sống an vui hạnh phúc. Bằng không, thì con người và xã hội luôn luôn phải hứng chịu nhiều đau khổ hệ lụy.

Tóm lại, Hiếu Đạo phải được mở rộng trong

tinh thần xây dựng bằng những chất liệu đạo đức. Tình thương đóng một vai trò rất quan yếu trong việc xây dựng đạo đức tình người. Bởi thiếu chất liệu tình thương thì con người mãi nuôi lớn hận thù, tranh chấp và từ đó gây nên chiến tranh làm khổ đau cho nhau. Mong sao mọi người nên ý thức để cùng nhau góp phần tạo dựng cho một nền hòa bình an lạc theo tinh thần Hiếu Đạo vậy.

## Vu Lan veà ngoài nhòu Meï

Hôm nay ngày lễ Vu Lan,  
Con ngồi nhớ mẹ lệ tràn thấm bầu  
Tuy rằng mẹ mắt đã lâu,  
Nhưng con nhớ mãi trong đầu không  
ngơi.  
Con thương mẹ lắm, mẹ ơi!  
Làm sao nói hết những lời yêu thương.  
Cuộc đời mẹ lắm đoạn trường,  
Nuôi con cực khổ trăm đường đắng cay!  
Con được khôn lớn hôm nay,  
Đều nhờ công mẹ đêm ngày trông nom,  
Mớm từng giọt sữa, miếng cơm,  
Chăm sóc con bệnh sớm hôm khăn cầu.  
Ân mẹ mang nặng đẻ đau,  
Cưu mang chín tháng lo rầu không yên.  
Biết bao trọc uế não phiền,  
Mẹ vẫn chịu đựng triền miên tháng  
ngày.  
Con tươi trẻ, mẹ héo gầy,  
Tuổi già chồng chất chân tay yếu dần.  
Mẹ luôn hỗ trợ tinh thần,  
Mong con khôn lớn nên thân với đời.  
Sao cho cuộc sống thanh thoi,  
Không cần giàu có yên nơi cửa nhà.  
Bây giờ mẹ đã cách xa,  
Còn đâu hình bóng hiền hòa thân  
thương.

### Văn Thân



Đêm buồn tiếng vạc kêu sương,  
Trăng tà in bóng đại dương rì rào.  
Kiếp người đầy dẫy khổ đau,  
Sanh ly tử biệt biết bao nỗi sầu.  
Hồi nào thế lực mạnh giàu,  
Sau đêm tay trắng mắt đầu có khi.  
Cuộc đời nghĩ chẳng ra gì,  
Có không, không có vui chi mong cầu.  
Đời con rồi sẽ về đâu?  
Cuộc đời không mẹ buồn rầu lao đao.  
Rừng thu lá đổ xạc xào,  
Đêm khuya sương lạnh thấm vào lòng  
ai!  
Vàng trăng xế mãi phương đoàn,  
Chuông chùa siêu độ thờ dài dưới trăng



**TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ  
THIỆP MỜI**

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trân trọng kính mời :  
Quý Đồng hương Phật tử



Đến tham dự **Đại lễ Vu Lan Thắng Hội Phật lịch 2558**

tổ chức tại: **TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ**

365 Victoria St. Wetherill Park NSW 2164 - Điện thoại: (02) 9725 2324

trong 2 ngày:

**Thứ Sáu 08/08/14: - Lễ dâng sớ cầu siêu Vu lan**

**Chủ Nhật 10/08/14: - Đại lễ Vu Lan Thắng Hội - Văn nghệ Vu Lan**

Sự hiện diện của Quý vị sẽ góp phần vào việc duy trì  
đạo hiếu truyền thống lâu đời của tổ tiên chúng ta.

Kính chúc quý vị hiếu tâm kiên cố, phước quả viên thành.

Trân trọng,

**BAN TỔ CHỨC**



## ChÜÖng trình Vu Lan Thÿng Hÿi Pl. 2558

**Chủ Nhật 27/07/14 (mùng 1 tháng 7 Âm)**

09.45 - Lễ khai kinh mùa Vu lan báo hiếu  
- Tụng Kinh Vu Lan và Đại Báo Phụ Mẫu  
Ân Trọng (từ mùng 1 đến Rằm tháng 7 Âm)

**Chủ Nhật 03/08/14 (mùng 8 tháng 7 Âm)**

08.00 - Xe bus khởi hành dự Lễ Vu Lan tại chùa  
Phước Huệ Wollongong

**Thứ Sáu 08/08/14 (13 tháng 7 Âm)**

09.30 - Truyền giới Khóa tu Báo Ân (3 ngày)  
11:00 - Lễ Kì Tổ Đại lão Hòa Thượng thượng  
Đạt hạ Kiến  
18.30 - **LỄ DÂNG SỚ CẦU SIÊU VU LAN**  
21.00 - Thuyết pháp  
22:30 - Chỉ tịnh

**Thứ Bảy 09/08/14 (14 tháng 7 Âm)**

08.00 - Khởi hành đi Đại Tòng Lâm Phật Giáo  
- Lễ Vu lan  
- Viếng thăm Tịnh xứ cố HT. Tông Trưởng  
- Pháp thoại  
- Cúng thí thực thập loại cô hồn  
15.00 - Lễ Truyền Tam quy & Ngũ giới tại Tổ  
đình  
18:30 - Lễ Sám hối

20:30 - Thắp nến niệm Phật

22:30 - Chỉ tịnh

**Chủ Nhật 10/08/14 (Rằm tháng 7 Âm)**

10.30 - **ĐẠI LỄ VU LAN BÁO HIẾU**  
\* Lễ Cài hoa hồng  
- Cúng Chư hương linh thờ tại chùa  
- Dùng cơm chay đạo vị  
13.30 - Văn nghệ mừng Vu Lan  
15.00 - Cúng thí thực thập loại cô hồn  
16.30 - Lễ Xả giới Khóa tu Báo Ân

**Thứ Hai 11/08/14 (16 tháng 7 Âm)**

09.00 - Lễ tác bạch TỰ TƯ NĂM GIÁP NGỌ  
11.00 - Cúng đường Trai tăng  
18.30 - Khai Kinh Địa Tạng (tụng mỗi tối từ  
16/7 Âm đến 29/7 Âm)

**Chủ Nhật 24/08/14 (29 tháng 7 Âm)**

09.00 - Truyền giới Bát Quan Trai  
09.45 - Lễ Vía Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát  
13.30 - Tụng kinh Địa Tạng  
16.30 - Cúng thí thực thập loại cô hồn  
17.30 - Xả giới Bát Quan Trai



# 48 Phaùp Nieäm Phaät

Thuật giả: **Giang Đô Trĩnh Vi Am**  
Dịch giả: **Sa môn Thích Trĩnh Lạc**

**“Không có hạnh phúc nào bằng sự yên tĩnh của tâm hồn.”**

*Lời Phật dạy*

## KỆ KHAI CHUỖI

*Tay lần trăm tám hột châu,  
Dứt trừ tội lỗi, buồn rầu tiêu tan,  
Xa lìa khổ ác ba đàng,  
Thế gian phiền lụy hóa toàn liên hoa.*

*Ái hà ngàn thước sóng xao,  
Muôn trùng biển khổ lấp đầu than ôi!  
Muốn cho khỏi kiếp luân hồi,  
Phải mau gấp niệm Nam mô Di Đà.  
NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT*

## THAY LỜI TỰA

Tôi đã biết niệm Phật từ khi còn bé, vì gia đình cha mẹ đã tu pháp môn Tịnh độ trước khi sinh ra tôi. Nhưng từ trước đến giờ, tôi chưa được gặp tập sách nào chỉ đến phương pháp niệm Phật đầy đủ như tập này. Để cho người tu niệm đỡ thắc mắc khi không biết mình phải thật hành cách nào cho có kết quả và phải xoay sở ra sao khi gặp phải chướng ngại trên bước đường tu niệm, nên tôi xin kính dịch để giúp phần phương tiện cho những bạn tu Tịnh độ, tùy hoàn cảnh, căn cơ mà thực hành hầu để thu hoạch kết quả mong muốn.

Về lợi ích và giới thiệu Pháp môn Tịnh độ, ở đây tôi xin không đề cập, vì đã có rất nhiều bản nói đến rồi. Vậy tôi cũng xin như thuật giả, là đi ngay vào những phương pháp thực hành mà thôi.

Để làm dễ và rộng một phần nào sự tìm hiểu của các bạn đồng tu, sau mỗi pháp, nếu có chỗ nào chưa rõ ràng lắm, hoặc quá gọn tắt, tôi xin có lời giải thích (theo sở hiểu của tôi) và một

vài lời bàn giải để làm sáng tỏ cho phương pháp mà thuật giả đã trình bày.

Nhưng dù thế nào cũng sẽ không tránh khỏi ít nhiều thiếu sót, kính mong các bậc cao minh và các Liên hữu bốn phương vui lòng bỏ chính cho, thật tôi muôn phần cảm tạ.

Trong 48 pháp này, tùy phương tiện, hoàn cảnh, trình độ, có thể tùy nghi, không nhất thiết bắt buộc phải thực hành tất cả. Pháp này khó kết quả, hoặc không hợp, ta hãy đổi sang pháp khác, điều cốt yếu, làm sao cho được **“Nhất tâm bất loạn”** tức **“Niệm Phật tam muội”** là mục đích.

Kết quả tốt đẹp sẽ đến với chúng ta, khi chúng ta biết cách thực hành cho đúng mức.

Kính cầu nguyện ánh bi quang của đức Phật A Di Đà soi sáng tự tánh Di Đà của chúng ta và khi mãn duyên kiếp khổ lụy Ta Bà, chúng ta sẽ được thừa nguyện lực của Ngài, đồng được vãng sanh về cảnh giới an lạc.

NAM MÔ TIẾP DẪN ĐẠO SƯ A DI ĐÀ PHẬT

Chùa Thiền Tôn, mùa Hạ năm Quý Mão (1963)  
Liên Từ TỈNH LẠC

## Vài dòng của người đánh máy:

Để cho bạn đọc hiểu rõ thêm về tác giả của quyển sách này, tôi xin mạo muội kèm thêm tiểu sử của tác giả được trích trong quyển “Hương Quê Cực Lạc” của Hòa Thượng Thích Thiền Tâm. Xin các bạn hoan hỉ.

## DIỆU KHÔNG ĐẠI SƯ

Đại sư họ Trịnh, người ở Giang Đô. Lúc thiếu thời ngài học Nho, thường đồng với Quán Như pháp sư, Dương Như Sơn, Hứu Vân Hư,

thương nghị khắc Đại tạng kinh. Kế đó ngài xuất gia, tự hiệu là Khắc Kinh Tăng. Trong mười lăm năm, Đại sư đã khắc hơn ba ngàn quyển. Sau khi ngài tịch ba năm, bộ kinh Đại Bát Nhã mới hoàn thành. Đại sư giữ giới tinh nghiêm, quá giờ Ngọ không ăn, thuở sanh bình trú thuật rất nhiều, sau hợp lại thành pho: “Lâu các tông thơ”. Trong ấy phần nhiều là những sách xiển dương tông Tịnh độ. Ngài cảm hóa người rất đông, đa số là kẻ trọng vọng như ông Tướng Nguyên Lượng v.v... Nhà Thanh năm Quang Chử thứ 6, Đại sư niệm Phật mà tịch, hưởng 55 tuổi.

-----o0o-----

## 1. NIỆM PHẬT NÊN GIỮ Ý CĂN

Đã đem tâm này niệm Phật, phàm tất cả việc tạp thiện, tạp ác [1] đều không nên nhớ, tức hàng ngày chỉ nên làm mọi việc với ý niệm vạn bất đắc dĩ, xong rồi thì xả, đừng để day dính, sẽ chướng ngại tâm niệm của chúng ta. Và lại, sở dĩ tâm niệm của chúng ta cứ còn dây dưa mãi với những tạp thiện, tạp ác là vì ý địa chưa thuần; nếu ta niệm Phật đến lúc tâm địa sáng tỏ, thời ý địa tự nhiên chuyên ròng nơi quán sát, không duyên tạp sự.

Phải biết, niệm Phật có thể chuyển Phàm thành Thánh, là phương tiện giải thoát thứ nhất của thế gian và xuất thế gian vậy.

**Lời phụ giải:** S□ s□ng hàng ngày đã chỉ m quá nhiều thì giờ của chúng ta, bởi vậy nên những lớp trần ai càng bám riết theo cuộc sống, làm cho chúng ta không rảnh được sự tính toán, mà hễ tính nhiều tức loạn trí, lo âu ắt tổn thân. Thế nên khi xác nhận cuộc sống này chỉ là tạm bợ, trả vay, quay về với cuộc sống tâm linh vĩnh viễn, chơn thật, thì còn gì nữa mà không buông bỏ tất cả giả cảnh, để sống với cảnh giới chơn thường. Phàm, Thánh, mê, ngộ đều ở nơi ý địa của đương nhơn mà thôi!

## 2. NIỆM PHẬT NÊN GÌN KHẨU NGHIỆP

Đã dùng miệng này niệm Phật, phàm tất cả những việc SÁT, ĐẠO, DÂM, VỌNG [2] không nên buông lời nói càng, nói quấy. Một khi nói lỡ, nên tự nghĩ rằng: người niệm Phật không nên nói như thế, rồi cố gắng niệm lớn ít

tiếng danh hiệu Phật để trấn áp tâm mình và gạt tẩy ngay những lời bất thiện ấy.

**Lời phụ giải:** Phàm đã mang danh t□ Ph□ t□ và đã biết niệm Phật, tất cả phải giữ gìn khẩu nghiệp. Nếu thoảng một lời vô nghĩa thốt ra, tự suy nghĩ ăn năn chẳng ít, huống không có lợi ích gì cho ai, mà còn gây khổ hận cho kẻ khác, thì dầu một tiếng cũng không nên mở miệng. Phật là tượng trưng cho sự Thanh tịnh, mà ta lại niệm Phật bằng cái miệng bất tịnh thì phỏng được lợi ích gì? Trong kinh Phạm Võng có chép: “Nhứt nhứt khởi tam nghiệp tội, khẩu tội vô lượng.” Miệng là cửa mở muôn điều ác hay thành vạn sự lành, vậy ta cần phải suy kỹ trong lúc mở lời. Huống chi việc niệm Phật, chúng ta lại càng cần phải giữ miệng cho thật sạch, nghĩa là một lời quấy, một tiếng xấu, nhứt định phải tiêu diệt trong khi chúng còn trong trướng nước, không để chúng thành hình, đừng nói phát ra cửa miệng. Tu thân, tu tâm mà không tu miệng là một khuyết điểm lớn!

## 3. NIỆM PHẬT PHẢI CHỈNH THÂN NGHIỆP

Đã đem thân này niệm Phật, thời trong mọi lúc cũng như trong mọi cử chỉ: đi, đứng, ngồi, nằm, thân cần phải đoan chánh [3] thì tâm mới được thanh tịnh. Người niệm Phật nên tự nghiệm điều này, thật không bao giờ dối.

Lời phụ giải: Thân thể có ảnh hưởng mãnh liệt đến tinh thần. Thế nên, muốn cho tinh thần vững mạnh, tin tưởng chí thiết nơi tự lực, tha lực, kiên cố chấp trì câu danh hiệu Phật, tất phải dọn mình cho thật đoan chánh, trước khi niệm. Tâm ta tịnh được là do thân nghiệp không động, không nhiễm. Vậy nên, muốn công phu niệm Phật có kiến hiệu, điều kiện trước tiên là phải giữ gìn thân nghiệp cho đoan chánh.

## 4. NIỆM PHẬT LẦN CHUỖI

Niệm Phật một tiếng, tay lần một hạt. Chỉ nên niệm bốn chữ, đừng lộn sáu chữ, vì bốn chữ rất dễ thành khối [1]. Trong bốn chữ A Di Đà Phật, hoặc lần chuỗi tại chữ A, hoặc lần tại chữ Đà, hoặc định cho có phép tắc, không được lầm lẫn, đây là pháp mượn chuỗi để nhiếp tâm vậy.

**Lời phụ giải:** Gi□ tâm ni□m thành kh□, danh hiệu Phật, mỗi câu xâu suốt với nhau không xen hở một tạp niệm nào, ví như xâu chuỗi, hột này dính liền với hột khác, hột hột dính liền với nhau, đó là ý nghĩa của sự niệm chuỗi. Hơn thế nữa, đó là phương tiện nhắc nhở kẻ sơ cơ, chưa thuần với chánh niệm, nhớ lại câu niệm Phật. Kẻ lười nhờ đó mà siêng, kẻ trễ nhờ đó mà gắng. Khi chánh niệm đã tinh thuần, Phật niệm không lia tụt tâm, bây giờ có chuỗi hay không cũng chẳng thành vấn đề. Thế nên kẻ sơ cơ cần nhờ nó để làm phương tiện. Chẳng lẽ sắm chuỗi để móc à?

## 5. NIỆM LỚN TIẾNG

Nếu lúc thần trí hôn trầm [2], hay khi vọng tưởng đua khởi, hãy nên trấn tĩnh tinh thần, to tiếng niệm Phật, niệm cho được vài ba trăm tiếng tự nhiên đổi thành cảnh giới an tịnh. Bởi vì nhĩ căn thính lắm, nên ngoại duyên dễ vào, tiếng làm cho tâm động, tạp tướng nổi dậy, nên phải to tướng niệm Phật để giữ gìn nhĩ căn, hầu mở tỏ tâm linh. Bây giờ tâm chỉ nghe tiếng của chính mình, mỗi tiếng liên tục, đầy đủ, tất cả những gì phải quấy, nên, hư tự nhiên phóng xả.

**Lời phụ giải:** Lúc ta m□t nh□c, trong ng□□ hay uể oải, hay sanh chứng ngủ gật, hay cả thân thể lẫn tâm linh như có cái gì đè nặng, bây giờ nếu ta dùng cách tịnh niệm, thì chỉ càng giúp cho sự mệt nhọc, ngủ gật kia đặc lực. Thế nên ta phải to tiếng niệm Phật, quán sát tiếng niệm Phật kia từ tự tâm lưu xuất, rồi theo lỗ tai vào lại tự tâm, vòng quanh mãi như thế, đến khi nào, tâm ta sáng suốt, ma ngủ gật kia biến mất, chỉ thuần một câu niệm Phật rõ ràng mới thôi.

## 6. NIỆM NHỎ

Nếu lúc tinh thần tán thất, hoặc khi nhiều việc nhọc nhằn hay phải nhiều điều bức bách, thì không cần phải niệm to, chỉ nên thấu liễm thân mình [3]nhỏ tiếng niệm kỹ. Đến khi hơi thở điều hòa, tinh thần hừng khởi, an định tâm hồn mới nên niệm to tiếng.

**Lời phụ giải:** Ph□ng pháp ni□m nh□ là đ□ đối trị bệnh tán loạn. Nhiều khi vì quá bề bộn công việc, mà thân tâm ta phải quá nhọc nhằn,

hay có những việc làm ta phải cực lòng, bực trí. Bây giờ nên dùng pháp niệm nhỏ, vì nếu niệm to sẽ giúp phương tiện cho ma tán loạn thêm sức mạnh. Niệm nhỏ từng tiếng từng câu thật kỹ, thật rõ, lần lần tâm thần ta sẽ được an tịnh, bây giờ nên niệm lớn.

## 7. NIỆM THÂM

Nếu tâm khí [4]không được điều hòa, hoặc người hay chỗ có ngại, niệm to, niệm nhỏ đều thấy không tiện, thì chỉ nên động môi, dùng pháp niệm thâm (Kim Cang trì), không bắt buộc nhiều ít, nhưng cần nhứt: mỗi chữ, mỗi câu phải từ tự tâm lưu xuất.

**Lời phụ giải:** Pháp này khác v□ pháp ni□m nhỏ trước, vì chỉ được động môi mà không cho phát ra tiếng; nói cho dễ hiểu là chỉ nhép miệng mà thôi. Và như có người nằm gần ta, hay chỗ ta ở khít gần với kẻ khác, niệm thành tiếng dù lớn dù nhỏ cũng có thể đụng đến họ, vậy nên chỉ nhép miệng niệm thâm, không cần hạn số, bao nhiêu cũng được, miễn sao câu niệm Phật bắt nguồn từ tự tâm, kích động đầu môi, bật thành một thứ âm thanh huyền diệu, không thành tiếng mà vang khắp đại thiên, nhưng vẫn không ngoài đương niệm.

## 8. MẶC NIỆM

Lại hoặc niệm to, niệm nhỏ đều không hợp, tay lần chuỗi lại hiềm phiền phức, niệm thâm vẫn thấy còn có dấu vết, thì xưa có phương tiện chí xảo là không cần động mồm, không phát ra tiếng, chỉ bắt tâm niệm duyên chuyên một cảnh, âm thầm dùng lưỡi gõ vào răng trước (răng cửa) hay tâm tưởng cũng được, tùy ý, chỉ phải làm sao cho tiếng thật rõ ràng, nhưng tiếng không phải phát ra từ cửa miệng mà phải phát ra từ tự tánh. Tánh nghe lại phải dung thông nội tâm, nội tâm lại phải in nơi đầu lưỡi, đầu lưỡi kéo lấy niệm căn, tự tánh nghe nghe tự tánh, ba thứ dung hội, niệm niệm viên thông, lâu sau sẽ được thành tựu pháp quán: Duy tâm thức.

**Lời phụ giải:** Dùng pháp m□c ni□m đ□ thành tựu duy tâm thức quán này hơi khó và cao, đa phần dành cho những bậc có trình độ khá và cao trên bước đường tu tập. Người thực hành phải

dùng quán tâm, không phải dùng niệm tưởng. Không động miệng mà tiếng ấy phải rõ ràng, tiếng ấy là tiếng của tự tâm, dùng lối đem tánh nghe (văn tánh) nghe lại tiếng nói của tự tánh (phản văn văn tự tánh) đó là đã thấm đạt thật tướng của vạn pháp, thấm đạt như thiết duy tâm vậy.

## 9. ĐIỀU HÒA HƠI THỞ

Hoặc lúc khí tịnh, tâm bình [5], thì trước nên tưởng thân mình đang ở trong vòng hào quang tròn, thâm quán trên đầu chót mũi, tưởng hơi thở ra vào, mỗi một hơi thở thâm niệm một câu A Di Đà Phật. Phương tiện điều hòa hơi thở, không hườn không gấp, tâm niệm và hơi thở nương nhau, theo nhau ra, vào; đi, đứng, ngồi, nằm đều nên làm như thế, đừng để gián đoạn. Thường phải tự “mật trì,” nhiếp tâm đã lâu, cả hơi thở lẫn câu niệm, cả hai đều không còn phân biệt, tức thâm tâm này cũng đồng với hư không. Trì đến thuần thực, tâm nhãn khai thông, tam muội thoát nhiên hiện tiền, chính là “Duy tâm tịnh độ” đó.

**Lời phụ giải:** Pháp này cũng giống như S□T□C Quán trong Lục diệu môn. Dùng pháp đếm hơi thở, để điều hòa hơi thở ra vào. Mỗi một hơi thở hoặc ra, hoặc vào đều thâm niệm một câu A Di Đà Phật đều đều, không nên quá gấp cũng không được quá hườn, vì sẽ làm chướng ngại cho sự chuyên nhưt. Phật niệm không dứt, tâm được thanh tịnh, trí được chuyên ròng không tạp, hòa hợp với sự bao la vô ngại của Thái hư, tất cả đều duy tự tâm, mà hể tự tâm thanh tịnh thì quốc độ sẽ hoàn toàn thanh tịnh đối với ta vậy.

## 10. TÙY PHẬN

Hoặc lúc hôn trầm nhiều, thời nên kinh hành niệm Phật, hay khi tạp loạn nhiều thì nên ngồi ngay thẳng, yên lặng mà niệm. Giả sử đi hay ngồi đều không hợp, thời hoặc quỳ, hoặc đứng, cho đến tạm nằm, cũng đều cho phương tiện rộng rãi, có thể niệm Phật được cả. Cốt yếu: bốn chữ hồng danh [6]đừng để một niệm lãng quên, đó là yếu thuật hàng phục tâm ma vậy.

**Lời phụ giải:** Câu niệm Phật không phải chỉ dành lúc rảnh rang, hay tắm gội sạch sẽ, đến trước bàn Phật, mà nhưt thiết thời không được xao lãng. Bởi tâm niệm chúng sinh hàng ngày quá tạp loạn, hể hờ là tạp tưởng xen vào ngay, quấy rối tâm niệm. Như bàn tay quậy vũng nước

màn màn, nếu quậy ít hay quên quậy, màn màn sẽ trở lại ngay. Thế nên đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, động, tịnh đều phải cố giữ câu niệm Phật, không cho xen hờ. Như ông tướng giữ trại, như con mèo rình chuột, đừng để một niệm gián đoạn. Một câu niệm Phật không hờ, tùy phương tiện, tùy trường hợp, miễn sao cố giữ tâm niệm chuyên câu niệm Phật là được.

## 11. CHỖ NÀO CŨNG NIỆM PHẬT ĐƯỢC

Không luận chỗ sạch hay chẳng, hoặc chỗ vắng vẻ hay chỗ chộn rộn, chỗ vừa dạ hoặc nơi thất ý, chỉ “Hồi quang phản chiếu” [7]và suy nghĩ: những cảnh thế này ta đã gặp hơn trăm ngàn muôn ức lần, từ nhiều kiếp đến giờ; chỉ có việc “niệm Phật vãng sanh” là ta chưa có thể thực hành trọn vẹn được, nên vẫn còn bị trong vòng lẩn quẩn luân hồi. Giờ đây ta cũng chẳng quản niệm được cùng chẳng, chỉ thế giữ chặt “tâm niệm Phật” này, dầu chết cũng không để dứt “niệm đầu” [8]. Tại sao? Bởi niệm đầu mà để một phút gián đoạn, thời tất cả thiện, ác, vô ký [9]bao nhiêu tạp niệm lại sanh. Vì lẽ đó, nên dù lúc đi đại, tiểu tiện hay sản phụ lúc lâm bồn, chỉ chăm chú việc niệm Phật, càng khổ càng niệm, càng đau càng niệm nhiều hơn, như con thơ gọi mẹ, không sợ mẹ hiềm giận, nếu sợ mẹ giận mà không gọi nữa, ắt đứa trẻ sẽ bị sa chân vào hầm phân như nhớp, vì những sự đại đột do nó gây nên. Như thế chỉ có chết mất đi mà không làm sao được gặp mẹ.

**Lời phụ giải:** Th<sup>đ</sup> th<sup>đ</sup> □ng, có ng<sup>đ</sup> □i không h<sup>đ</sup> u cho rằng: vào chỗ như như nhà xí v.v... mà niệm Phật sẽ có tội. Nhưng trong pháp môn niệm Phật thì không phải vậy. Vì câu niệm Phật lúc nào cũng phải ngự trị trong tâm hồn ta; nếu vì lúc ăn, khi đi cầu v.v... mà để dứt, thì tức nhiên tạp niệm sẽ xen vào, mà hể tạp niệm xen vào được, niệm này sanh niệm khác, nối luôn không dứt, tránh sao khỏi điều tội lỗi, và tránh sao thoát nẻo sanh tử luân hồi.

Chúng ta giờ đây, chưa có thể nhưt thiết thời niệm Phật, nên phiền não niệm xen vào, biết bao điều phiền phức, đau khổ, nhọc nhằn; vậy thời chúng ta hãy cố gắng tập nhiều, tập mãi câu niệm Phật, hể bận việc thời thôi, bằng hể rảnh là ta niệm Phật. Không có gì tự nhiên mà được, phải đòi hỏi nhiều cố gắng, nhiều nỗ lực, vậy sau mới thành công. Bao nhiêu việc đời sẽ làm ta

phiền lụy, muốn tránh bao phiền lụy không chỉ hơn luôn giữ câu niệm Phật.

Đức Phật như bà mẹ hiền thương con dại, không có bà mẹ nào là không thương con. Thế nên, ta một lòng tưởng nhớ, tha thiết kêu cầu Đức Phật sẽ thương mà hiện cứu. Phật không bao giờ bỏ và cũng không bao giờ có giận hờn vì hễ còn giận hờn ắt chưa thể thành Phật, cũng như không có đức Phật, Bồ tát nào mà thiếu lòng từ bi cả. Xin hãy gắng niệm, đừng khinh mà coi thường.

## 12. NIỆM PHẬT CÓ ĐỊNH THỜI HAY KHÔNG

Trong pháp thứ mười một, không có định thời, nếu vậy sẽ ít người làm được. Bài này phương tiện nói có định thời là: sớm, tối hai thời, hoạch định thường khóa, từ nay đến suốt đời, không thêm, không bớt, ngoài ra trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, có thể niệm được một câu, thì nên niệm một câu, có thể niệm được nhiều câu, thì nên niệm nhiều câu, bất luận niệm lớn hay nhỏ.

Cổ non có bảo:  
Ít nói một câu tạp  
Nhiều niệm một câu Phật  
Đẹp để biết bao nhiêu!

**Lời phụ giải:** Vì s□ có nhi<sup>u</sup> v□ không th<sup>ể</sup> lúc nào cũng giữ câu niệm Phật được (bởi quá bận kể mưu sinh) nên phải phương tiện định thời. Thế là ai cũng có thể tu Tịnh độ pháp môn được. Nhưng điều cốt yếu: khi đã định thời, thì phải cố gìn, đừng để sai siển, dù lúc bịnh hoạn hay đau khổ.

Tuy nhiên, hễ khi nào rảnh rỗi là ta phải nhớ ngay câu niệm Phật.

Đánh đổi chúng sinh niệm bằng Phật niệm, tuy không được cao siêu nhưng là một phương tiện hiếm có để chuyển mê thành giác vậy.

## 13. CÓ ĐỐI TRƯỚC TƯỢNG HAY KHÔNG TRONG KHI NIỆM PHẬT?

Lúc đối trước tượng Phật, phải cho tượng này là thật Phật, không cần câu chấp một phương hướng nào, chẳng luận một thân nào trong ba thân của Phật [10], chỉ tự nghĩ: Ta chỉ nhứt tâm, tâm chỉ nhứt Phật, mắt nhìn tượng Phật, tâm niệm danh Phật, thật hết sức thành kính, mà hết

sức thành kính tất được linh cảm.

Lúc không có tượng Phật, nên ngồi ngay ngắn xoay mặt về phương Tây, lúc khởi tâm động niệm, nên niệm tưởng hào quang của đức Phật A Di Đà trụ trên đỉnh đầu ta, mỗi niệm, mỗi câu, tự chẳng để rơi vào khoảng không, hắc nghiệp cũng có thể tiêu diệt. [11]

**Lời phụ giải:** Ng<sup>ữ</sup> □ i s□ c□ ch<sup>ữ</sup> a có th<sup>ể</sup> quán t□ tâm tức Phật, thế nên phương tiện đối trước Phật tượng cho dễ xúc cảnh sanh tâm, nhưng điều cần thiết là phải hết sức thành kính vì hễ có cảm mới có ứng được

Bài này dạy rõ, khỏi phải bàn luận dài dòng, hành giả nên coi kỹ và theo như thế, tội nghiệp sẽ được tiêu trừ, Phật tâm tự hiện.

### **Chú thích:**

[1] Thành khối tức Nhứt Tâm hay Tam Muội đó. Niệm Phật cốt giữ một lòng không tán loạn, không xen tạp, như đường đã thành kẹo.

[2] Hôn trầm: nặng nề, ngủ gật, làm cho thân không được tự tại, tâm không được sáng suốt.

[3] Thân buộc tâm niệm, đừng cho nó chạy theo vọng trần, vọng cảnh tán loạn mất chánh niệm, bấy giờ tinh thần sẽ được sáng suốt.

[4] Tâm khí: Tâm là tâm niệm, khí là hơi thở. Tâm niệm bị loạn động, hơi thở đứt nối không đều, nên gọi là tâm khí không điều hòa.

[5] Khí tịnh tâm bình: hơi thở điều hòa, an tịnh, tâm niệm bình thản, thơ thới.

[6] Thường người ta niệm sáu chữ (lục tự Di Đà) nhưng suy kỹ thì sáu chữ sẽ khó nhứt tâm và khó thành khối hơn 4 chữ. Ngài Pháp Chiếu Đại Sư trong Ngũ Hội Niệm Phật cũng chủ trương 4 chữ.

[7] Hồi quang phản chiếu: Xoay quán trí trở về quán sát nội tâm, không duyên theo ngoại cảnh.

[8] Niệm đầu: Không phải niệm đầu là lúc đầu khi mới niệm Phật, mà mỗi niệm nối liền nhau, câu niệm Phật trước gói đầu câu niệm Phật sau, không hở không dứt.

[9] Vô ký là không nhứt định thiện hay ác.

[10] Ba thân Phật: Pháp thân, Báo thân, Ứng hóa thân.

[11] Hắc nghiệp: Nghiệp đen, chỉ cho phiền não

# Ni sô Haûi Trieàu Hảinh

## - MÔÁT NỒI HOÏC GIAÙO PHAÙP PHAÁT - NÔAI LỒI THỒNG TIẾC



1955 – 2014

Tôi đến định cư tại nước Úc 33 năm trước, khoảng giữa mùa Đông như năm nay - mùa đánh dấu vĩnh viễn từ biệt Ni Sư Hải Triều Hạnh. Ni Sư là một tước vị được tấn phong cho một Tỷ Kheo Ni đạo cao đức trọng, có uy tín, có khả năng vượt trội và làm được nhiều điều lợi lạc cho Phật tử cũng như cho những người khác không hề phân biệt, điều quan trọng là đã tu tập ít nhất 25 hạ lạp. Ni Sư Hải Triều Hạnh hưởng dương 60 tuổi và đã qua 39 hạ lạp quả là xứng đáng với tước vị Ni Sư.

Bởi những bận rộn học hành và làm việc ngoài đời, tôi không nhớ rõ mình đã gặp Ni Sư Hải Triều Hạnh tự lúc nào trong những sinh hoạt Phật sự của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam tại Úc và tại chùa Phước Huệ. Lớn hơn tôi một tuổi nhưng lúc nào Ni Sư cũng lịch sự gọi tôi là chị Ánh và xưng Cô Hạnh, tôi gọi Ni Sư là Sư Cô hay đôi lúc gọn hơn là Cô Hạnh và xưng em.

Khi thì nói chuyện đơn sơ trong các buổi họp tại chùa; lúc thì qua điện thoại với những chuyện nhỏ, phê bình hay góp ý kiến.

Hơn 12 năm trước, tôi sững sờ trước tin Sư Cô bị bệnh nặng và phải qua một phương cách trị liệu được các Bác sĩ chuyên khoa hoạch định rõ ràng theo chu kỳ. Ngày tháng cũng qua đi trong lo sợ của anh chị em Sư Cô và quý Phật tử, Sư Cô Hạnh với thân hình gầy còm hơn trước nhưng đã đẩy lùi được chứng bệnh nan y.

Ni sư trở lại đời tu thường ngày, dạy Phật Pháp và hướng dẫn các ni cô trẻ. Có điều đáng nói hơn cả là Ni sư trở lại làm chức vụ Tuyên Úy (Chaplain) tại bệnh viện và nhà tù theo đúng ngạch của chính phủ tiểu bang New South Wales, Australia.

Mãi đến tháng Sáu, 2013 tôi được biết Sư Cô Hạnh phải vào nhà thương chữa trị vì bệnh tái phát. Tôi vì quá bận rộn với nhiều việc trong những tháng sau đó nên quên mất chuyện tháng Sáu Sư Cô Hạnh phải vào bệnh viện chữa trị vì bệnh đã lan truyền sang các cơ quan nội tạng khác.

Rồi đến gần cuối tháng Mười tôi mới nhớ ra và hẹn đến tịnh thất để thăm Sư Cô cùng với một cô bạn.

Chúng tôi cùng ăn tối với nhau, và Sư Cô đã giảng cho chúng tôi những bài pháp ngắn với trích dẫn rõ ràng từ kinh điển. Dưới mắt tôi Sư Cô Hạnh hoàn toàn lành bệnh và lại càng ngạc nhiên hơn nữa với tốc độ bình phục vì Sư Cô đã trở lại bệnh viện và nhà tù với nhiệm vụ của người Tuyên Úy.

Tại nhà tù, vị Tuyên Úy hướng dẫn những tù nhân về những nhu cầu tâm linh và đạo đức cần có khi họ mãn hạn giam cầm. Lắng nghe những nỗi niềm hay đáp ứng những yêu cầu cá nhân về đời sống tinh thần là những gì vị Tuyên Úy phải chuẩn bị khi bước vào môi trường sinh hoạt biệt lập với phức tạp nhiều hơn. Với sự cô lập, với lòng hổ thẹn và với cảm giác bị cuộc đời xua đuổi, tù nhân lao lý có thể thấy hy vọng tan vỡ và kỳ vọng tương lai mong manh, nên làm việc với các tù nhân đòi hỏi một sự tinh tế rất cao.

Tại bệnh viện, vị Tuyên Úy cũng chia sẻ những nỗi đau tinh thần với bệnh nhân trong cơn thân bệnh và tâm bệnh. Cùng chia niềm vui với thân quyến người bệnh cũng như nỗi hốt hắng đau buồn lớn lao với những gia đình có người bệnh không may phải từ giả cõi đời. Vị Tuyên Úy cũng thực hiện những nghi lễ tôn giáo ngay tại giường bệnh trong các trại bệnh hay tại các nhà nguyện, hay chuyện trò với bất cứ ai cần trên hành lang phòng bệnh, nghĩa là vị Tuyên Úy sẽ hỗ trợ về tinh thần cho bệnh nhân, thân quyến người bệnh và ngay cả nhân viên y tế.

Sau buổi cơm tối đó, tôi thực sự vui mừng vì Sư Cô ăn uống bình thường, nói năng hoạt bát, tay chân lạnh lẽo hơn cả tôi nữa và lại quá mừng vui khi Sư Cô còn có thể hoàn thành trách nhiệm của người Tuyên Úy nữa.



# Kính dâng giaùc linh Ni sô Haùi Trieàu Haình



*Tịnh xá Cát Tường nơi tạm trú  
Chiếc vàng y tự tại thông dong  
Chí xuất gia tròn nguyện với lòng  
Nơi gương Phật tùy duyên hóa độ*

*Nguồn cội hiếu tạc lòng luôn ghi nhớ  
On Mẹ Cha không chút phai mờ  
Cù lao giáo dưỡng tôn thờ  
Huyền đường vắng bóng ai ngờ được đâu*

*Rời từ đó ẩn sâu tu niệm  
Sống một mình cho tiện đường tu  
Tuy là thân phận nữ lưu  
Chí thời cao cả đường tu đạt thành*

*Lão bệnh tử một đàng khó tránh  
Thân vô thường khác tợ chiêm bao  
Thân gầy hình ốm xanh xao  
Tâm luôn kiên định vượt bao khổ nạn*

*Thân huyền mộng gởi về cố quốc  
Chón cội nguồn sư đệ bên nhau*

*Hương Sen tình nghĩa trước sau  
Duyên trần đã mãn nhập vào Tánh không*

*Trăng tròn khuyết giống như sương tuyết  
Sáu mươi năm trụ thế với đời  
Nêu cao chí nguyện tuyệt vời  
Xuất trần thượng sĩ độ đời trăm luân*

**&&&**

*Ni dung phẩm hạnh rạng ngời  
Sư nghi trì giới độ đời trăm luân  
Hải hà khắp cõi thế nhân  
Triều âm vang tiếng ân cần kệ kinh  
Hạnh tu gương mẫu chúng sinh  
Cát đàng nương tựa cội tùng vững kiên  
Tường vân một đóa hương liên  
Tịnh nhàn lạc cảnh đình tiền nở hoa  
Thất an trong cõi Ta bà*

*Tùy duyên cảm hóa ruột rà*

**Tịnh Đức** thương nhau.

Trở về với bận rộn của đời thường, tôi lại quên bẵng đi chuyện thăm hỏi Ni Sư vì tin chắc là bệnh đã khỏi rồi. Không ngờ đến tháng Năm, 2013 được tin Sư Cô đã trở bệnh nặng, liều thuốc bác sĩ cho vào cơ thể đã không còn tác dụng nữa.

Vì biết mình không còn sống bao nhiêu ngày nữa nên Sư Cô đã quyết định đi Ấn Độ để rải tro cốt của thân mẫu (cũng là một Sư Cô) tại Bồ Đề Đạo Tràng như ý nguyện của người quá vãng.

Sau đó, Ni Sư đã trở về nghỉ ngơi tại nhà chị Hiền (chị ruột của Ni Sư) và quyết định những ngày cuối cùng của cuộc đời mình là trở về với ngôi chùa do Sư Bà Hải Triều Âm sáng lập, nơi mà hiện tại Ni Sư là vị đệ tử lớn thứ hai của Sư Bà (Sư Bà đã viên tịch).

Tôi không hẹn được đến thăm Sư Cô tại nhà, nên ngày thứ Ba, 06 tháng Năm 2014, trong buổi sớm buồn bã và lạnh giá cuối mùa Thu của Sydney, tôi một mình đi ra phi trường bằng xe buýt

và xe lửa để đưa tiễn Sư Cô.

Trong cái đông đúc bận rộn của phi trường Sydney, tôi tìm hoài không thấy Sư Cô đâu. Sau 45 phút đi tới đi lui, vòng qua vòng lại ở khu vực hành khách ghi danh lên máy bay, tôi buồn hiu thầm nghĩ "...thôi chắc Sư Cô đã vào bên trong theo cửa đặc biệt rồi...mình sẽ chẳng bao giờ được gặp lại..."

Tôi quyết định ra về. Nếu cứ theo hướng tay phải đi ra cửa ngoài mà không quay đầu nhìn về bên trái thì tôi sẽ không thấy chiếc xe lăn ở cuối hàng khách đợi chờ làm thủ tục xuất cảnh.

"Đất Trời ơi! Cô Hạnh!..." , tôi gọi Sư Cô và vội chạy đến gần. Chỉ thấy mỗi mình Cô với chiếc mũ len nâu và tay ôm áo choàng ngồi lọt gọn trong lòng chiếc xe lăn. Một lát sau thì chị Hiền và một người cháu trai vào để sẽ đưa cô về trong cùng một chuyến bay.

Tôi đứng bên Sư Cô .... chờ làm thủ tục lên máy bay. Sư Cô Hạnh nói là đang cảm thấy cơ thể mình tan rã dần dần. Sư Cô cũng giảng cho tôi nghe bài pháp ngắn về vô thường , đọc bốn câu kệ trong Kinh Kim Cang - tôi nghe mà chẳng nhớ nổi những câu kinh thuộc phần nào vì lòng buồn quá đỗi - một người nói năng sáng suốt như vậy mà sao lại phải chuẩn bị đi vào cõi chết?

Tôi lại thắc mắc: “ Sao Sư Cô Hạnh lại quyết định rời Sydney?”

“Sớm muộn gì Cô Hạnh cũng sẽ mất thôi!”- Cô trả lời nhẹ nhàng chấp nhận – “về với chùa của Thầy Tổ có các huynh đệ hộ niệm ở giai đoạn cuối cùng là điều cần thiết”.

Sư Cô còn nói với tôi “... tại Sydney tang lễ của Cô Hạnh sẽ thực hiện tại Chùa Phước Huệ, chị Ánh nhớ tham dự nhé...” Ai không thấy đĩnh hết cả lòng khi nghe câu nói này?

Tôi đỡ Sư Cô qua chiếc xe lăn của phi trường để gởi chiếc của Sư Cô theo đường hành lý. Sư Cô cho biết chiếc xe lăn đó cũng đã dùng cho Mẹ của Sư Cô lúc còn tại thế. Sư Cô Hạnh yếu đến nỗi không thể đứng lên một mình được. Khi cầm cánh tay của Sư Cô tôi mới biết rằng đó chỉ còn là da bọc xương mà thôi, “thiệt mình quá vô tình trong mấy tháng qua”.

Tôi lại hỏi thăm cách đi đứng ra sao để về đến chùa tận Đà Lạt. Khi Sư Cô qua cổng quan thuế tôi quay trở về mang theo lời Sư Cô dặn chị Hiền và cháu trai “nhớ tặng chị Ánh tấm hình hai Cô Trò chụp chung với nhau hôm nay nhé”.

Ngày 05 tháng Sáu 2014 Ni Sư Hải Triều Hạnh viên tịch. Tôi cũng đã được Sư Cô Phước Thanh cho biết ngày giờ lễ phát tang tại Chùa Phước Huệ.

Cũng trong tuần lễ đó, tôi nhận được thư điện tử từ Buddhist Council of New South Wales (Hội Đồng Phật Giáo tại tiểu bang New South Wales, Úc Đại Lợi):

Buddhist Connection – Connecting the Buddhist Community

Dear Friends,

We were very sad in the office this week, to receive word that Venerable Hanh Duy Tran, a much loved and respected Hospital and Prison

Chaplain for many years, and a tireless worker in the community, passed away in Vietnam.

Venerable Hanh appeared in the ABC Compass TV program Hospital Chaplains in 2012 – accessed here.

<http://www.abc.net.au/compass/s3479532.htm>

**We pray for a swift and auspicious rebirth for Venerable Hanh.**

Tạm dịch như sau:

Liên Kết Phật Giáo – Liên Kết các Cộng Đồng Phật Tử

Các Bạn Thân Mến,

Tuần này, văn phòng chúng tôi rất đau buồn khi nhận được tin về Sư Cô Hạnh Duy Trần - một vị Tuyên Úy tại Bệnh Viện và Nhà Tù trong nhiều năm – là người được thương mến và kính trọng, và là một người làm việc không hề mệt mỏi: Sư Cô Hạnh đã viên tịch tại Việt Nam.

Sư Cô Hạnh có mặt trong chương trình truyền hình ABC Compass về Tuyên Úy tại Bệnh Viện được trình chiếu trong năm 2012, xem theo đường dẫn này:

<http://www.abc.net.au/compass/s3479532.htm>

**Chúng tôi xin cầu nguyện cho Sư Cô Hạnh có được một sự tái sinh nhanh chóng và thiện lành.**

Trần Duy Hạnh là thế danh của Ni Sư Hải Triều Hạnh.

Lễ cúng dường Trai Tăng nhân lễ 49 ngày tại Chùa Phước Huệ cũng có mặt đủ cả thân bằng quyến thuộc và Phật tử thương mến Ni Sư. Tôi được chị Hiền tặng cho tấm hình tôi và Sư Cô Hạnh chụp lúc chia tay tại phi trường Sydney.

Hình tôi đứng bên tay trái của Sư Cô và quàng tay phải của mình từ đằng sau lên vai trái của Sư Cô. Tấm hình nhạt nhòa như sương khói lẫn quanh, nhưng Sư Cô Hạnh vẫn nở nụ cười thật tươi vì đã một đời học và thực hành theo hạnh Phật.

Ni Sư Hải Triều Hạnh – em kính bái và xin vĩnh biệt Ni Sư.

**Mai Tuyết Ánh**

22/07/2014



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÚC ĐẠI LỢI - TÂN TÂY LAN**  
**HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH**

Văn phòng: Chùa Quang Minh - 18 Burke Street, Braybrook VIC 3019. AUSTRALIA  
Tel: +61393125729 +61395482215 Fax: +61393110278 Email: phuocan@quangminh.org.au

Phật lịch 2558 – Sydney 08/06/2014

Kính gửi:

- Ban Tổ chức Tang lễ,
- Chùa Hương Sen tỉnh Lâm Đồng
- Chư Môn nhơn pháp quyền

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính,

Chúng tôi vừa được tin Ni sư Thích Hải Triều Hạnh nguyên Thủ quỹ Giáo Hội PGVNTN Úc Đại Lợi – Tân Tây Lan, Trụ Trì Tịnh Thất Cát Tường NSW vừa viên tịch ngày 05 tháng 06 năm 2014 (nhằm ngày mùng 8 tháng 5 năm Giáp Ngọ) tại chùa Hương Sen, thôn Phú An, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng Việt Nam, hưởng thọ 60 tuổi, 39 năm hạ lạp.

Thay mặt Giáo Hội PGVNTN Úc Đại Lợi – Tân Tây Lan và Tổ Đình Phước Huệ Úc Châu cũng như cá nhân chúng tôi trân trọng kính gửi quý Ban Tổ Chức Tang lễ, quý chùa Hương Sen, Chư môn nhơn pháp quyền, lời phân ưu chơn thành, đồng thời chúng tôi nhứt tâm cầu nguyện giác linh Ni Sư cao đăng Phật quốc.

Thành kính phân ưu,

Trân trọng.

**Thượng Tọa Thích Phước Tấn OAM**

- Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội PGVNTN UDL-TTL  
- Trụ Trì Tổ Đình Phước Huệ Sydney Úc Châu



# Thân phận của trẻ mồ côi

Lê Văn

Vu Lan về vào cuối mùa đông giá rét ở cái xứ lạnh lẽo ác nghiệt của một vùng trời Úc Châu. Cảm nhận được cái giá lạnh khắc nghiệt của thời tiết, hẳn nhiên, chúng ta cũng có thể cảm nhận được cái giá lạnh tê tái bi thảm của những tâm hồn non dại mà phải chịu mang thân phận của một kiếp sống mồ côi. “Mồ côi thì l’m ai nì! Đói chặm không ai bi: t, lờ lờ không ai phân”. Đó là cái t□ m-đi t-đ cả tình thương! Một người thiếu hẳn tình thương để ấp yêu sưởi ấm thì đâu có khác gì như một cây cột đèn đứng trơ vơ giữa bầu trời vắng lạnh buồn thảm. Thân phận của cây cột đèn đứng sừng sững bên lề đường, chẳng ai đoái hoài nghĩ đến. Sống mà không có tình thương thì có khác nào như một con ma đói khóc la kêu gào thèm khát. Trong Cung Oán Ngâm Khúc cụ Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều đã cảm thán:

*Đòi những kẻ thiên ma bách chiết  
Hình thì còn bụng chết đòi nau  
Thảo nào khi mới chôn nhau  
Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra*

Hình hài thì còn đó mà bụng đã chết từ lâu rồi! Đó là cái nỗi thống khổ của con người bất hạnh đã có mặt với cuộc đời từ khi mới lọt lòng mẹ chào đời. Đó cũng còn là báo hiệu bằng những tiếng khóc khổ đau hệ lụy sau này. Một khổ cảnh thương tâm kéo lê cuộc đời đi trong dạn dày sương gió. Thảm cảnh này thử hỏi có mấy ai thấu hiểu được để cảm thông? Đó là tiếng kêu than trầm thống của những con người bất hạnh đang gào thét van xin tình thương.

Mùa Vu Lan cũng là mùa gợi nhắc cho những ai còn có trái tim đầy lòng nhân ái. Xin mọi người hãy nghĩ đến những con người bất hạnh đang mang thân phận của một kiếp sống trôi nổi lạc loài. Họ cũng là một con người nhưng vì nghiệp báo phải trả nên đành phải mang một số kiếp hẩm hiu đi trong dòng đời khổ đau tràn đầy nước mắt.

Tình thương là cái nôi sưởi ấm mang lại niềm vui cho những con người đang cần đến những bàn tay yêu thương giúp đỡ của mọi người. Với tâm niệm phục vụ chúng sinh là cúng dường chư Phật, thiết nghĩ trong mùa Vu Lan Báo Hiếu, chúng ta cũng nên suy niệm và mở rộng cõi lòng yêu thương để làm những công việc từ thiện nào đó hầu cứu giúp cho những kẻ bất hạnh xấu số. Hành thiện cũng là một phương cách báo hiếu hữu hiệu. Hành thiện tạo phước có nhiều cách, nhưng cách nào cũng phải phát xuất từ tấm lòng chân thật xả kỷ. Có thể thì việc làm của chúng ta mới đem lại thực sự lợi lạc cho mình và người. Bất cứ việc làm nào nhằm đem lại cho con người có được nếp sống an vui hạnh phúc, thì việc làm đó rất có ý nghĩa và cần được tán dương hỗ trợ.

Có mục kích chứng kiến hoàn cảnh sống khổ sở nghèo nàn tồi tệ của các em mồ côi, chúng ta mới cảm thương và giúp đỡ. Một em bé mới vừa được năm tháng, bỗng người mẹ mang chứng bệnh nan y ngặt nghèo bị ung thư mà chết. Tưởng rằng mất mẹ thì còn có cha bỗng bé chăm sóc dưỡng nuôi, nhưng than ôi! nào ngờ đâu người cha cũng vắng số lià đời trong một tai nạn giao thông khủng khiếp. Nghĩa là người cha của em bé bất hạnh kia bị xe đụng chết tại chỗ. Thế là em bé đó đã mất đi tất cả tình thương đầu đời cả cha lẫn mẹ.

Trong hoàn cảnh đau thương bi đát ngút ngàn này, đứa bé được ông bà ngoại ẵm về chăm sóc nuôi dưỡng. Thế nhưng cuộc sống của hai ông bà già này lại nghèo khổ đói rách thê thảm. Ông thì bị bệnh tê liệt nằm một chỗ trên giường. Còn bà thì già yếu nay bệnh mai đau cũng không làm gì ra tiền. Trước đó còn nhờ có đứa con gái tinh thoảng nó cho chút đỉnh tiền bạc để tiêu xài. Ông bà chỉ có một đứa con gái duy nhất đó thôi. Nay đứa con gái yêu thương nhất đời đã chết đi thì thử hỏi đâu còn ai để lo cấp dưỡng chăm sóc! Ông thì bị bệnh nằm đó mà không có thuốc men để chữa trị. Bà thì tay chân run rẩy quờ quạng. Trong tình cảnh đó nay lại phải đèo thêm nuôi một đứa cháu ngoại chưa đầy một tuổi. Thế là phải làm

sao đây để có thể nuôi dưỡng đứa cháu?! Bây giờ chỉ còn có một cách duy nhất là phải nhờ đến những bàn tay của những người giàu lòng nhân ái từ thiện giúp đỡ. Những người hàng xóm chung quanh thấy vậy cũng rất thương tình, nhưng cũng không biết phải làm cách nào để lo cho chu toàn được.

Vì vậy, nên họ phải sống trong cảnh nghèo túng đói khát bữa đói bữa no. Ai thương cho gì ăn nấy. Ai giúp đỡ được gì thì mang ơn người đó. Bà cháu sống hui hút chịu đựng trong cảnh nghèo nàn túng thiếu đó. Phần lo cho ông bệnh, phần lo cho cháu, thế là không bao lâu bà cũng ngã bệnh. Hàng xóm thấy vậy, nên phải nhờ đến Hội từ thiện ra tay giúp đỡ. Bây giờ Hội từ thiện đến tận nơi quan sát thấy tình huống thật đau thương đó, nên họ mới xin đứa bé đem về đưa vào trong trại mồ côi để nuôi nấng.

Sau khi đứa bé đưa vào trong trại mồ côi không bao lâu thì ông ngoại của đứa bé đó chết. Thấy hoàn cảnh nghèo khổ đói khát không có tiền bạc nên hàng xóm mới vận động xin tiền góp lại để mua một cái hòm chôn cất cho ông. Còn lại bà một thân một mình bơ vơ trợ trợ buồn tủi thương nhớ rồi cũng không bao lâu bị bệnh mà chết.

Tuy đứa bé được sự bảo bọc nuôi nấng của những người đầy lòng từ tâm nhân ái, nhưng làm sao bằng được chính bàn tay của người mẹ ấp yêu nâng niu thương yêu vỗ về. Khi lớn lên đứa bé kia mới biết mình mang thân phận của một đứa trẻ mồ côi không cha không mẹ. Thật là buồn tủi cho số phận bất hạnh của mình. Thử hỏi có còn nỗi đau khổ nào hơn khi đã biết mình mất hết tình thương cao cả! Có biết bao bài ca dao, bài hát nói về thân phận đau khổ của một đứa trẻ mồ côi. “*Mồ côi thì l’m ai ơi! Đói cơm khát nước biết người nào lo...*”

*Thân phận trẻ mồ côi  
Lang thang giữa chợ đời  
Nắng mưa đầy nước mắt  
Một manh áo tả tơi*

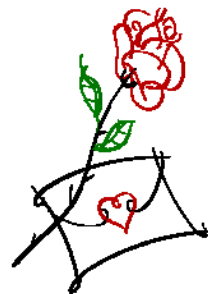
*Thân phận trẻ mồ côi  
Đói khát ôi! Rã rời!  
Đâu đường nơi xó chợ  
Gầy ốm như ma trôi!*

*Thân phận trẻ mồ côi  
Có miệng không có lời  
Người đời khinh ghét bỏ  
Mang kiếp sống bỏ rơi*

*Thân phận trẻ mồ côi  
Lang thang khắp cùng nơi  
Mong tình thương ai đó  
Xoa dịu chút khổ đời.*

Dẫu sao đứa bé này tuy bất hạnh mất hết tình thương của những người thân ruột thịt, nhưng bù lại em cũng còn có người thương yêu nuôi dưỡng. Và môi trường sống của em cũng không đến nỗi tệ bạc lắm. Còn biết bao đứa trẻ không được cảnh ngộ may mắn như em. Có em không cửa không nhà phải sống lang thang xin ăn như một kẻ bụi đời. Xã hội nào cũng có những con người bất hạnh như thế. Nếu nhìn theo lý nhân quả báo ứng của Phật dạy, đời này sở dĩ người ta phải chịu khổ sở cô quạnh nghèo đói rách rưới lang thang như thế là bởi do đời trước người ta tạo nhiều cái nhân bất thiện. Cứ nhìn vào cái quả báo mà chúng ta đang mang, thì chúng ta có thể biết được cái nhân đời trước. Nếu đời trước gây cái nhân ác đức thì đời này phải lãnh lấy cái quả báo đau khổ. Ngược lại, nếu đời trước ta gây nhân lành thì đời này ta hưởng quả lành. Và muốn biết cái quả báo đời sau của chúng ta ra sao, thì chúng ta hãy nhìn vào cái nhân mà chúng ta đang gây tạo trong hiện tại. Luật nhân quả rất công bằng không bao giờ thiên vị sai chạy. Sách Nho có câu: “*Thi-n ác đáo đ’u chung hữu báo, cao phi viễn tẩu dã nan tang. Hành tàng hư thiết tự gia tri, họa phước nơn do cánh vấn thù, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì*”. Nghĩa là, làm lành hay làm dữ cuối cùng cũng phải trả, không thể cao bay xa chạy mà tránh khỏi. Hành động của mình chơn thật hay giả dối thì tự mình mình biết. Việc họa phước đến với mình thì mình phải chấp nhận chớ đừng có hỏi ai. Chẳng qua nó đến với mình có mau chậm mà thôi. Điều đó ta cần phải quán chiếu cho thật kỹ để trong đời sống ta nên làm lành lánh dữ. Có thể thì đời ta mới được an vui hạnh phúc vậy./.

# Nỗi thõ Meĩ trong mưa Vu Lan



Melbourne, ngày 03 tháng 7 năm 2014

Oanh, Vũ hai con,

Ở bên đó vợ chồng con và hai cháu nội của mẹ khỏe không? Mẹ viết thư này gửi đến hai con trong mùa Vu Lan. Dù mẹ tuổi đã ngoài sáu mươi nhưng vẫn còn nhiều khuyết điểm. Bởi vậy mẹ phải soi rọi lại mình, lo tu sửa nhiều hơn. Mẹ không dám lạm bàn chuyện của người khác. Mẹ đi thọ bát hằng tuần nghe quý thầy giảng giải Phật pháp nên thuật ngữ Phật giáo có thể thâm nhập đôi chút. Thư này có đoạn nào khó hiểu mong hai con cố hiểu nha hay khi hai con về thăm mẹ, mẹ sẽ giải thích tường tận hơn vì thư bất tận ngôn mà.

Viết những dòng tư duy này gửi đến hai con như nhóm lên chút lửa làm ấm áp mẹ trong những ngày mùa đông giá lạnh ở Úc này. Mẹ khuyến khích hai con nên tu tập để giải hóa những đau khổ của cuộc đời. Vợ chồng mà cùng nhau tu tập rất tốt còn gì bằng. Còn trẻ như hai con dành 90 phần trăm thời giờ lo nợ áo cơm, nên bỏ ra 10 phần trăm thời gian có được trong ngày để tu tập. Dần dần tinh tấn hơn, sự tu tập càng ngày càng gia tăng.

Hai con;

Mẹ đã chuẩn bị dự khóa tu xuất gia ngắn hạn 10 ngày trong mùa an cư này tại chùa Quang Minh. Tiếc thay không đủ duyên nên khóa tu không thực hiện được. Quý thầy nói khóa tu này dời lại, có thể sẽ tổ chức vào mùa giáng sinh năm nay. Quý tăng ni đang trong mùa an cư và sắp tới lễ tự tứ. Tuần lễ này mẹ không thọ bát vì chùa có buổi gây quỹ từ thiện mô mắt cườm. Trong buổi chiều gây quỹ này có ca sĩ Diễm Liên và Đan Nguyên từ Hoa Kỳ sang giúp vui. Nghe nói số tiền gây quỹ này lên đến hơn 20 ngàn đô.

Hai con thương;

Ngoài đường phố Melbourne cây bây giờ đã

hết vàng rồi. Giữa đông rồi hai con à, phần lớn cây hai bên vệ đường tro cành đang hứng chịu sương giá. Mẹ nghĩ và nhớ về hai con. . . . Cách đây vài tuần Vũ gọi điện thoại cho mẹ. Vũ nói đi chùa thường thấy quý thầy cầu an, cầu siêu cho các tín chủ. Theo Vũ thì việc làm này có vẻ mê tín. Vũ thấy nhiều người đem một ít hoa quả đến cúng trước bàn Phật, Bồ Tát rồi cầu nguyện được mạnh khỏe, giàu sang, con cái thành đạt v. v. . . Vũ còn nói cầu thì cầu nhưng chắc được đâu chắc hên xui. Mẹ có nói đơn sơ với Vũ là còn tùy theo nhân duyên nghiệp quả chớ chỉ cầu không cũng chưa chắc chắn được siêu hay an.

Lúc thiếu thời mẹ lại thích nghiên cứu giáo lý của các tôn giáo khác. Mẹ đi học Anh Văn với vị mục sư gần nhà, thỉnh thoảng đi nhóm ở nhà thờ Tin Lành. Mẹ từng dự những thánh lễ nhà thờ Công giáo với Di Hai của hai con và tham dự lớp dự bị hôn nhân do cha sở dạy. Mẹ nhận thấy phần lớn người ta đến với các tôn giáo để cầu nguyện và giữ đức tin, trung thành vào vị giáo chủ của mình. Đa phần người ta hay nói cố gắng làm tròn đạo làm người chớ không nghĩ đến chuyện cao xa hơn. Con người yếu đuối trước những đau khổ phong ba bão táp của cuộc đời nên đa phần chỉ quỳ lạy cầu nguyện để "bình an". Lớn lên mẹ theo bà ngoại con đi chùa và nhận thấy nương tựa Phật thì thích hợp với mẹ hơn.

Hai con à, ngày xưa khi đức Phật còn tại thế mẹ không thấy kinh sách nói Ngài cầu an hay đi cầu siêu cho người nào cả. Nhưng trong thiên sử có câu chuyện pháp an tâm của Tổ Đạt Ma dạy Thần Quang tức Nhị Tổ Huệ Khả. Thần Quang đến bạch Tổ: *Tâm con không an xin thầy an tâm cho con.*

Tổ nói: *Ông đem tâm ra đây, ta an cho.*

Thần Quang: *Con tìm Tâm mà tìm không thấy.*

Tổ Đạt Ma: *V'ý là ta đã an tâm cho ông rồi!*

Từ đó Thần Quang biết pháp an tâm.

Ngày nay quý thầy vẫn tổ chức cầu an, cúng sao hay cầu siêu đó chẳng qua là phương tiện. Nhân dịp này quý thầy hướng dẫn Phật tử, những người còn sống trở về nương tựa với Tam Bảo; lánh dữ làm lành và tu tập để tâm an tịnh. Có vị thầy dạy cầu an cầu siêu nên được nói là kỳ an, kỳ siêu thì rộng nghĩa hơn để diễn tả sự mong ước và nói đến oai đức của chư Phật, Bồ tát. Phẩm phổ môn của kinh Pháp Hoa quý thầy hay dùng để cúng kỳ an. Phẩm kinh này nói niệm danh hiệu Bồ tát Quan Âm thoát khỏi lửa cháy, hắc phong và quỷ La Sát. Lửa cháy ý nói đến tham sân si. Hắc phong là gió đen ám chỉ khi mình nổi nóng giận mặt mày, đầu óc tối mù làm nhiều điều ác đức. Quỷ đây là lòng tham lam vô độ. Điều này có ý nhắc chúng ta chấm dứt tham sân si sẽ được an.

Kỳ siêu quý thầy hay dùng kinh A Di Đà dạy chúng ta niệm Phật, tu hành, tạo nhiều nhân lành, phước đức, giữ tâm bất loạn cho đến nhất tâm thì khi bỏ báo thân này sẽ tương ứng và vắng sanh về cõi Tịnh. Chúng ta hãy suy nghĩ nếu người còn sống không tu hành, niệm Phật lại tạo tác nhiều ác nghiệp thì ai có quyền lực đem người đó về Cực Lạc, đương nhiên phải chịu đọa tam đồ khổ. Họa chẳng khi cầu siêu chỉ là trợ duyên cho thần thức người quá cố ăn ăn sấm hối và quay về Tam bảo thì nghiệp tội có thể giảm bớt.

Hai con nên nhớ chủ đích của đạo Phật là độ sanh. Việc kỳ an, kỳ siêu là thể hiện tình thương yêu, tình nghĩa của con người. Theo mẹ việc làm này nên duy trì nhưng chúng ta cần phải có chánh kiến. Hai con suy nghĩ xem một mặt người Phật tử cầu cho người thân được sanh về Cực Lạc. Mặt khác người ta đốt cùng nhà lầu, xe hơi, vàng bạc, đô la để người quá cố hưởng dục lạc, việc này thì quá mâu thuẫn phải không? Một mặt cầu an mà đi lường gạt, trộm cướp, mua bán đồ quốc cấm thì làm sao an được? Vì vậy qua việc cầu an, cầu siêu chúng ta nên thể nghiệm chân lý nhân duyên nghiệp quả, vô thường, vô ngã, khổ v.. v..

Hai con thương;  
Mới đây mẹ có nghe một thầy khéo giảng về ý

nghĩa tu. Từ xưa nay người ta thường nói tu là sửa, từ hư hỏng sửa thành hoàn hảo, xấu thành tốt, ác thành thiện. Việc này chỉ là bước đầu thôi chưa hoàn mãn. Tu theo Phật giống như người nông dân với mảnh đất hoang, giai đoạn đầu phải dọn dẹp, nhổ cỏ. Sau đó người nông dân nỗ lực cày xới, trồng tía, bón phân cho hoa màu phát triển cho ra trái ngọt, rau lành. Một chu trình phát triển mảnh đất của người nông dân như vậy mới trọn vẹn. Người tu theo Phật cũng phải phát triển mảnh đất tâm của mình như vậy đó hai con ạ. Tu có nghĩa là bỏ đi các tâm vọng thì chân tâm Phật tính, tánh giác sẽ hiển lộ. Mỗi ngày người theo Phật phải phát triển tâm mình, vun bón để sen hồng nở rộ trời Tây. Hay nói khác hơn tu là phát triển phẩm chất của tâm.

Hai con à đức Phật có dạy rằng: "*Không ai làm cho ta nhiễm ô, cũng không ai làm cho ta trong sạch; trong sạch hay ô nhiễm là tự nơi ta, chỉ có ta làm cho ta ô nhiễm; chỉ có ta làm cho ta trong sạch.*" Lạy dạy trên đã mở ra cho con người một hướng đi rất chủ động trong việc tạo nên một đời sống an lạc giải thoát ngay tại cuộc đời này. Hai con nên nhận lãnh trách nhiệm đừng đổ thừa cho hoàn cảnh cho người này người kia về những hành động ngu si của mình.

Hai con à, người ta hay nói người tu về bờ giác. Vậy là bên này là bờ mê. Giữa hai bờ thì phải có biển hay một giòng sông. Giòng sông đó sông mê, giòng sông tham ái hay biển sinh tử, biển khổ mà chúng ta lặn ngụp trong đó. Vượt qua giòng sông ái, biển khổ là chúng ta đạt cứu kính, giải thoát. Mẹ khuyên hai con hãy tư duy làm sao ba độc tham sân si dần dần được thay thế bằng từ bi, trí tuệ.

Đính kèm theo thư này mẹ gửi hai con 3 CDs chứa đựng lời giảng giải của quý thầy những căn bản về tứ diệu đế, thập nhị nhân duyên, kinh bát nhã ba la mật đa. Mẹ thỉnh những đĩa này ở thư viện chùa Quang Minh. Mẹ vừa nghe xong gửi các con để nghe để được lợi lạc. Tiện đây mẹ xin sơ lược giới thiệu và nói lại những ý chánh qua sự nhận thức đơn sơ của mẹ.

Hai con thương của mẹ,  
Đôi lúc mẹ hay tự hỏi tại sao mình có mặt ở cõi này. Lớn lên mẹ vật lộn với cuộc sống và

chúng kiến cảnh chiến tranh ly tán, vô cùng đau khổ trong thời kỳ chiến tranh. Hồi đó nhà mình nghèo lắm. Ba mẹ đầu tắt mặt tối với công việc đồng áng. Hết mùa khoai bắp đến mùa dưa đậu. Mẹ luôn thắc mắc tại sao con người nhọc nhằn, đau khổ.

Bài pháp đầu tiên tứ diệu đế, đức Phật giảng cho năm đạo sĩ khổ hạnh Kiều Trần Như. Nghe xong cả năm vị đắc quả dự lưu tức nhập vào dòng thánh. Đức Phật đã đưa con đường để đi ra khỏi bốn cái khổ lớn của kiếp nhân sinh sanh lão bệnh tử và ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh khổ. **Khổ** là cái quả của cái nhân **tập**. Tập là tập khí nhiều đời bởi do chấp ngã chấp sở ngã tham lam sân hận v.v. Tìm đường tu hành giải thoát qua ba mươi bảy phẩm trợ đạo như bát chánh đạo mà đầu tiên là chánh kiến là cái thấy đúng đắn v.v. **Đạo** là nhân **diệt** khổ.

Giáo lý Phật giáo chúng ta bị ảnh hưởng chữ Hán quá nhiều. Từ thời Trần tổ tiên ta đã biết thoát ra cái ảnh hưởng đó nên đã sáng chế ra chữ Nôm. Dù ngày nay chúng ta có chữ quốc ngữ rất trong sáng nhưng kinh, luật, luận vẫn còn quá nhiều từ ngữ Hán âm. Chùa thiền hãy còn có những câu đối, hoành bằng chữ Hán. Thử hỏi thời đại ngày nay người Việt mấy ai hiểu được chữ Hán. Nếu người Phật tử không hiểu được ý Phật, ý tổ thì trở thành Phật chết, nghĩa là khó mà phát triển tiềm năng giác ngộ, hạt giống Phật không nảy mầm. Mẹ mong sao những vị sứ giả Như Lai cần phải tìm phương thức để Phật pháp phổ cập quần chúng, lợi lạc cho tất cả chúng sanh.

Trong 12 nhân duyên từ vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, ái, thủ, hữu, sanh và lão tử. Những từ này mà không được giải thích thì cũng như đọc thân chú. Theo chỗ hiểu biết của mẹ: **vô minh** là từ quá khứ, nhiều kiếp trước là không hiểu biết sự thật của mọi việc trên thế gian, không biết nguồn gốc của khổ đau và không học hỏi thực tập đạo để thoát khỏi khổ. Từ đó sanh ra **hành** là tạo tác ác nghiệp qua thân, miệng, ý. Từ hành dẫn đến **thức** đi đầu thai trong đời hiện tại. Đến **danh sắc**: danh đây nói đến tâm, sắc đây nói đến thân xác. Nói khác hơn vật chất và tinh

thần của con người được hình thành. Trong bào thai mẹ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý được sanh ra, đây là **lục nhập**. Khi sanh ra lục căn tiếp xúc với lục trần gọi là **xúc**. Nói cho rõ hơn là giác quan, ý thức tiếp xúc với các đối tượng như tiếp người đối vật sẽ cho ra **thọ** là những cảm giác, cảm nhận. Từ đó sẽ sanh ra thích hay không thích rồi sanh ra ham thích hay chán ghét đó là **ái**. Từ ái mới có **thủ** là muốn chiếm đoạt riêng cho mình. Ai ai đều muốn tồn tại, ham sống sợ chết đó là **hữu**. Ai mà không chết? Nên khi chết tiếp tục **sanh** rồi già chết tức **lão tử** trong đời tương lai. Vòng luân hồi 12 nhân duyên tiếp nối không bao giờ ra khỏi nếu chúng ta không tu đạo giải thoát.

Đến đây mẹ đề cập đến bài kinh bát nhã mà trong mọi thời khóa ở chùa, tại nhà chúng ta thường đọc tụng. Bài kinh này là cốt lõi của trí tuệ bát nhã vốn vẹn 242 chữ nhưng hàm chứa sự sâu sắc cả phần lý thuyết lẫn thực hành để có trí huệ. Đây là nói về hai chữ "**ngũ uẩn**". Đây là gồm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Đừng hỏi sao mẹ lại dùng Hán âm nữa nha, không có chọn lựa khác hai con ạ. Ngũ là 5, uẩn là tập hợp, chứa nhóm, nói cách khác ngũ uẩn là 5 thứ chứa nhóm. Như hai con biết con người chúng ta gồm có 2 phần vật chất, tinh thần, nói cho gọn là thân và tâm. Sắc là vật chất của thân người cấu tạo bởi đất, nước, gió, lửa. Ngoài thân chúng ta có các giác quan như mắt, tai, mũi lưỡi, da (*tránh nói thân vì trùng chM thân trên*) và ý. Ý đây thu□c v ý th□c c□a tâm nhưng xếp chung ở đây để cho thấy khi tiếp xúc với các đối tượng, hiện tượng thế gian thì tín hiệu sẽ dẫn đến tâm gồm bốn phần thọ, tưởng, hành, thức. Thọ đây là cảm giác hay cảm nhận để có vui, khổ hay không vui không khổ. Tưởng là tri giác tạo thành những mạng lưới có lời, có tên gọi. Mạng lưới với khái niệm không lời, mạng lưới ẩn tượng, mạng lưới liên tưởng v.v. Kế đó là hành là tiến trình tạo tác trong thâm tâm, sinh ra những phản ứng của tâm rõ nét và tạo ra ý nghiệp. Cuối cùng là thức là phân biệt, điều tra nghiên cứu, tổng hợp để đưa ra quyết định tạo ra nghiệp thiện hay ác qua miệng, thân mà thuật ngữ gọi là khẩu nghiệp hay thân nghiệp. Từ những hạt giống này biểu hiện tạo ra sinh tử luân hồi. Bởi vậy chúng ta nên tu ngay khi giác quan tiếp



xúc đối tượng chúng ta nên trụ ngay cái biết đầu tiên. Chúng ta nên thấp sáng ý thức để tránh những chùng từ ác vào trong kho tàng thức. Đó là tu ngay nhân tốt để tránh quả xấu. Bởi vậy trong kinh nói Bồ tát thực hành sâu xa trí tuệ bát nhã liền thấy ngũ uẩn đều không liền qua khỏi mọi khổ ách. Mẹ thấy đây là độc chiêu chúng ta nên áp dụng trên bước đường tu để an lạc ngay bây giờ và ở đây đó hai con.

Mẹ ước mong hai con nên nghiên cứu học hỏi căn bản Phật pháp trên cả hai phương diện lý thuyết, thực hành hay lý và sự. Quý thầy hay dạy lý sự phải viên dung đó hai con. Phật giáo và các tôn giáo khác đều khuyến khích hai con làm các việc lành, tránh xa những điều xấu ác, xây dựng đời sống đạo đức, biết yêu thương và phát triển các giá trị nhân phẩm cho chính tự thân và tha nhân, cho gia đình và xã hội. Nhưng hai con cần biết Phật giáo khác các tôn giáo khác là không thừa nhận có một Thượng Đế sáng tạo, ngự trị và chi phối đời sống của con người. Khổ đau hay hạnh phúc là do mỗi con người gây ra cộng với sự chi phối của dòng nghiệp lực cũng do chính mỗi con người tạo tác. Điều căn bản trong hệ thống triết lý của Phật giáo là tất cả những gì có mặt trên cuộc đời trên thế gian này đều là duyên sinh, có điều kiện; và do đó, tất cả pháp là vô ngã, không hề có một thực thể nào bất biến, vĩnh hằng, cũng không có ai làm chủ đời sống của con người. Điểm nổi bật trong giáo lý của đạo Phật là tất cả chúng sinh đều có Phật tính và đều có khả năng thành Phật. Sự giác ngộ, giải thoát tối thượng là chân lý bình đẳng đối với tất cả chúng hữu tình mà không phải là một ân sủng đặc biệt dành cho riêng ai. Hai con có thấy đây là quan điểm rất bình đẳng, khó có thể tìm thấy ở nơi khác.

Nếu tỉnh thức toàn diện chúng ta sẽ vượt qua các lậu hoặc, kiết sử, thù miên, phiền não, nhiễm ô và kiến lập đời sống an lạc, hạnh phúc cho mình. Tùy theo tỉnh thức với cấp độ khác nhau từ thấp đến cao mà kết quả khác nhau và tùy thuộc vào dòng nghiệp lực trong nhiều đời. Khi nào chúng ta vượt ra khỏi những ràng buộc của các phiền não như tham lam, sân hận, si mê, chấp thủ...trong đời sống của chính mình thì khi đó sẽ giải thoát. Mẹ cần nhấn

mạnh với hai con: để đạt được giải thoát hai con không cần phải đi đâu hết mà trái lại hai con cần phải tu tập ngay bây giờ và ở đây, ngay nơi con người này của hai con tại thế giới này.

Hai con nên đặt trọn niềm tin vào ba ngôi Tam Bảo – Phật, Pháp, Tăng, và các lời dạy của Đức Phật. Hai con cần phải tin vào các đạo lý căn bản đó là nhân quả, nghiệp báo. Hai con nên tin vào khả năng giác ngộ, giải thoát của chính mình. Tự thân chúng ta không tu tập, cải thiện những tâm thức và hành động xấu ác của mình, thì phải tiếp tục gánh chịu khổ đau. Nếu nỗ lực tu tập chánh pháp, thực hành bát chánh đạo có cái nhìn đúng đắn thì được an lạc. Thực hành những đạo lý căn bản giúp mọi người hạnh phúc và chuyển hóa dòng nghiệp thức của mình.

Sự khác biệt căn bản trong ý nghĩa của hạnh phúc giữa đạo Phật và thế gian là ở chỗ dính mắc, bám víu hay không dính mắc, bám víu mà thôi. Nếu hai con không cố chấp, bám víu sống an lạc tự tại giữa thế gian, bất kể môi trường và thực tại như thế nào. Trái lại, hạnh phúc của thế gian luôn gắn liền với tư tưởng cái tôi, cái của tôi, và cái tự ngã của tôi, đây là những tư tưởng ái thủ, xung đột, nó âm thầm đánh tan mọi hạnh phúc sẽ bị lôi kéo rồi sẽ tiếp nối nỗi nuối tiếc giữa cõi phiền muộn của được, mất, hơn, thua. Tóm lại hạnh phúc trong đạo Phật được định nghĩa là không bám víu.

Có người mình thương và người làm mình khó chịu, nói rộng ra là có đối tượng thường gây cho mình vui, có đối tượng khác làm mình khổ, cũng có khi không vui không khổ. Trong trường hợp phải đối diện với người làm cô chấp và thị phi chúng ta không cần nói mà chỉ cần lắng nghe với tất cả sự bình thản, bao dung và cố gắng đừng đáp lại bằng bất kỳ một phản ứng nào. Hãy quán niệm và thực tập hạnh của lá sen. Nước chảy lên lá liền trôi đi một cách nhẹ nhàng. Hai con nên thực tập lắng nghe với tâm không phản kháng, sẵn lòng nghe tất cả giọng điệu, như hai con nghe một đĩa nhạc có nhiều bài hát khác nhau, dịu dàng và không dịu dàng, vui và buồn, trầm và bổng .v.v. Hai con nên tập lắng nghe với tâm không phản

kháng lâu ngày hai con sẽ làm cho tâm mình trở nên bình thản như mặt đất, có thể chấp nhận bất kỳ bàn chân hay sự chà đạp nào mà lòng vẫn an nhiên, tự tại.

Làm vơi đi khổ đau bằng cách này hay cách khác là điều mong ước của tất cả mọi người. Tuy nhiên, khi chúng ta khi đối diện với khổ đau là tìm kiếm nguyên nhân của khổ đau để chuyển hóa nó, chứ không phải chạy trốn khổ đau. Trên thực tế, để lắng dịu khổ đau, việc đầu tiên hai con cần làm là ôm lấy niềm đau như một kinh nghiệm quý báu cho cuộc sống. Để làm được điều đó, hai con cần dành nhiều thời gian để quán chiếu thực tại của khổ đau cũng như những nguyên nhân sâu xa của nó thay vì ngồi than thân trách phận hay cố chạy trốn, tự quyên sinh. Khổ đau nào cũng đưa đến cho ta một kinh nghiệm sống quý giá, và đó cũng là chất liệu cần thiết để nuôi dưỡng nghị lực và ý chí của con người. Nếu không có khổ đau làm nền tảng cho cuộc sống hạnh phúc, thì hạnh phúc của hai con sẽ trở nên mong manh như sương khói. Thêm vào đó, trong khổ đau còn có những đức tính cao quý giúp cho chúng ta trưởng dưỡng đời sống tuệ giác chân thật. Chẳng hạn, khi đối diện với bệnh tật, bất an chúng ta có thể kinh nghiệm được sự vô thường và từ đó từ bỏ bớt tâm kiêu mạn, chấp ngã; hay khi đối diện với tai nạn, chết chóc, đau thương v.v. các tâm sân si, thù hận sẽ

ngươi dần. Tuy nhiên, điều quan trọng là, nếu hai con không thấy rõ được nguyên nhân đích thực của khổ đau, thì hai con sẽ không thể chuyển hóa nó một cách hữu hiệu. Đức Phật dạy khổ đau là một chân lý, và khi thấy được sự thật của khổ đau thì an lạc liền sinh khởi. Do đó, quán niệm về bản chất của khổ đau hay nguyên nhân của khổ đau không những là một giải pháp chuyển hóa mà còn là cách thức chữa lành khổ đau. Mẹ nhớ lại bốn câu thơ:

*Đời người như thể bông hoa,  
Giữ sao màu sắc mặn mà xinh tươi.  
Hương thơm quả tốt hắt hoi,  
Nhân còn truyền mãi cho đời mai sau.*

Hai con ơi đêm nay vầng trăng tháng bảy khi hiện khi ẩn khi hiện trên bầu trời. Mùa Vu Lan năm nay mẹ mong hai con nên noi theo gương hiếu hạnh của Tôn Giả Mục Kiền Kiền. Hạnh hiếu là hạnh Phật. Mẹ mong sao hai con luôn hướng về Phật pháp. Chúc vợ chồng con cùng hai cháu dồi dào sức khỏe và mọi điều dung thông. Hai con nên thường xuyên dạy cho hai cháu nói tiếng Việt. Ngày 18 tháng 9 này là ngày giỗ của Ba; vợ chồng con về để cả nhà đoàn tụ. Mẹ rất mong gặp lại vợ chồng con và hai cháu. Mẹ dừng bút nhé!

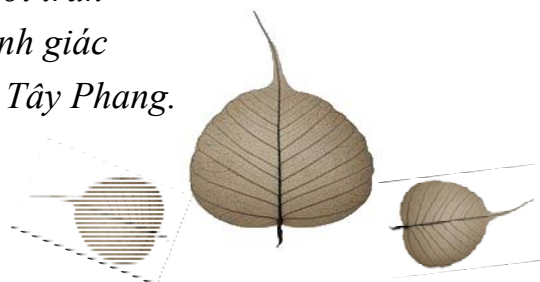
Mẹ của con.

**Lê Hồng Diễm**

Huyeãn  
thần

Thanh  
Trì

*Thân như bọt nước hợp rồi tan  
Chìm nổi lênh đênh khóc khổ than  
Mây kẻ nhận ra mình bọt nước  
Bao người biết rõ cảnh hoa tàn  
Hơn thua phải trái tranh nhau mãi  
Cầu xé bon chen lệ ướt tràn  
Này hỡi ai ơi! mau tỉnh giác  
Chóng lo niệm Phật vãng Tây Phang.*



# CHEÁT GIỖA MƯØA XUAÂN



*Thành tâm cảm tạ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và  
Kính dâng hương hồn thân mẫu tôi, Bà C.T.D., pháp danh Nguyễn Hỷ*

**Thiện Tuệ Nguyễn Khoa Huân**

“Bùm: Ôi chao ôi! Trời đất ôi!”

Tôi nghe tiếng nổ to lớn kinh hồn (như một tiếng sét trong cơn mưa dông) giữa năm giao thừa của năm Đinh Mùi qua năm Mậu Thân, làm búng cả tai, và âm thanh tiếng kêu đau thương bi thảm của một người nào đó, chắc chắn là trong gia đình tôi...Tôi vội chạy qua phòng bên cạnh. Trời tối đen và qua cửa lớn của phòng bên tôi sờ soạn kêu lên: “Bà Nội ơi! Má ơi! Không có tiếng đáp, không một lời kêu rên. Hoàn toàn là im lặng. Tôi trông vào phòng, cái giường của mẹ tôi đã lật úp xuống để một khoảng trống lớn có thể nhìn thấy trời đêm, cửa sổ mở toang, các cánh cửa đã bay đâu mất, cánh cửa lớn thì nhào xuống nằm chúi. Và qua bóng đêm dưới ánh lù mù của đèn điện, ba cái bóng đen đầu đội mũ, hiện qua khung cửa sổ. Linh tính báo cho tôi biết cuộc tấn công của Việt cộng vào thành phố Nha Trang đã bắt đầu và họ đã hiện diện ngay trước cửa nhà tôi! Vậy thì làm gì bây giờ? Tôi không cần phải rút câu chì để cứu hỏa, bởi vì bóng tối sẽ là đồng lõa với du kích quân và thì giờ quá cấp bách chỉ còn đào tẩu, mặc cho vợ con ra sao thì ra. Tôi thật là ích kỷ, bây giờ chỉ lo cho tánh mạng của mình thôi. Tôi gọi to: “Sen đâu?”

Con Sen, con bé giúp việc bây giờ núp trong bóng xó nào không rõ đáp: “Dạ”.

- Mi đâu Sen?

- Con đây!

- Thôi tau đi nghe, bà nội ở trong phòng bên cạnh nghe. Rồi không đợi nó trả lời, tôi chạy xuống bếp, đẩy cửa, chạy qua sân...Tôi nghe thoang thoảng “Đoành, đoành...” và tôi cảm thấy đau nhức nhối ở hạ bộ, miệng thét lên: “Ông Thanh Tra ơi, tôi bị bắn rồi.” Miệng thì kêu nhưng chân vẫn chạy và khi đến trụ sở

thanh tra bên cạnh, tôi chạy ra phía cầu thang. Nhìn bên trong tôi thấy lửa cháy ở tầng lầu dưới, trong gian phòng bên cạnh. Tôi vội chạy lên tầng lầu trên.

Tôi thấy tối đen như mực. Tôi nắm cửa phòng anh, lay mạnh gọi thất thanh “T. ơi T. ơi, H. đây, H bị thương rồi, cứu H với, ra đi ra đi...” Đáp lại tiếng kêu của tôi, gian phòng vẫn im lặng nhưng bên ngoài thì tiếng súng vẫn nổ dòn từng tràng liên thanh, từng tiếng lựu đạn và những thứ súng khác kêu chát tai xen lẫn với tiếng pháo đầu năm... Tôi sờ soạn, lần mò, vết thương đau buốt, chạy từ phòng này qua phòng khác. Lửa dưới lầu bốc lên. Qua khung cửa kính tôi thấy đồ rục như những lò nấu bánh chưng bánh tét. Nước ở trong các ống nước nổ tung và bắt đầu chảy. Nước lạnh thành nước sôi, nóng bỏng. Chân tay tôi bị phỏng nước mấy nơi, bây giờ sức nóng của lửa làm cho căn phòng của tôi đang đứng có vẻ oi bức như một trưa mùa hè gay gắt, sức nóng gần như một cái lò than hay lò vôi. Đã hai lần tôi chạy ra khỏi phòng và hai lần tôi lại thối lui vì sức nóng như thiêu. Tôi kêu la đau đớn và miệng vẫn lâm râm danh hiệu “Quán Thế Âm Bồ Tát”. Thật là nguy ngập nếu tôi không ra khỏi nhà này. Trong giây phút nguy nan ấy tôi bèn thét to lên: “Nam Mô cứu khổ cứu nạn linh cảm ứng Quán Thế Âm Bồ Tát! Nam Mô Thiên Y A Na Thánh Mẫu!” Danh hiệu sau là vị thần thờ tại tháp PONAGAR, gần cầu Xóm Bóng, một vị thần có tiếng là linh thiêng mà dân chúng Nha Trang tôn thờ. Tiếng kêu vừa dứt, tôi cảm thấy một luồng gió mát lạnh, một giòng điện, đẩy tôi chạy mạnh ra phía sau tầng lầu một và xuyên qua cái cửa sổ không có song, chỉ có một tấm gương ngăn đôi có thể lật lên úp xuống, tôi thòng đầu ra ngoài, hai tay

chuỗi dài ra như một nhà bơi lội sắp nhảy xuống nước, và yên trí rằng lần này sinh mạng của mình chỉ phó thác cho thần linh và số mạng...

Nhưng tôi bỗng cảm thấy tê tái, chân vừa đặt lên một cái gì. À thì ra tôi không bị va đầu sưng trán, hay gãy tay trặc chân gì cả. Tôi đã roi xuống cái mái cửa văn phòng làm việc của anh Tr.. Từ đó tôi lại phải nhảy một đợt nữa xuống đất, roi bên cái giỏ rác. Giá như ngày thường thì tôi không thể nào dám nhảy như vậy, vì tôi có tiếng là nhát gan. Lần này thật là phép lạ. Sau khi nhào xuống đất tôi cố gắng bò đi, không dám ngóc đầu dậy. Vì nhờ có học chút ít quân sự lúc còn là sinh viên nên nay tôi phải đem sở học của mình ra để áp dụng... Tôi bò lẩn vào khoảng ba chục thước và đến gần một cái nhà và một cái cầu tiêu rồi nằm trong khoảnh đất ấy bên cạnh một bức tường thành hình ba mặt bao bọc chỉ chừa một ngõ hẻm ra. Vị trí tôi chọn lựa thật là tốt, một vị trí ẩn nấp kín đáo và an toàn. Nằm úp mình xuống tôi vẫn niệm “Quán Thế Âm Bồ Tát”, hai tay chấp lại, mặc cho nước mắt tuôn trào vì đau khổ, xót xa... Bên tai tôi tiếng súng vẫn nổ dòn chát óc, nhiều luồng đạn sáng rực lòe lên trong đêm khuya bay loẹt xoẹt ngang bờ thành. Lúc bấy

giờ tôi mới nhớ đến phép niệm Phật linh diệu là dường nào và trong kinh có nói ai niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì tránh được thất nạn. Ngày thường tôi đọc vẫn chưa tin nhưng đến nay kinh nghiệm cho tôi rõ có sự linh ứng lạ kỳ...

Tôi có treo ảnh Đức Quán Thế Âm Bồ tát trong nhà. Việt cộng bắn rất nhiều phát vào bức tường khiến bức ảnh rớt xuống nền nhà. Tuy nhiên bức ảnh không bị trúng đạn. Bức ảnh ấy hiện nay tôi vẫn còn để trên bàn thờ với ảnh của Đức Phật A Di Đà để luôn luôn nhớ ơn Ngài. Lúc nhỏ tôi thường đào trùng, bắt dế, cào cào, châu chấu cho ba tôi làm mồi câu cá. Lại nữa khi ngủ có muỗi tôi thường lấy đèn dầu hỏa có bóng tròn đốt thiêu rất nhiều muỗi. Nhà tôi có nhiều rệp nên tôi nấu nước sôi tưới cho nó chết. Tôi nghĩ rằng đây là nhân quả nên tôi phải bỏng nước sôi và suýt nữa cháy tóc bị thiêu trong tai nạn này. Còn mẹ tôi lúc sinh tiền có nuôi heo để bán cho các người mua về làm thịt. Lúc có tiệc hay giỗ thì giết gà giết vịt. Có lẽ vì vậy mà mẹ tôi bị quả báo nhân tiền chết thảm.

Tôi viết bài này để thành tâm sám hối và tôi cũng đã ăn chay trường trên 20 năm nay./.

# Bình Yên

Đông phong không lạnh lòng lữ khách  
Vì bởi hương sen một tách trà  
**Bình yên** tìm kiếm đâu xa  
Lòng ta đã có chẳng qua nhận làm.

\*\*\*

Gió ngại đường xa không rõ lối  
Mây về cố quận vượt phong ba  
**Bình yên** hỏi lại lòng ta  
Tìm ngoài chẳng có cách xa muôn trùng.

\*\*\*

Sương mờ phủ tuyết ngoài song cửa  
Biển vắng thuyền không chẳng có người  
**Bình yên** nở một nụ cười  
Cho hay vạn vật bầu trời chính Ta.

T. Đức



Núi kia đứng sững ngàn thu ấy  
Nguồn suối ngày đêm vẫn chảy hoài  
**Bình yên** từng bước ai hay  
Gió dừng biển lặng ngày ngày an vui.

\*\*\*

(tiếp theo)

## 86. Vấn đề tuổi tác và duyên số trong hôn nhân.

**Hỏi:** Kính bạch thầy, con thấy có nhiều gia đình Phật tử, vợ chồng cũng có học thức cao, kinh tế gia đình của họ cũng khá đầy đủ, nhưng không hiểu sao gia đình của họ không có hạnh phúc. Vợ chồng cứ gây gổ lục đục nhau hoài. Như vậy, có phải là do tuổi tác của họ không hợp? Hay là do duyên số, định nghiệp của họ, nên họ phải chịu quả báo như vậy. Kính xin Thầy giải thích cho con được rõ, trường hợp này như thế nào?

**Đáp:** Đây là trường hợp hầu như đại đa số gia đình không ít thì nhiều đều vướng phải. Vấn đề hạnh phúc hôn nhân không thể hoàn toàn đặt định trên vấn đề kiến thức, lại càng không phải do tuổi tác hay kinh tế vật chất tạo nên. Nếu đặt định tin tưởng như thế, chưa đủ yếu tố để xây dựng hạnh phúc gia đình. Học thức cao, kinh tế đầy đủ, cũng chỉ là một trong nhiều yếu tố khác. Mặc dù hai yếu tố này rất cần thiết trong đời sống lứa đôi. Ngoài hai yếu tố này ra, nó còn đòi hỏi nhiều yếu tố khác nữa. Theo Phật giáo, là cần phải hội đủ nhân duyên. Nói đến nhân duyên, tất nhiên, phải có chánh nhân và trợ nhân hay trợ duyên. Thí dụ hiếu và thương là chánh nhân. Ngoài ra, những yếu tố khác có thể nói đều là trợ duyên.

Ở đây, thiết nghĩ, chúng tôi cũng cần nói rõ mình định lập trường của Phật giáo trước sau như một. Phật giáo, ngoài việc chủ xướng đề cao lý nhân quả ra, Phật giáo không bao giờ chủ trương người Phật tử tin vào những điều gì khác, có tánh cách tà tín, như là vấn đề bói toán, xem tuổi tác và ngày giờ tốt xấu để phán xét, đoán định vận mạng nơi quá khứ, hiện tại, vị lai. Phật giáo chủ trương và luôn khuyến khích người Phật tử tin sâu lý nhân quả nghiệp báo, với mục đích là để chúng ta tìm ra nguyên nhân hình thành ác nghiệp, để từ đó tìm mọi phương cách khắc phục, hoán cải, những nhân xấu để trở thành nhân tốt. Đồng thời, cũng chuyển hóa những ác nghiệp trở thành thiện nghiệp. Có thể, thì mới cải thiện được đời sống của chúng ta ngày càng thăng hoa tốt đẹp hơn.

Do đó, theo Phật giáo, những chuyện xảy ra

# 100 Câu hỏi Phật pháp

com không lành canh PHỒÙC không ngọt, mất hòa khí trong gia đình, không phải là do tuổi tác không hợp, mà là do tập khí chủng nghiệp của mỗi người huân tập ở những môi trường sống khác nhau, mà người ta thường nói là tánh tình không hợp. Khi nói tánh tình không hợp, ta phải xét tìm nguyên nhân lý do tại sao? Nếu bảo rằng, do tuổi tác, thì lẽ ra từ đầu chí cuối phải là xung khắc luôn luôn, chớ tại sao khi hợp khi khắc? Khi vui thì hợp, khi buồn thì khắc. Khi vừa ý thì hợp, khi trái ý thì khắc. Như vậy, sự xung khắc bất hòa này do đâu? Tại sao mỗi người không chịu tìm hiểu lại chính mình mà đổ thừa cho tuổi tác?

Từ nhỏ đến lớn, trước khi thành vợ chồng, mỗi người có một đời sống hoàn cảnh khác nhau. Không ai hoàn toàn giống ai. Chỉ hợp nhau ở một khía cạnh nào đó, như trình độ học vấn, sở thích, cá tánh... Đây mới chỉ là hợp nhau trong bước đầu. Hợp nhau trong cái thuở ban đầu lưu luyến ấy. Bước đầu bao giờ cũng rất là đẹp. Vì hai bên đều giữ kín những tật tánh xấu của mình. Không ai dám để lộ ra cái chân tướng của mình cho đối phương biết rõ. Nhưng khi thành vợ chồng chung sống với nhau một thời gian, bấy giờ nó mới hiện ra rất nhiều thứ không hợp. Những thứ không hợp này, nó ẩn khuất tiềm tàng sâu kín, mà cả hai khó tìm thấy nhau. Nếu biết rõ nhau ngay từ lúc đầu, thì nguyện ước hôn nhân khó thành. Cho nên, cả hai đều phải che giấu.

Nhưng khi sống chung, thì biệt nghiệp cá tánh của mỗi người đều hiện rõ. Từ đó, cả hai mới nhận thấy có nhiều điểm bất đồng. Và mọi việc không còn như ý muốn ban đầu. Và cũng từ đó chiến tranh lạnh bắt đầu có cơ bộc phát. Vậy nguyên nhân bất hòa gây ra chiến tranh này do đâu? Vì cả hai không chịu tìm hiểu, bởi tìm hiểu thì mỗi người sẽ để lộ chân tướng xấu của mình ra, rồi vì bản ngã, vì tự ái, nên bây giờ chỉ còn có cách đổ thừa cho tuổi tác, cho ông tơ bà nguyệt se duyên không đúng, hay là do

duyên nghiệp trở trêu v.v... Nghĩa là phải tìm đủ mọi cách để chạy tội đổ thừa trách nhiệm cho kỳ được, chớ không ai chịu tìm hiểu lại lỗi lầm của chính mình. Phật giáo, với cái nhìn của tuệ giác, không thể chấp nhận cho việc tránh né đổ thừa này.

Thử hỏi trên đời có ai làm vừa ý mình hết không? Chính mình có đôi khi còn không vừa ý với chính mình, thì có ai mà làm vừa ý mình. Như vậy, rõ ràng không phải do tuổi tác xung khắc mà là do nhiều yếu tố khác. Yếu tố nào gây ra sự bất hòa? Đó là điều mà người Phật tử cần phải truy nguyên tận nguồn gốc của sự bất hòa đó. Trên đời này, không có gì là không có nguyên nhân. Thường chúng ta hay mắc phải chứng bệnh chủ quan. Mà bệnh chủ quan là con đẻ của bệnh chấp ngã. Vì chấp ngã, nên cái gì mình cũng đúng hết. Mọi lỗi lầm đều do người kia gây ra, mà chúng ta không chịu tìm hiểu căn nguyên vấn đề của chính mình.

Đạo Phật dạy rằng, sự sống hình thành bởi nghiệp và chính nghiệp trở lại chi phối đời sống của ta. Như người có tánh nóng nảy, đụng tới là lửa sân hận nổi lên đốt cháy người khác. Tánh nóng nảy, đó là một tập khí do huân tập mà có, tự tánh của nó là không. Vì vậy, cho nên khi gặp nghịch duyên bất như ý là nổi sân lên, đến khi vừa ý, thì lại êm dịu.

Như vậy, tánh nóng nảy kia đâu phải là có thật. Tuy nó không thật, nhưng chính nó lại là nguyên nhân chi phối đời sống chúng ta. Hạnh phúc bị đổ vỡ, phần lớn cũng do một trong hai người thiếu sự bình tĩnh. Từ mất bình tĩnh, thiếu sáng suốt, cho nên lửa sân nổi lên đốt cháy hoành hành. Thế là từ việc bé xé thành to. Do đó, Phật dạy, người Phật tử cần phải thường xuyên tu tập để chuyển hóa thân tâm.

Muốn chuyển hóa thân tâm, từ những hạt giống xấu trở thành những hạt giống tốt, thì cần phải có trí huệ. Trí huệ hay chánh niệm rất thiết yếu trong đời sống. Khi có trí huệ hay chánh niệm kịp thời can thiệp, thì chắc chắn những hậu quả không tốt khó có thể xảy ra. Khi sự việc xảy ra, ta phải tìm rõ nguyên nhân, chớ không nên đổ thừa bừa bãi. Tại sao phải nổi nóng gây ra mất hòa khí trong gia đình? Do nguyên nhân nào? Do tuổi tác hay do tánh nóng? Hay do những thứ gì khác, mà mình không chịu tìm ra. Tại sao mình hay đổ thừa

người khác? Lý do nào mình hay đổ trút tội lỗi lên đầu người ta?

Khi hai người bất hòa, hãy bình tĩnh ngồi xuống để tư duy tìm rõ nguyên nhân trong tình thân hòa giải, hòa hợp để tìm cách thiết lập cảm thông, chớ không nên tranh nhau ăn thua đủ. Có tìm ra nguyên nhân, thì mới có hiểu và cảm thông nhau và từ đó mới có thể hóa giải mọi gút mắc bất hòa để rồi yêu thương quý kính nhau. Nếu thiếu hai yếu tố **“Hiếu”** và **“Thương”** này, thì khó có thể cởi mở, hỷ xả sống chung hòa hợp với nhau được.

Đời sống là một chuỗi dài trả nghiệp và gây nghiệp. Nghiệp đã gây tạo từ quá khứ và trong hiện tại, tất nhiên, không thể không trả. Nhưng nghiệp, ta có thể chuyển được, một khi đã tìm rõ nguyên nhân tác nghiệp. Tính chất cơ bản của nghiệp là bất định tính. Nghiệp luôn luôn chuyển biến theo chiều hướng thiện hoặc ác, tùy theo hành động của thân, khẩu, ý mà mỗi cá nhân gây ra. Dù rằng sự đổ vỡ hôn nhân, tuy có sự can dự vào của nghiệp nhân quá khứ, nhưng đó chưa phải là hoàn toàn chi phối quyết định tất cả. Mà phần lớn là do nghiệp nhân hiện tại gây nên. Cho nên, muốn tìm hiểu về nghiệp phải căn cứ trên chiều thời gian. Mà thời gian hiện tại mới là điều quan trọng để chúng ta chỉnh hướng cho hiện tại và tương lai.

Tóm lại, vấn đề hạnh phúc gia đình, cần nên cư xử tế nhị trong nhiều vấn đề. Mỗi người cần phải có cái nhìn sắc bén bằng tuệ giác trong việc cư xử với nhau. Vì sống chung với nhau không sao tránh khỏi những cá tánh bất đồng. Sự bất đồng đó, muốn dung hợp được, chỉ có một nhịp cầu duy nhất nối liền hai đầu lại với nhau, đó là **“Hiếu”** và **“Thương”**. Có hiếu và thương thì mới có tương kính và nhường nhịn nhau. Thiếu nhịp cầu này, thật khó có sự cảm thông. Không cảm thông nhau, rất khó hòa hợp. Vì có tìm hiểu tánh tình, sở thích, và những cá tánh dị biệt khác, thì mới cảm thông và thương yêu nhau hơn. Từ đó mới có thể chuyển hóa mọi mâu thuẫn, xung khắc bất đồng cùng chảy về một dòng suối yêu thương và hạnh phúc. Có thế, thì người Phật tử mới có kỳ vọng xây dựng vững chắc được mái ấm hạnh phúc gia đình. Có hạnh phúc mới có an hưởng những niềm vui của những ngày tháng sống tạm bợ trên cuộc đời đầy khổ đau hệ lụy

này.

## 87. Lễ hằng thuận tại chùa.

**Hỏi:** *Kính bạch thầy, con thấy thỉnh thoảng có những cặp hôn nhân làm lễ kết hôn ở chùa. Con không hiểu ý nghĩa tại sao trong chùa lại có làm lễ kết hôn như thế? Kính xin thầy giải đáp cho con hiểu.*

**Đáp:** Hôn nhân, đối với tổ tiên ta ngày xưa, được xem rất là quan trọng. Việc định vợ gả chồng là chuyện trăm năm, nên phải có sự chọn lựa kỹ càng. Có nhiều gia đình giàu có sang trọng, họ thường chọn môn đăng hộ đối. Cho nên, một lễ cưới ngày xưa rất là rườm rà, đủ thứ lễ nghi. Ngày nay, người ta đơn giản đi rất nhiều. Đại khái chỉ còn giữ tập tục 2 lễ chánh thức, đó là lễ hỏi và lễ cưới.

Ở Việt Nam, việc làm lễ cưới tại chùa, rất hiếm thấy. Nhưng từ khi người Việt mình ra hải ngoại đến giờ, thì việc làm lễ cưới tại chùa dường như không còn xa lạ đối với người Việt mình nữa. Sở dĩ người Phật tử tổ chức lễ cưới trong chùa, theo chỗ chúng tôi được biết thì, cũng có nhiều lý do. Trước hết, cần nói rõ, Phật giáo không có một nghi thức cố định cho lễ cưới này. Lễ này, theo Phật giáo gọi là lễ “*hằng thuận*”. Tùy th<sub>đ</sub> gian và hoàn c<sub>đ</sub>nh □ mỗi nơi mà chư Tăng Ni linh động hành lễ cho nó thích hợp.

Đối với người Việt tỵ nạn ly hương, thật đây là một hoàn cảnh mà tận thâm tâm của mỗi người không ai muốn xa quê hương xứ sở của mình. Nhưng vì hoàn cảnh mà phải bỏ nước ra đi. Khi đến xứ lạ quê người, bao nhiêu tình cảm yêu thương gắn bó đối với quê hương, xóm giềng, chùa chiền đã mất mát đi quá nhiều. Do đó, người Phật tử muốn tìm lại cái không khí mái ấm gia đình của quê hương thân thiết ngày nào trong tình tự hài hòa của một dân tộc, thì không đâu hơn bằng mái ấm đây tình người của một ngôi chùa. Vì:

*“Mái chùa che chở hồn dân tộc,  
Nếp sống muôn đời của tổ tông”.*

Do đó, mà sự tổ chức một lễ cưới tại chùa cũng mang lại nhiều ý nghĩa cho đời sống tâm

linh của chú rể và cô dâu sau này.

Buổi lễ diễn ra trước sự chứng kiến của hai họ và trước Tam Bảo chứng minh, nhưt là lại được nghe những điều giảng dạy về đạo đức làm người trong đời sống hôn nhân theo tinh thần Phật dạy trong Kinh Thiên Sanh của chư Tăng Ni. Từ đó, sẽ gây một ấn tượng sâu đậm thêm trong việc đối xử của đôi nam nữ sau này, nhưt là, ý nghĩa rất sâu xa của chiếc nhẫn.

Khi chú rể và cô dâu trao nhẫn cưới cho nhau, điều đó nói lên, biểu trưng cho việc cư xử trong tinh thần nhường nhịn yêu thương tương kính lẫn nhau của hai người. Cuộc sống lứa đôi nếu thiếu đi yếu tính này, thì khó có thể xây dựng được hạnh phúc lâu bền. Do đó, khi hai bên trao nhẫn cho nhau, dưới sự chứng minh của Tam Bảo và hai họ, thì đây quả là một điều mang ý nghĩa thật hết sức quan trọng. Vì thế mới gọi đây là lễ hằng thuận. Hằng là luôn luôn, thuận là hòa thuận. Muốn luôn luôn hòa thuận với nhau, thì cả hai đều phải biết tương kính nhường nhịn nhau. Đó cũng là ý nghĩa của chiếc nhẫn mà tổ tiên ta đã bày ra cho mọi người noi theo.

Ngoài ra, còn có việc ký hôn thú cho hôn nhân. Nhưng điều này, theo tôi, không quan trọng lắm. Điều quan trọng là làm sao cho đôi nam nữ hiểu được ý nghĩa của đời sống lứa đôi trong tinh thần yêu thương hòa kính theo những lời Phật dạy. Đó mới là trọng tâm ý nghĩa của buổi lễ. Và đó mới thật sự có tác động mạnh trong đời sống tâm linh của đôi nam nữ sau này.

Tóm lại, việc tổ chức một nghi thức đơn giản cho lễ cưới của người Phật tử trong chùa, mặc dù, đây không phải là một truyền thống của Phật giáo, nhưng nó cũng nói lên một ý nghĩa đặc thù trong chiều hướng xây dựng hạnh phúc gia đình trong tinh thần yêu thương qua nếp sống cư xử hòa kính của người Phật tử. Những lời phát nguyện trước Tam Bảo của hai người, nó có một tác động rất mạnh mẽ cho đời sống tâm linh về sau. Vì thế, mà việc tổ chức lễ cưới trong chùa, nó cũng mang lại nhiều ý nghĩa tốt đẹp và rất là hữu ích vậy.

(còn tiếp)



# Haõy thõic haønh Boà Taüt ñaõo

**T**rong bài trước chúng tôi đã nói về Công xảo minh, hôm nay xin bàn đến Y phương minh, một trong năm môn học của Phật giáo mà đức Phật đã khuyến khích hàng Bồ tát thực hành để cứu giúp chúng sanh.

Y phương minh có nghĩa là môn học về thuốc, bệnh lý và cách trị bệnh tức là phương pháp trị liệu các bệnh tật bằng thủ thuật hoặc bằng tâm lý. Hiện nay, các loại thuốc ngừa, vệ sinh công cộng, việc chẩn đoán, bệnh lý, sinh lý, sinh vật học, môi sinh có thể nói tất cả đều ở trong Y phương minh. Theo Phật giáo, người hành y không luận là nội hay ngoại khoa đều phải có lòng từ bi thương xót bệnh nhân. Một bác sĩ hay y tá là những người phục vụ, chữa trị và cứu sống bệnh nhân không mong được đền ơn hay khen thưởng. Sở dĩ đức Phật được gọi là đại y vương là vì Ngài để ý quan sát tìm hiểu và thực nghiệm trạng thái thân tâm con người như một vị bác sĩ đã làm với bệnh nhân. Ngài đã chăm sóc những bệnh nhân khác như đệ tử của Ngài. Ngài cũng dạy các đệ tử cách tự chăm sóc lấy và giúp đỡ kẻ khác, không chỉ cố gắng chữa trị các bệnh tật mà còn phải bỏ thí mọi thứ cho họ. Đây là một trong tám công đức như: mở đường, đào giếng, xây cầu, sửa đường hư, hiếu cha mẹ, cúng dường sa môn, cúng dường bệnh nhân, giúp người hoạn nạn, mở đàn thí thực vong hồn. Thực ra, các đệ tử Phật là những người thủ thuật giỏi về ngoại khoa như Kỳ Bà Đồng Tử rất trọng giá trị con người.

## 1.- Giá trị con người:

Đức Phật thường dạy: “Thân người khó được” cho nên con người rất quý cả tâm và thân. Vì vậy, trên thế giới con người khác loài vật là biết suy nghĩ, biết làm việc và vẫn dùng trí tuệ làm cho thế giới văn minh. Đức Phật cũng cho rằng chỉ có con người mới tiếp nhận được giáo pháp của Ngài và có thể tu hành, có thể phát Bồ đề tâm. Do đó, con người thật sự là báu vật

trên thế giới. Tuy nhiên, con người phải được giáo dục, hướng dẫn tinh thần theo điều thiện, thương yêu giúp đỡ kẻ khác, xây dựng một thế giới hòa bình, hạnh phúc, không hận thù tàn hại lẫn nhau. Phúc lợi chung của con người phải được bảo đảm an toàn, mang nhiều ý nghĩa và sự kết hợp thể xác với tinh thần con người phải được lành mạnh. Không có tiêu chuẩn văn minh nào có thể khiến con người vô nhân đạo, không tình yêu và lòng từ bi. Tinh thần cao thượng của con người là do biết lễ độ, cần cù và có kỷ luật. Thân tâm con người có khỏe mạnh mới phát sanh trí tuệ. Con người không chỉ tu sửa bản thân mà còn phải lo tu sửa tinh thần nữa. Con người đáng quý là bên ngoài có khả năng chinh phục thế giới, bên trong hiển lộ bản tánh chuyển mê thành ngộ. Những kẻ bệnh hoạn cả thể xác lẫn tinh thần thì không thể nào hoàn thành được bất cứ việc gì. Đó là lý do tại sao Đức Phật nhấn mạnh đến Y Phương Minh, kiến thức giữ cho thể xác và tâm hồn mãi mãi lành mạnh.

## 2.- Bệnh tật và mô thức y học.

Ngoại trừ các thương tật do tai nạn hay chiến tranh gây ra, còn bất cứ bệnh gì cũng đều do cấu trúc ngũ tạng, lục phủ, hoặc hệ thống cơ thể hoạt động sai lệch nhiệm vụ. Nhiệm vụ sai lệch này đều do ảnh hưởng bởi sự nhiễm trùng, kiêng ăn, môi sinh, tinh thần rối loạn, hoặc bất cứ điều kiện hư hỏng khác, hoặc bất cứ sự kết hợp nào ở trên. Điều này đưa đến ba quan điểm của Phật về bệnh tật và kỹ thuật trị liệu sau đây:

### a/ Chữa Trị Ngoại Thương.

Lúc Phật còn tại thế, những thương tật hoặc hư gãy đều do tai nạn và chiến tranh gây ra. Phần nhiều đều do mình tự chữa trị hoặc nhờ gia đình trị giúp. Đôi khi cá nhân biết kỹ thuật chữa trị hoặc các nhà thủ thuật nhiều kinh nghiệm như Kỳ Bà Đồng Tử cũng trị liệu được. Đức Phật khuyến khích phải chữa trị



sớm không nên trì hoãn. Trong câu chuyện ví dụ Phật nói với đệ tử Mạn Đổng Tử như có một người trúng tên bị thương, không có thời giờ để hỏi ai bắn ông ta, loại cung gì, tên gì v.v.. Thời gian để ông ấy trả lời chắc ông ta chết mất. Vì vậy, việc chữa trị phải thật nhanh và sạch sẽ vì nó liên quan đến thương tật cơ thể.

#### b/ Sự tương quan các rối loạn của Thân và Tâm.

Một người có bệnh là thường do tâm lý hoặc sinh lý thất thường, hai căn bệnh này đồng thời tồn tại và quan hệ rất phức tạp. Do đó, thầy thuốc khám bệnh phải đề tâm theo dõi, xem xét tư liệu và yếu tố tâm lý khi bệnh nhân kể lúc bị bệnh, rồi quyết định thế nào cho bệnh nhân rõ về triệu chứng bệnh. Theo quan niệm của Phật về y học là quan sát đặc tính tâm lý và sinh lý của bệnh nhân rồi mới tìm cách chữa trị. Đặc biệt nhất là phải có niềm tin như trong kinh Dược Sư đức Phật Dược Sư đã dạy trong lời nguyện thứ 7 của Ngài: “Tôi nguyện đời sau được thành Phật như có người bị bệnh không dứt, không ai giúp đỡ, không chỗ nương thân, không thầy, không thuốc, khôn khổ, không nhà, các người bệnh kia nghe đến tên tôi một lòng trông niệm, tức thời hết bệnh, thân tâm an lạc, được nhiều quyến thuộc, tài sản cuối cùng thành Phật”.

#### c/ Mô thức lý tưởng y học của Phật.

Danh từ mô thức được dùng ở đây có nghĩa xác định tiêu chuẩn bệnh tật. Chúng ta được biết những cảm xúc của con người như tham, sân, si, là các yếu tố quan trọng gây ra bệnh tật. Như người bực bội nóng giận thường mắc bệnh ung thư hoặc đau bao tử. Đức Phật thường quan sát và kinh nghiệm thấy rằng mầm mống đầu tiên gây ra bệnh tật là dấu hiệu thay đổi bề ngoài cơ thể con người. Sự thay đổi này thường diễn tả trạng thái buồn rầu, lo sợ, hoảng hốt, cảm giác thay đổi, hành vi bất thường v.v.. Vì vậy, theo mô thức lý tưởng y học của Phật, bệnh tật con người đều chẳng phải trở thành ngay một loại bệnh đặc biệt nào hoặc bắt đầu ngay cho một thứ bệnh tương đồng khác. Mô thức này là do nhận thức bệnh tật liên quan đến sinh lý và trạng thái bệnh lý. Bệnh tình và bệnh lý này hoàn toàn do việc

nghiên cứu tương quan giữa sinh lý, tâm lý và yếu tố xã hội mà thành. Do đó, tùy theo trường hợp mỗi căn bệnh mà chữa trị như chúng ta đã thấy trong kinh Hoa Nghiêm. Theo kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài nghe lời khuyên đến tham bái ông trưởng giả Phổ Nhân là một thầy thuốc giỏi và cũng là một vị Bồ tát. Ông tâm sự với Thiện Tài: “Tôi đang ở trong thành và làm nghề thầy thuốc chữa bệnh. Tôi không chỉ cứu sống nhiều bệnh nhân mà còn giúp đỡ những kẻ nghèo khổ, cũng như giúp họ phân tách kỹ lưỡng về sinh lý, tâm lý và các yếu tố xã hội nữa...” Thiện Tài ngạc nhiên, khi biết ông Phổ Nhân không những là một thầy thuốc nổi tiếng mà còn là một nhà từ thiện, thường xuyên làm việc xã hội. Ông cho Thiện Tài biết ông đang thực hành pháp “giải thoát hoan hỷ rộng khắp chúng sanh”. Theo pháp môn này, ông dựa vào kinh nghiệm giải trừ nhân loại khỏi hai thứ chướng ngại: Một là thân bệnh ở ngoài, hai là tâm bệnh bên trong do tham, sân, si, nghi và tương quan giữa tâm lý xã hội. Do đó, qua sự chẩn đoán của ông, ông phải chữa trị cho họ cả hai thứ bệnh thể xác và tinh thần theo hai cách: Một mặt dùng thuốc và mặt khác dùng lời dạy của Phật để chữa trị cả trong lẫn ngoài. Ngoài việc chữa trị, ông còn bố thí mọi thứ cho các bệnh nhân nghèo khổ. Trong thời đức Phật các thầy thuốc làm việc thật cảm động! Họ nghiên cứu nguyên nhân các bệnh, rồi ứng dụng vào việc chẩn đoán thân tâm bệnh nhân và yếu tố xã hội. Họ triệt để đánh giá kỹ bệnh nhân là bệnh thật hay không có bệnh. Như thật có bệnh nếu không phải thân bệnh thì do tâm bệnh sinh ra, ắt do ảnh hưởng xã hội. Các thầy thuốc ngoại khoa cũng phát triển một chương trình chữa trị và theo đó bảo vệ được sức khỏe mọi người.

#### 3.- Ngăn ngừa bệnh tật.

Đức Phật thường dạy các đệ tử: “Ngừa bệnh hơn trị bệnh”, cho nên Ngài đặt ra luật lệ cho Tăng đoàn phải giữ gìn vệ sinh công cộng sạch sẽ và tuân theo các điều như sau:

a/ Đối với cá nhân: Ngủ nghỉ có chừng mực, thường xuyên tắm rửa, ăn uống điều độ, trước và sau khi ăn phải súc miệng rửa tay, phải đánh răng, súc miệng mỗi ngày, không được uống rượu và các chất ma túy, chỉ uống nước

lọc, sạch, không được khạc nhổ nơi công cộng, phải cạo tóc và cắt móng tay cùng mặt tai phải sạch sẽ, quần áo mũm mền thường giặt sạch.

b/ Đôi với công công tập thể: Thường xuyên quét dọn phòng nhà, lau chùi nhà bếp, nồi, niêu, soong, chảo, ly, chén, muông, đĩa, phải sạch sẽ, dọn sạch nhà vệ sinh mỗi ngày và phải ở cách xa phòng ăn, nhà bếp.

Ngoài việc phòng bệnh tật, mỗi khi có bệnh phải theo các quy định như sau: Nghe theo lời chỉ dẫn của bác sĩ, uống thuốc và kiêng ăn theo lời dặn của bác sĩ, phải kiên nhẫn chữa trị lâu dài, biết rõ bệnh mình và chú ý theo dõi sự tiến triển, luôn luôn vui vẻ, do bệnh có thể được trí tuệ, như Ngài Hư Vân nhờ bệnh nặng lo nhiếp tâm tu hành mà ngộ đạo.

Ở nước ta, xưa có thiên sư Tuệ Tĩnh, là một y sư nổi tiếng thường đi khắp đó đây chữa trị và cứu sống nhiều người. Ngài cũng cho rằng “phòng bệnh hơn trị bệnh”.

Một khi có bệnh là phải trị ngay, dù bệnh dữ cũng khỏi được, cho nên Ngài khuyến khích mỗi chùa hoặc mỗi nhà trồng cây thuốc để khi cần là dùng được, khỏi phải tốn tiền mua ở các tiệm thuốc. Đó là những loại cây cỏ có sẵn ở nước ta, chớ không phải của Tàu. Theo Ngài thì muốn tránh khỏi bệnh phải tiết chế tình dục. Những người ham mê tử sắc thường mắc bệnh suy thận và chết yểu, dù có được sống lâu cũng bị lú lẫn, chân tay đau nhức luôn. Ngài cũng khuyên các vị xuất gia nên học thuốc để chữa bệnh cứu người và một khi trị dứt bệnh cho người thì họ dễ nghe lời ta trở về với Phật pháp và phát Bồ đề tâm tu hành giải thoát. Đó là cách hoằng pháp lợi sanh để đi vào lòng mọi người và rất có hiệu quả vậy. Thời nhà Trần, vua Trần Nhân Tông sau khi dẹp xong giặc Mông Cổ, Ngài nhường ngôi lại cho con rồi xuất gia vào núi Yên Tử tu hành và sau đó Ngài đi khắp nơi phát thuốc, chữa bệnh cho mọi người, cuối cùng được thành chánh quả. Ở Việt Nam trước năm 1975 đa số quý thầy ở chùa đều biết về thuốc và thường bắt mạch hốt thuốc trị bệnh cho đồng bào Phật tử miễn phí, nhờ đó mà các chùa Phật tử ngày một đông

đúc. Đáng kể nhất các chùa ở miền Nam thuộc Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội mỗi ngày có người xem mạch hốt thuốc Nam miễn phí cho mọi người không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo.

Tăng, Ni Việt Nam ở nước ngoài rất đông và có cơ hội học hỏi về ngành y, được theo các nước Âu, Mỹ như: y tá, vật lý trị liệu, nha sĩ, bác sĩ, để giúp đời cứu người và hướng dẫn mọi người tu hành giải thoát. Nhưng tiếc thay! Nhiều thầy, cô chỉ biết lo xây chùa cho to, làm tượng Phật, đúc chuông cho lớn để tiếng lại đời, ít có người biết đề tâm khuyến khích giúp đỡ đệ tử theo học y khoa để khi thành tài ra giúp đời chữa bệnh cứu người. Hình ảnh một nhà sư hay một cô ni cầm ống nghe khám bệnh, phát thuốc cho những bệnh nhân nghèo thì đẹp đẽ và có nhiều ý nghĩa hơn là cầm dùi gõ mõ, đánh chuông tụng kinh suốt ngày trước bàn Phật.

Ngày nay, muốn tránh khỏi mọi nạn tai do trời đất mang lại, con người cần phải biết giữ gìn vệ sinh, không gây ô nhiễm, không thải nhiều khí độc, bảo vệ môi sinh, không chiến tranh giết chóc. Mỗi người, mỗi nước và cả thế giới phải biết bảo vệ môi trường sao cho không khí trong lành, nguồn nước uống tinh khiết, cây cỏ xanh tươi thì các thứ bệnh tật nhờ đó cũng giảm dần và cuộc sống được ấm no hạnh phúc. Đức Phật cho rằng muốn cõi đời ô trược này trở thành cõi Cực Lạc thì mọi người phải biết tu sửa thân tâm và bảo vệ môi trường sinh thái.

Để kết luận, xin mượn câu chuyện “chữa lưng gù” trong kinh Bách Dụ như sau: “Xưa có người bị lưng gù cho mời lương y đến điều trị. Ông lương y bèn dùng sữa thoa vào lưng, rồi đè người kia ở giữa hai tấm ván để nằm trên thềm nhà và dùng hết sức ép chặt lại, khiến cho lưng thẳng như người thường. Người gù đau quá và đôi tròng mắt lọt ra ngoài, rốt cuộc lưng gù không trị được mà còn hư thêm đôi mắt.”

**Đông Minh**



# Caùm nhaàn tồø nhöông buoài ñàu hoïc Duy Thөөc

pháp luân gồm có tám  
cánh tượng trưng cho



Mỗi mùa đông trôi qua, ta lại nghe lao xao lá rụng. Phải chăng đây là những chiếc lá cuối cùng của mỗi mùa lá, gió thổi lá tung bay, có bao giờ như ta tư lự..? Trên không, chiếc lá nào vừa lặng lẽ rời cành còn đang khẽ nghiêng chao. Ta chấp tay, khẽ nhắm mắt lại, và lắng tai nghe... Chiếc lá rơi lặng lẽ, rồi nhẹ nhàng bay vào trong sâu thẳm lòng ta. Chón mông lung bằng lảng ấy, bao nhiêu chiếc lá như thế là bấy nhiêu vọng niệm liên tục khởi và diệt. Bạch Đức Thế Tôn, đức Từ Phụ Thích Ca, đã từ lâu con mong ước tìm được ánh sáng trí tuệ soi tỏ lòng con, xuyên lớp lớp mù sương, thấu tầng tầng tâm thức...

Mùa Đông năm nay, duyên lành kết tụ. Chúng tôi rất may mắn được tham dự khóa học Duy Thức do Thầy Thích Phước Thái giảng dạy và dẫn dắt. Cánh cửa bước vào không gian sâu rộng của tâm thức hé mở...

Khoá học được tổ chức ở tại một ngôi nhà nhỏ nhắn xinh xắn. Ngôi nhà ấy đã được Thầy chuyển thành chốn Già Lam thanh tịnh. Nơi đó có một Tịnh Lạc Niệm Phật Đường tôn kính trang nghiêm với các tôn tượng Tây Phương Tam Thánh, có hàng câu đối đại tự với mực Tàu giấy đỏ, và một đồ thư quán với bộ Đại Tạng Kinh chữ Hán và rất nhiều Kinh sách khác nằm rải rác trên các kệ sách nghiêm trang. Ngưỡng nhìn các tôn tượng Phật, Bồ Tát, các quyển Kinh, quý Thầy Cô và các học viên nơi Niệm Phật Đường, cảm xúc tôn kính dâng lên trong lòng tôi. Nơi đây có đầy đủ Tam Bảo: có Phật, Pháp, và Tăng. Thật đúng là một môi trường cho khoá học Duy Thức.

Tại đó còn có hai khu vườn trước và sau với nhiều cây cảnh được chăm sóc cẩn thận và trưng bày đẹp mắt. Cách bài trí vườn trước ẩn dụ những khái niệm về Phật giáo như: vòng tròn bông sen biểu hiện cho bánh xe Chuyển

Bát Chánh Đạo. Bên cạnh đó còn có đầm Sen thanh tịnh với những đóa sen vươn lên nhiều màu, và tượng một nhà Sư với tư thế ngồi thiền, chung quang là các loài cầm thú, chúng đang xây quanh nhà sư như để nghe nhà sư thuyết pháp. Cảnh trí đó khiến tôi liên tưởng đến Nhà Sư trong Chuyện Thiền Môn - một cuốn sách mới vừa xuất bản của Thầy. Tôi thích thú ngắm lối đi giữa hai vòng Bát Chánh Đạo, bước tiếp qua hai giàn cây Thanh Long "Hộ Pháp". Nhìn thấy cảnh trí này bỗng tôi chợt nhớ đến trong Kinh A Di Đà có đoạn Phật diễn tả cảnh y báo ở cõi Cực lạc mà tôi rất yêu thích:

*..Trì trung Liên hoa đại như xa luân,  
thanh sắc thanh quang,  
huyñh sắc huyñh quang,  
xích sắc xích quang,  
bạch sắc bạch quang,  
vi diệu hương khiết.  
Xá-lợi-Phát,  
Cực-lạc quốc độ thành tựu như thị công  
-đức trang nghiêm..."*

Lần đầu tiên khi bước vào lớp học tôi rất là ngỡ ngờ. Vì tôi không phải là người ghi tên tham dự khóa học ngay từ buổi đầu khai giảng. Nhìn thấy các học viên tham dự phần nhiều là những vị trong đạo tràng Quang Minh. Trong lớp khoảng ba mươi người đặc biệt có hai Thầy và một Sư cô. Nói ngỡ ngờ là vì tôi và ông xã tôi không phải là những liên viên sinh hoạt trong đạo tràng Quang Minh. Chúng tôi chỉ thỉnh thoảng đến chùa vào những ngày chủ nhật cuối tuần để tụng Kinh Pháp Hoa. Do đó, quý học viên trong lớp ít có người biết đến

chúng tôi. Mặc dù chúng tôi tham dự khóa học trễ, nhưng nhờ Thầy ôn và nhắc lại bài A Lại Da thức rất rõ ràng và kỹ càng nên chúng tôi có cơ hội rà soát và chỉnh sửa lại những chỗ mình tự đọc trước khi học sang bài mới về Mạt Na thức. Buổi học sau cũng vậy, phần ôn bài của Thầy giúp cho chúng tôi hiểu rõ hơn và cảm thấy vững tâm theo học.

Trước đó, tôi có mail đến cho Thầy và nhờ Thầy giải đáp một vài thắc mắc. Dù rằng, tôi cũng có nghiên cứu sơ qua về môn Duy Thức. Bởi tôi rất thích môn học này. Những thắc mắc của tôi đã được Thầy tận tình giải đáp một cách cặn kẽ rõ ràng. Do đó, tôi cảm thấy như được giải tỏa những chỗ nghi ngờ và tôi lại càng cảm nhận thích thú hơn. Nhất là những điểm cốt yếu liên hệ giữa Duy Thức và Thiền tông. Duy Thức chú trọng vào pháp tướng (Hữu Môn) và Thiền chú trọng vào pháp tánh (Không Môn), tuy cách giải thích trình bày trên mặt hành tướng giữa hai bên có khác nhau, nhưng về thể tánh cứu cánh thì không hai. Tuy tánh và tướng không là một mà lại chẳng phải là hai. Khác nào như hiện tượng giữa sóng và nước. Nước và sóng không thể tách rời ra được. Nhưng nói một là sai mà nói hai thì không đúng. Bồ đề và phiền não cũng thế. Ly khai phiền não thì không có Bồ đề. Cũng như ly khai sóng thì không có nước. Ngay nơi sóng mà thể nhận ra nước. Ngay nơi phiền não mà thể nhận ra tánh thể Bồ đề. Tuy sóng có lúc lên cao, lúc xuống thấp, khi dữ dội, khi lại dịu êm, nhưng "Thể" thì vẫn là nước - không sinh, không diệt. Yếu chỉ của Thiền là "trực chỉ" "kiến tánh" thành Phật. Như nhìn thẳng thấy "nước" – thấy được "Tánh không" của vạn pháp. Duy Thức thì quán nơi ngọn sóng từ đó mà nhận ra thể – quán thức để chuyển thành trí. Lời Thầy giảng như chiếc chìa khoá đầu tiên để chúng tôi bước qua một cánh cửa khó khăn ban đầu để vào tòa nhà Duy Thức.

Các ví dụ Thầy đưa ra như người nông phu và đất, đất-rễ-cây-cành lá, lục bình trên nước, ướp hương vào giấy hay hộp gỗ, sự chuyển biến của gạo nếp và chất men để thành ra cơm rượu v.v... Tự nó đủ duyên để huân tập và biến chuyển mà hình thành. Những hạt giống trong

A Lại da thức cũng thế. Thầy giảng giải những bài kệ tụng rất cô đọng súc tích của Duy Thức tam thập tụng và Bát Thức Quy Củ tụng, thật trở nên sinh động và dễ hiểu hơn. Từ lời giảng giải của Thầy, những bức tranh sinh động hiện lên giải thích về tám Thức tâm vương. A Lại Da thức có thể ví như lòng đất bao la rộng khắp và thẳm sâu. Đó là Tàng thức năng tàng (khả năng cất chứa) tiếp nhận và duy trì mọi hạt giống thiện ác chúng ta gieo hàng ngày, cả đời này, và vô lượng kiếp về trước. Tàng thức cũng là sở tàng (khả năng được cất chứa) là tổng hợp của các hạt giống chứa trong ấy. Đất vô phú vô ký, không phân biệt ngăn che, lặng lẽ tiếp nhận và ôm giữ mọi hạt giống rơi xuống. Mạt Na thức tựa như rễ cây bám chặt xuống lòng đất, nương vào đất. Rễ đón, truyền và tổng các chất liệu từ thân cây vào đất và từ đất lên cây, như Mạt Na truyền và tổng các chủng tử từ Ý thức vào Tàng Thức và ngược lại. Mạt Na như rễ lan toả ôm chặt đất và si mê tưởng đất và những gì được truyền tổng chính là mình, nên u u mê mê ôm nặng lòng chấp ngã. Thân cây có thể ví như Ý thức, liên hệ chặt chẽ với rễ trong việc truyền tổng các chất liệu xuống lòng đất hay hút lên. Hoa lá như tiền ngũ thức (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân thức) đón nhận các pháp bên ngoài đưa vào kho tàng thức qua sự hợp tác chủ động của ý thức.

Thỉnh thoảng, Thầy liên hệ đến nhiều bài kệ ý nghĩa và thích hợp. Những bài kệ quen thuộc có tác dụng huân tập, ướp thêm hương đạo vào tâm trí để chúng tôi ôn lại cho khỏi quên. Những bài kệ mới mở rộng tầm hiểu biết non kém của chúng tôi. Để giúp cho chúng tôi dễ nhớ và dễ thuộc lòng, Thầy đã viết hai bài thơ theo thể Lục bát giản dị tóm tắt đại khái về hai Thức năng biến đầu là A Lại Da thức và Mạt Na thức. Hai bài thơ như sau:

### **Thức A Lại Da**

Thứ nhứt năng biến "Lại da"  
Công năng huân chứa thật là tinh vi  
Thức này chẳng có nghĩ suy  
Giống gì cũng chứa khó bì sánh đâu  
Lại da là thức đứng đầu  
Tính hằng chuyển biến thâm sâu vô cùng

"Biển Hành" năm món theo chung  
 Chẳng rời nửa bước a tùng với nhau  
 Từ nhân tới quả trước sau  
 Quả là "Dị Thục" khác màu nhận ra  
 Tám thức chung ở một nhà  
 Lại da là gốc xây tòa lầu cao  
 Bởi thế nên nó tự hào  
 Duy trì chũng tử cát vào trong kho  
 Chẳng cần toan tính so đo  
 Cái gì cũng chứa bo bo chẳng từ  
 Mạt na chấp nó khư khư  
 Chẳng rời nửa bước giống như người tình  
 "Tâm Sở" theo nó phát sinh  
 "Biển Hành" "Biệt Cảnh" "Thiện" minh rõ ràng  
 Khi lên Thánh vị hoàn toàn  
 Chuyên thức thành trí "Đại Viên" đó mà  
 Đó là quả vị Phật Đà  
 Không còn sanh tử thoát mà trầm luân.

### **Thức Mạt Na**

Thứ hai năng biến Mạt na  
 Tánh hằng suy nghĩ lo xa tính gần  
 Lại da tình bạn rất thân  
 Luôn luôn bám sát chẳng cần nghĩ suy  
 Bản chất của nó ngu si  
 So đo tính toán chẳng gì đúng đâu  
 Bốn món phiền não thường câu:  
 "Si, Kiến, Mạn, Ái", đứng đầu vô minh  
 Phiền não theo nó phát sinh  
 Chỉ có mười tám thật tình kể ra  
 "Biển Hành" cùng "Huệ" đó mà  
 "Đại Tỳ" có tám chẳng ngoa chút nào  
 Bốn thứ phiền não cộng vào  
 Tính chung mười tám món nào cũng mê  
 Hồi đầu tình giác quay về  
 Do thức thứ sáu an bề định cho  
 Dứt tánh phiền não so đo  
 Đạt thành Thánh vị hết lo khổ sầu  
 "Bình Đẳng tánh Trí" bền lâu  
 Độ sanh vô ngã một màu an vui.

Lời giảng của Thầy trải ra một không gian  
 mênh mông rất rộng và sâu. Thầy luôn khuyến  
 khích chúng tôi học hỏi, khiến chúng tôi thấy  
 mạnh dạn hỏi những điều mà chúng tôi chưa  
 biết, chưa hiểu hay chưa nắm rõ. Không những  
 Thầy giảng rất sâu về Duy Thức mà còn giúp  
 chúng tôi liên hệ Duy Thức với các khái niệm

cốt yếu của Phật giáo như Ngũ Uẩn, Thập Nhị  
 Nhân Duyên, Nghiệp... Tuy tầm hiểu biết của  
 tôi còn nông cạn nên chưa thể hiểu sâu xa tất  
 cả sự thâm thâm vi diệu, tôi cảm thấy mình  
 vẫn tiếp thu được nhiều điều hay, chỉnh sửa  
 những lỗ hổng và tiếp nhận thêm nhiều điều  
 chưa được biết. Tôi cảm thấy lòng mình thật  
 triu mến, tình cảm xúc động trước giáo pháp.

Ngồi trên lớp, tôi cảm nhận được chất liệu yêu  
 thương chứa đựng trong những lời giảng, ánh  
 mắt, cử chỉ ân cần và ôn tồn của Thầy. Tôi  
 cảm thấy chính những chất liệu ấy như dòng  
 sông đưa con thuyền chở trí tuệ từ Tâm Thầy  
 tới Tâm chúng tôi. Trí tuệ Duy Thức Học như  
 ánh sáng, như ngọn đuốc, như con thuyền, và  
 điều kết nối các dòng tâm thức để chuyển tải  
 trí tuệ là tình cảm giữa Thầy và các Trò. Tuy  
 năng lực tâm linh của tôi còn quá bé nhỏ chưa  
 thể nhìn thấu được, nhưng riêng tôi cảm thấy  
 có một chí nguyện rất cao cả và nóng bỏng  
 trong Thầy.

Tôi còn nhớ một tối sau buổi học Duy Thức,  
 mấy Thầy trò ngồi lại ngắm cây cảnh tại vườn  
 sau. Những chùm hoa Càng Cua đỏ óng treo  
 trên những giỏ hoa, những bông hoa trắng bé li  
 ti vươn lên từ những cành Phi Thúy trong các  
 chậu kiếng dưới sân. Tỷ tỷ Liêu Ngọc Lan  
 khéo tay và dịu dàng pha nước cất hoa trái  
 dâng Thầy và mời đạo hữu. Thầy ân cần hỏi  
 chuyện chúng tôi. Tôi và Long Quang (người  
 bạn đời của tôi) thích thú nghe Thầy đọc và  
 giảng về bài thơ Chiếu Lá. Nhờ đó, chúng tôi ý  
 thức thêm về giá trị của thân người, biết trân  
 quý thân người nhưng không sa vào sự hưởng  
 thụ mà dùng nó như phương tiện để tu tập giải  
 thoát, và đón nhận sự ra đi nhẹ nhàng "an  
 tường" khi hiểu ra lẽ vô thường. Từ lời giải  
 thích của Thầy, chúng tôi hiểu được hai đạo lý  
 ẩn dụ qua hình ảnh chiếc lá rụng về đất. Chiếc  
 lá trở lại với con đường ngàn xưa của tổ tông  
 gốc rễ cội nguồn, và con đường ngàn xưa của  
 đạo lý tâm linh. Bài thơ Chiếu Lá của Thầy  
 như sau:

### **Chiếu Lá**

Cửa thiền trăng xế bóng nghiêng  
 Lá rơi nhẹ cánh mái hiên an tường

Cho hay vạn cảnh vô thường  
 Lá về với đất con đường ngàn xưa  
 Bình minh chiếc lá đong đưa  
 Hoàng hôn lá rụng, sớm trưa đâu còn  
 Sum la vạn tượng núi non  
 Bầu trời vắng lặng, mắt còn vẫn yên.  
 Đây là bài thơ mà tôi rất thích. Kính bạch  
 Thầy, chúng con xin cảm ơn Thầy đã mang  
 đến những buổi học rất bổ ích và lý thú.  
 Những dòng thơ Thầy viết trong Chuyện Thiên  
 Môn khuyên rằng áo ta mặc, cơm ta ăn, đồ ta  
 dùng đều do ơn người nên ta phải chuyên cần  
 tu học. Thầy ạ, chúng con sẽ cố gắng học và tu  
 cho xứng đáng với sự hy sinh của tứ thân phụ  
 mẫu, của gia đình, của biết bao mọi người  
 xung quanh đã yêu thương chăm sóc chúng

con, của cây cỏ đồng ruộng nước non đã nuôi  
 dưỡng chúng con.

Mùa đông năm nay, những chiếc lá rung rinh  
 trên khăng khiu thân cành. Chiếc lá nào buông  
 nhẹ, khẽ chao vào lòng chúng tôi. Nơi đó, vẫn  
 là vô số niệm sinh khởi từng sát na. Nhưng giờ  
 đây, nơi đó đang ánh dần lên một ngọn đuốc  
 trí tuệ từ những bài Duy Thức mà Thầy từ bi  
 giảng giải. Thăm thẳm nơi lòng tôi, ngân khẽ  
 một tiếng chuông.

Từng  
 cơn  
 dạt



bước ân  
 Thầy dẫn  
 Chuông



## Biển mặn!

**K**huấy một vàng trắng lạnh!  
 thuyền ta cứ chơi vui  
 đông sang, sắp cuối cuộc đời  
 vẫn lặn mò tìm bến ;  
 con dò dọc đến cuối một dòng sông  
 mở ra trời biển mặn!  
 vì sao?

\*\*\*

nơi giáp nước!  
 cuối dòng sông, chạm biển;  
 biển đã mang đi, bao lần đưa tiễn  
 sóng vỗ miên man, bão tố bật lói về  
 thôi trở lại quê!  
 nơi ngọt ngào như thưở ấy!  
 không gió thổi sóng dậy  
 biển ngoài kia!  
 vẫn mặn chát muôn đời?

\*\*\*

mang câu hỏi vì sao biển mặn?  
 câu trả lời khi đến tận sông mê!  
 bao năm rồi... nhánh sông quê!

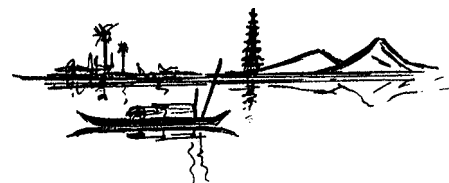
ta vẫn chờ ta từ muôn thưở;  
 chờ ta về: biển biệt tự vì sao?

\*\*\*

câu hỏi vì sao biển mặn?  
 xin đừng lắc đầu không biết!  
 đừng mãi buồn đau, tiếc nuối, giỗi hờn  
 sóng ngừng lại để : biển mặn nhiều hơn;  
 biển mặn nhiều hơn!  
 ngừng tuôn muôn nghìn giọt lệ!  
 đi qua bên kia bờ  
 đừng chờ, đừng đợi, ta dứt bật lời thơ . . .

**Minh Quang.**

*Melbourne*



# “NƯỚC MẮT CHẢY XUÔI”

## Lời an ủi hữu hiệu nhất cho lòng hiếu thảo ... không chu toàn!?



khác nhau ấy, tùy vào yếu tố di truyền, hoàn cảnh và truyền thống gia đình,

Mùa Vu Lan lại về, những đóa hoa Hồng đỏ thắm lại được nâng niu, trân trọng cài lên ve áo của những ai còn mẹ. Những lời chúc tụng, những bài hát ca ngợi công ơn cha mẹ, những cuộc viếng thăm, những bữa cơm đoàn tụ gia đình, những mâm cỗ “Rằm tháng Bảy”, những cuộc phóng sinh, bố thí, thậm chí những buổi lễ cầu siêu tại các chùa với đầy ắp hương hoa vàng mã... như những nét sinh hoạt quá đỗi quen thuộc, mặc nhiên phải có, không nhiều thì ít... trong sinh hoạt của những gia đình Việt Nam theo truyền thống Nho Giáo và Phật Giáo.

Trong khuôn khổ bài viết này, tôi không có ý định ca ngợi một cách “khuôn mẫu” về công ơn trời biển của cha mẹ, cũng không lặp lại những bài học về hiếu thảo với ông bà cha mẹ trong Đạo làm người của dân gian. Bởi tất cả những điều này, ai trong chúng ta cũng đã biết rất rõ.

Chỉ xin được chia sẻ một vài suy nghĩ rất cá nhân cùng vài mẫu đối thoại rất thật quanh cuộc sống của chúng ta, có liên quan đến câu thành ngữ Việt Nam:

“Nước mắt chảy xuôi” mà bất cứ bậc làm cha làm mẹ nào cũng ít nhất vài lần trong đời, nhắc đến với nhiều tâm trạng: buồn bã, chua cay, thông cảm, chấp nhận, hoan hỉ, yêu thương....

Mỗi gia đình là một hoàn cảnh, không gia đình nào giống gia đình nào! Không hoàn cảnh nào được lặp lại như một bản sao cả!

Mỗi cá nhân là một số phận. Số phận của từng ông cha bà mẹ không ai giống ai! Số phận của từng người con trong một gia đình, giữa những gia đình ... lại càng không hề giống nhau!

trình độ văn hoá xã hội, tác động của xã hội v.v... mà nhận thức của từng cá nhân sẽ khác nhau khi tự mình thốt lên câu thành ngữ: “Nước mắt chảy xuôi” hay “Nước mắt chảy xuống”.

### 1) Lời trách móc với nhiều mức độ khác nhau

Cha mẹ nào cũng hết lòng hết dạ vì con, cũng hy sinh cả đời mình cho con. Nhưng thái độ đáp đền công ơn của con cái có thể tạo những phiền não nhất định từ một số ít cha mẹ:

- Nó xúm xít ăn uống với nhau chứ nào có cần biết tôi nằm một xó thế này đâu!
- Nó giàu lắm bác ạ nhưng nói phải tội, tôi chưa hề có được miếng chín miếng sống nào cả!
- Số tôi nó vậy! ai thấy cũng thương nhưng con cái thì không!
- Biết thế tôi chẳng bỏ công nuôi nấng chúng nó suốt cả một đời!
- Thôi đi! Ăn mắm ăn muối cho xong bữa! Hơi đâu mà trông chờ vào đồng xu cắc bạc của chúng nó!
- Bên vợ nó sai gì nó cũng làm, cũng phục vụ chu đáo...chứ tôi chưa hề nhờ được gì!
- Công tôi nuôi nó thành bà nọ ông kia, bây giờ nó chỉ biết hầu hạ người dung!
- Số tôi chỉ nhờ hàng xóm và người dung thôi!....

Tất cả những tủi hờn, uất ức, phiền não...nếu không được nói ra thì cũng được nén xuống tận đáy lòng nhưng không thể nào che giấu được - qua ánh mắt của các bậc làm cha làm mẹ - kèm theo câu: “Nước mắt chảy xuôi” mà! với những cung, bậc chua xót khác nhau!

## 2) Chấp nhận như một quy luật tự nhiên

Người cha già cặm cụi vá xe đạp bên lề đường để kiếm sống. Những đứa con sáng chiều đi làm ngang qua, may lắm là vẫy tay chào. Vẫn tin là ông cụ còn khỏe, còn đủ sức để làm việc tự nuôi sống bản thân; còn ông cụ thì vẫn hãnh diện khoe với bạn bè về sự thành đạt của các con, về cách nuôi dạy con của các con mình:

- “Chúng nó hay lắm chứ không phải như tôi lúc trước! Chăm con từng ly từng tý! Dành trọn thời gian cho con nó! Mình phải thông cảm thôi! Công sức tiền bạc nó đều dồn cho lũ nhóc đầy đủ! Nó nuôi cháu mình hoàn hảo như thế là mình vui rồi! Nhìn lũ cháu ăn sung mặc sướng, học hành giỏi giang là mình quá hạnh phúc! Đó cũng là cách trả hiếu cho mình rồi! Nước mắt chảy xuôi mà!”
- Thôi thì đành vậy! Mình cũng đã từng được cha mẹ mình lo lắng thương yêu như vậy mà!
- Lúc trước, tôi xách gói theo ba nó là đi một lèo, không ngoái đầu nhìn lại! Suốt một đời theo chồng con! Bây giờ con nó có gia đình riêng, không có thì giờ lo cho mình cũng là lẽ thường thôi! Luật đời nó vậy rồi!
- Chỉ cần con dâu nó biết thương yêu, chăm sóc đùm bọc con trai mình; nó biết nuôi cháu mình chu đáo là tôi mãn nguyện lắm rồi! Gia đình nó hạnh phúc là vợ chồng nó đang trả hiếu cho chúng tôi đấy ạ!

## 3) Tự giải tỏa nỗi niềm riêng

Suốt một đời nuôi con, lòng vốn chẳng mong đáp đền, nhưng cha mẹ đôi lúc cũng chạnh lòng vì mòn mỏi mong tin con, chờ đợi con ghé thăm, mong ngóng một tiếng chuông điện

thoại...nhưng “năm khi mười họa” mới được thỏa nguyện! Đến lúc gặp được con cháu thì lúc nào cũng an phận với lời giải thích:

Cháu nó ho suốt mẹ ạ! Con phải chăm nó nên không có chút thời gian nào cả!

Dạ mẹ mấy cháu đi công tác, con phải lo coi lũ nhóc nên chẳng có chút thời gian rảnh nào hết!

Phục vụ đám cháu của mẹ là hết cả ngày rồi! Giờ đâu nữa mà làm được việc gì!...

Vậy thì điều duy nhất mà bậc làm cha mẹ có thể tự “giải tỏa” nỗi lòng của mình là: “Ừ, nước mắt chảy xuôi mà! Nó phải lo cho con nó! Ngày xưa mình cũng vậy!”

Để rồi cha mẹ tự khuấy khỏa bằng vườn tược, kinh kệ, lễ chùa, lễ nhà thờ...trong sự mong chờ con cháu ghé thăm.

## 4) Yêu thương và hoan hỉ

Có lẽ đây là thái độ chung nhất, chiếm đa số nhất bởi lòng thương con vô bờ bến của những bậc cha mẹ. Cha mẹ nào cũng đã hy sinh hết tất cả những gì có thể của cuộc đời mình để nuôi dưỡng con cái từ lúc mầm sống của con vừa khởi đầu trong bụng mẹ cho đến lúc con đã trưởng thành, thậm chí tóc con và tóc cha mẹ cũng đều bạc phơ như nhau nhưng bao giờ con cũng cứ vẫn còn tội nghiệp, còn nhỏ bé... trong mắt nhìn của cha mẹ.

Khi cha mẹ già yếu:

- Mặc dầu không được con trực tiếp chăm sóc, thậm chí bỏ bê. Mẹ vẫn vui vẻ: “Mẹ không sao, con đừng lo, cứ lo cho các cháu là mẹ vui rồi!”
- Không được con chu cấp tiền bạc dù con rất giàu có. Bố vẫn hoan hỉ: “Con yên tâm, bố mẹ tự lo được mà! Già rồi, ăn uống không bao nhiêu mà cũng chẳng tiêu pha gì!”
- Không được con ghé thăm thậm chí các con cháu ngày nào cũng đi ngang qua nhà. Bà mẹ già dõi nhìn theo bóng con: “Tội nghiệp, đứa nào cũng vất vả, đi sớm



về khuya, làm sao có thời gian thăm mình được!”

- An ủi những bậc cha mẹ khác: “Thôi đi! Buồn làm gì cho mệt! Chị phải thông cảm cho các cháu! Cả một gia đình riêng mà nó phải lo, làm sao nó lo cho mình được?! Lúc trẻ mình cũng chỉ lo cho chồng con mình thôi chứ làm gì có thời gian mà lo cho ông cụ bà cụ!”

### 5) Lời an ủi hữu hiệu nhất cho lòng hiếu thảo...khó chu toàn!

Tất cả những cảm nhận vừa nêu, có lẽ đều hiện hữu ở từng bậc phụ huynh nhưng với lòng yêu thương con vô bờ, cha mẹ nào rồi cũng nén tiếng thở dài để chấp nhận một cách hoan hỉ : “Ừ, thì nước mắt chảy xuôi mà!” một khi thấy các con mình hình như đang quá bận rộn với gia đình riêng, với con cái của chúng! Lắm lúc những bậc cha mẹ lớn tuổi có cảm giác là đang bị con cái lãng quên!

Nhưng đồng thời “nước mắt chảy xuôi” cũng là lời an ủi, là cách lý giải và cũng có thể là lời trấn an hay khóa lấp cảm giác ray rức, đau khổ của những người làm con - vì nhiều lý do chủ quan hay khách quan - mà không chu toàn bổn phận đối với cha mẹ được!

Thật vậy, phận làm con, một khi đã “Công thành danh toại”, không ít thì nhiều, ai trong chúng ta cũng mong muốn được đền đáp công ơn cha mẹ nhưng rồi chính những vòng quay của cuộc sống, nối tiếp từ thế hệ này qua thế hệ khác, gia đình trẻ lại xuất hiện. Khi những người con bắt đầu làm cha, làm mẹ; lại dồn hết tâm lực cho con mình... lại cảm nhận được sự thiêng liêng của tình mẫu tử, tình phụ tử... để rồi càng hiếu lòng cha mẹ hơn, càng thương yêu cha mẹ nhiều hơn nhưng biết làm sao đây? Tất cả thời gian, công sức, tiền bạc, thậm chí cả thân mạng mình cũng đều dành hết cho con, cũng đều “chảy xuôi” theo quy luật của “dòng nước mắt” rồi!

Tôi tin là những người con không chu toàn hay không có thời gian và điều kiện để chu toàn, để đền đáp công ơn cha mẹ chứ không thể nào...lãng quên cha mẹ để không

làm tròn chữ Hiếu cả?! Bởi “Lực bất tòng tâm”!

Tuy nhiên “khó chu toàn” không có nghĩa là “không thể chu toàn”! Bởi trên thực tế xã hội Việt Nam ngày nay – trong nước hay ngoài nước – chúng ta vẫn nhìn thấy những tấm gương hiếu thảo rất đáng kính trọng.

Suy cho cùng thì nguyên do lớn nhất, đặc thù nhất khiến con cái không chu toàn được chữ Hiếu vẫn là tình yêu tuyệt đối của cha mẹ dành cho con cái của thế hệ kế tiếp.

Dĩ nhiên, sẽ không có người con nào dám nói thẳng với cha mẹ rằng: “Nước mắt chảy xuôi mà mẹ!” hoặc “Ba thông cảm cho con, nước mắt chảy xuôi mà Ba!”

Bởi nó sẽ là gáo nước lạnh tạt vào nỗi đau của cha mẹ. Con cái chỉ dùng câu thành ngữ này để phân bua, để biện minh với ai đó hoặc với chính lương tâm của mình ...về hoàn cảnh của mình không chu toàn được chữ Hiếu với cha mẹ mà thôi!

“Nước mắt chảy xuôi” là quy luật tự nhiên. Không ai có thể phủ nhận được.

Nhưng lòng hiếu thảo của con cháu đối với ông bà, cha mẹ là tình cảm, là truyền thống, là giáo dục, là lãnh vực xã hội!

Liệu chúng ta, những người làm con, có nên đề cho quy luật tự nhiên này khống chế tuyệt đối trên đời sống và ngay cả trong lương tâm của chính mình hay không? Đặc biệt là khi cha mẹ mình vốn là những người con mồ côi từ bé nên chưa hề được hưởng tình yêu thương thật sự từ các bậc ông bà?!

Và lại càng mượn câu thành ngữ lãng quên công của các bậc sinh



không mong cuộc đời này, ngũ trên để... ơn trời biển thành!

**Thanh Dung**  
Sydney, mùa

Vu Lan 2014



# Ta trồng hạt giống tồ bi

Nếu ai có hỏi :Tôi thích gì nhất ở chùa Quang Minh, tôi không ngần ngại trả lời là : con đường mòn dưới thung lũng và những hàng cây xanh trên sườn đồi do thầy trụ trì và chúng tôi đã trồng từ những buổi đầu thọ bát ngày thứ bảy. Đôi khi người ta có những cái mới mẻ mà quên đi cái gốc cội. Có những thành quả tuy nhỏ nhặt nhưng mang đầy lợi lạc cho biết bao nhiêu loài chúng sanh sống quanh đây: những chú chồn, chú thỏ xinh xắn ra ngoài tìm thức ăn vào mỗi buổi hoàng hôn khi chiều xuống; trong những ngày hè nóng rát của trời đất, bóng mát che râm cả đất trời, cây phát lòng từ bi rộng lớn cho ô xy là nguồn sống muôn loài; những chiếc lá vàng làm quà cho mặt đất, một thứ quà thiên nhiên mang một sức sống nhiệm màu nuôi dưỡng đất mà không hề kể ơn; những cành khô gãy của mùa đông lạnh giá nhẫn nại và chờ đợi; những chú chim về làm tổ xôn xao mang lời ái ngữ ngọt ngào của mùa xuân tươi thắm. Ta có thể học ở thiên nhiên nhiều bài pháp ngắn, dễ nhớ vì rất cụ thể và thật sinh động.

Sự cộng sinh của muôn loài trên quả đất là một niềm an ủi lớn cho chúng ta trong cõi ta bà này. Mặc dầu cõi ta bà tuy có khổ nhưng vẫn có cái hay cái đẹp mà muôn loài đã dành cho nhau. Đây cũng chỉ là một phần nhỏ trả lời cho câu hỏi: Tại sao Đức thế tôn lại chọn cõi ta bà này để giảng sinh? Và Đức Phật Di Lạc cũng sẽ lại giảng sanh trong cõi phàm trần này nữa.

Hạnh phúc thay, chúng tôi vẫn còn những vị thầy đức độ thừa kế được một phần di sản của Đức Thế Tôn để lại, quý thầy đã dạy chúng tôi cách thức ươm mầm những hạt giống thiện đã có sẵn trong tâm thức. Trong mùa Vu Lan thầy lại dạy chúng tôi cách ươm mầm hạt giống từ bi làm quà cho cha mẹ hiện tiền cũng như cha mẹ quá vãng nhiều đời. Hạt giống từ bi thì chắc cũng phải có hàng ngàn cách để ươm, để trồng. Người bạn đạo ngồi bên tôi nói nhỏ: “

Mỗi tuần chỉ cần nghe thầy Phước Tấn giảng một bài pháp, về nhà ngồi ghi lại rồi thực hành mình cũng gieo được hạt giống từ bi trên mảnh đất tâm của mình.”

Thế nên trong bài pháp hôm nay thầy hướng dẫn chúng tôi trở lại điều căn bản nhất của người Phật tử để làm quà cho cha mẹ: “ Tam quy”. Bài pháp tuy giản dị nhưng lại là chất liệu căn bản mà Đức Phật đã giáo huấn chúng sanh trong những buổi đầu khi tăng đoàn được thành lập.

Mỗi lần xong một thời kinh là ta đọc tam quy. Vậy mà có mấy ai hiểu được hết nghĩa của chữ “Tam Quy” đâu? Thầy đặt câu hỏi: Tự quy y tăng là gì? Không ai trả lời vì ai cũng biết cái lệ của đệ tử chùa Quang Minh là: khi cần nói thì không nói mà khi không cần nói thì lại nói rào rào áng mất tiếng thầy giảng.

Thầy nói một cách dí dỏm: Đây là chuyện 1001 ngày có dài, có lâu và kết cục rất có hậu là không ai bị kết tội cả. Thầy giải thích tại sao ta phải quy y tăng vì tăng đoàn thể hiện được tính lục hòa và hiếu kính mà người con Phật không bao giờ thiếu được. Trong đó tính đồng sự được thầy nhấn mạnh, thầy còn cho biết khi ngài Thiện Tài đồng tử đi học đạo ở 53 vị thiện tri thức, thì ngài đã có học pháp đồng sự từ vị Tỳ Mục Phù Sa tiên nơn. Tôi thích Thiện tài đồng tử qua chuyện Tề Thiên Đại Thánh của Ngô Thừa Ân, chứ tôi chưa có dịp tìm hiểu kinh Hoa Nghiêm để biết ngài làm gì.

Thầy còn nói thêm trong Tứ nhiếp pháp ngoài bố thí, ái ngữ thì đồng sự lại đứng hàng thứ ba trước lợi hành. Thầy còn nhấn với chúng tôi là ngoài ra pháp đồng sự ta còn cần phải có hiếu đê, nói lời ái ngữ và phải biết tùy hỷ công đức nữa. Thầy nói thật nhiều mà tôi chỉ nhớ bấy nhiêu thôi, rồi thầy nói thêm đó là bài làm ở nhà từ nay cho tới ngày Vu Lan chúng tôi phải thực hành . Tôi nhớ hai câu thơ của Thầy Nhất Hạnh mà tôi cho là rất dễ thương và hợp tình

hợp lý cho chúng tôi ươm mầm hạt giống từ bi:

*Cám ơn đời, mỗi sớm mai thức dậy,  
Ta có thêm ngày nữa để yêu thương.*

Trong tăng đoàn chùa Quang Minh, pháp đồng sự được thể hiện qua cách làm việc làm của quý thầy. Trong khi thầy Phước Tấn lo việc đối ngoại, cai quản tổng quát trong chùa thì phải có thầy Phước Thái chăm lo hướng dẫn tinh thần chúng tôi .

Nếu thầy Phước Tấn là linh hồn của chùa Quang Minh thì thầy Phước Thái là cha đẻ tâm linh của chúng tôi. Thầy chăm sóc từng người một lo lắng hướng dẫn, tạo sáng kiến sống thực, kích động tinh thần tu tập và học hỏi của chúng tôi bằng những bài hát, những câu thơ cho đến những quyển chuyện nhằm khai mở trí óc ngu muội của chúng tôi.

Thầy phát khởi ra nhiều phong trào, hiện nay phong trào sôi động nhất trong đạo tràng là việc trùng tuyên những bài pháp về kinh A Di Đà do Thầy diễn giảng . Lắm lúc tôi tự hỏi có phải đường gươm Đạo Lợi của Bồ Tát Văn Thù đã quét ngay tại cổng chùa Quang Minh hay không? Làm sao mà trí tuệ của các bạn đạo lại vô cùng sắc bén và tinh thần học tập cũng đạt đến độ cao không thể tưởng. Nhưng phải trả lời là có mà không. Tại sao? Vì nếu không có cái nhiệm mầu đó thì ta sẽ không giải thích được sự đồng bộ phát triển của các bạn sen nằm trong phong trào này. Nhưng không là vì rõ ràng trên thực tế có sự tự lực học hỏi và có sự dìu dắt lẫn nhau trong đạo tràng và vì bài giảng thầy khúc chiết và dễ hiểu.

Hương sen tỏa ngát trong đạo tràng. Những đóa sen nhân tạo có đẹp thật nhưng vẫn không đẹp bằng những bông hoa thật có trong đầm lầy tỏa hương thơm ngát một góc trời . Vậy mà tôi vẫn cho rằng nó còn chưa đẹp cho bằng những đóa sen của các bạn sen trong đạo tràng Quang Minh. Từ những đóa sen già vũng chãi đến những nụ sen non vừa vươn mình lên khỏi mặt nước, đồng tỏa mùi thơm ngát trong hồ sen tịnh tâm của đạo tràng Quang Minh do thầy sáng lập. Phải nói các buổi trùng tuyên lời giảng kinh A Di Đà của thầy là một thành công lớn. Mảnh vườn tâm của đạo tràng Quang Minh với bàn tay chăm sóc của thầy trở nên đầy hương thơm và

màu sắc. Chúng tôi không ngại học tập trao đổi nhau những kiến thức, những nụ cười với tâm lòng cởi mở

Xuân, hạ, thu, đông bốn mùa, những chiếc lá vàng có chao đảo rụng rơi, những cành khô gãy có tro rơi của mùa đông nhưng vẫn không nản lòng người, thầy đã tạo dựng một đạo tràng lý tưởng, tạo một không gian học tập đầy sáng tạo. Chúng tôi học để cầu đạo chứ không học để tranh hơn thua. Người hướng dẫn chúng tôi ươm mầm tịnh độ qua lời giảng, qua câu thơ, bài hát và qua cách thực hành niệm Phật.

*Lưới để châu vi đạo tràng,  
Mười phương Phật bảo hào quang sáng ngời.*

Mỗi lần tụng đến câu này trong tôi hiện lên một hình ảnh đẹp rực rỡ của lưới Đế châu tại cung trời Đế Thích. Theo tôi lưới Đế châu không những có cái đẹp của vạn pháp mà còn cho ta ý niệm khái quát về tính đồng sự và giải thích được thuyết nhân duyên và trùng trùng duyên khởi của kinh Hoa Nghiêm nữa.

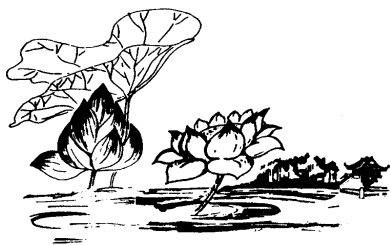
Nhưng ở đây thì tôi muốn thu gọn lại trong phạm vi nhỏ hẹp của đạo tràng Quang Minh và nói rằng : chúng tôi là những hạt giống từ bi có trong tâm các thầy và ngược lại tâm chúng tôi cũng có các thầy là những người hướng dẫn chúng tôi gieo trồng hạt giống từ bi có sẵn trong tâm mình. Vậy thì cũng có thể giải thích theo Hoa Nghiêm, quý thầy là một trong tất cả chúng tôi và tất cả bạn sen trong đạo tràng Quang Minh là một trong tâm của quý thầy.

Tôi cảm một bài thơ của một vị thầy nào đó mà tôi lỡ quên mất tên, nhưng còn nhớ lại bốn câu thơ của thầy, xin chép lại tặng các bạn sen của đạo tràng Quang Minh:

*Ta trồng hạt giống từ bi  
Ngày sau kết trái vô vi cúng dường  
Nguyện trên khắp nẻo vô thường  
Người đi phổ độ vào đường chân như*

Xin hãy cùng nhau kết làm những thiện hữu tri thức, để rồi một A tăng kỳ kiếp nào đó xin cùng gặp lại nhau tại cõi cực lạc./.

## DIỆU THÔNG



# Mong Cou Kieáp Sau

**B**a tôi là một nông dân. Vì hoàn cảnh chiến tranh nên phải bỏ ruộng vườn đi tìm chỗ dung thân nơi thành phố. Làng An-Tĩnh, tên truyền thống là Xóm Trầu của chúng tôi thuộc quận Trảng Bàng tỉnh Tây Ninh, đã không còn được an-ninh kể từ khi những người du kích “giải phóng” xuất hiện vào khoảng 1959-1960. Ba tôi cũng được họ rù-rê dữ lắm. Ba tôi không chịu theo họ, chỉ với một lý-do thật đơn-giản: ông nhận thấy họ đều là những tay làm biếng tại địa phương, chỉ biết đi cà-nhông làng trên xóm dưới và ăn bám vợ con chứ chẳng chịu làm lụng gì như những người nông dân lương thiện khác. Ba tôi tự nghĩ mình không thể nào bị đồng hóa với họ được.

Nhưng nguyên nhân trực tiếp khiến cho Ba tôi phải bỏ làng là một sự-kiện khác có liên quan đến sự an-nguy tính mạng. Thời-kỳ ấy, bọn du-kích thường không dám lộ diện vào ban ngày, mà chỉ hoạt động vào ban đêm, ngày càng lộng hành. Đêm đêm họ đi lũng bắt và thủ tiêu những viên chức xã ấp hay bất cứ người nào có uy-tín, hoặc bị họ ganh ghét, nhằm khủng-bố tinh-thần người dân, ngăn chặn người dân ngã theo phía quốc gia. Ông Ba, em ông nội tôi, tên Nguyễn Văn Đãi, một trưởng ấp, là một trong những nạn nhân của họ. Ông vẫn sống và làm công việc đồng áng bình thường như những người nông dân trong làng, nhưng chiều tối thì phải đi ra ngủ ngoài thị trấn để tránh sự lũng bắt của du-kích. Hôm ấy, trên đường đi bộ ra thị trấn, ông Ba tôi nhận thấy còn hơi sớm nên ghé qua nhà tôi chơi. Ông nằm trên võng trò chuyện với Ba Má tôi. Được chừng nửa tiếng đồng hồ thì trời cũng vừa chạng-vạng tối. Bỗng có một người đàn ông từ ngoài sân trước đi vô nhà mời ông ra ngoài. Bên ngoài, trong bóng tối, là lối nhỏ một số người khác nữa. Thì ra họ đã theo dõi ông Ba tôi từ khi ông bước ra khỏi nhà mình. Có ai xa lạ đâu. Cũng là người trong làng trong xóm

thôi. Con cái ông Tư Lập chứ ai vào đây. Ba tôi có xa lạ gì với họ đâu! Từ đêm đó, ông Ba tôi hoàn toàn biệt tích cho tới nay. Họ đã thủ-tiêu ông không còn để lại dấu tích gì! Bà Ba tôi mời bao nhiêu là thầy bói, thầy pháp cho đến đồng cốt cũng vẫn không thể nào tìm được ra manh mối. Mất xác! Đó là vào cuối năm 1959, nếu tôi nhớ không lầm!

Vì ông Ba bị du-kích bắt ngay tại nhà tôi cho nên Ba Má tôi thế nào cũng bị liên-lụy. Ông cò (cảnh sát trưởng) quận Trảng Bàng cho cảnh-sát mang xe Jeep vào tận nhà bắt Ba Má tôi ngay ngày hôm sau để điều tra. Cũng là chuyện tất nhiên. Đối với người nông dân chất phác, hễ đụng tới cò bót là khô, có vô tội đi nữa thì cũng đã mềm xương sau những pha điều tra thẩm vấn. Biết vậy cho nên ông Nội tôi tức tốc chạy ra thị trấn gặp người cô ruột của ông, mà tôi gọi là bà cố, để cầu cứu. Bà cố chính là mẹ của Bà Tám Mai, có chồng là phó Tổng Giám-đốc Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia, ông Tôn Ngọc Chắc. Khi có lệnh tha từ tổng nha cảnh sát thì ông cò nhỏ nhoi tại quận Trảng Bàng không thể làm gì khác hơn là chỉ biết chấp hành. Thế là Ba Má tôi được thả ra ngay chiều hôm ấy mà không hề bị “ăn” một bạt tay nào. Lời của Má tôi. Cũng chính vì vậy mà bọn du-kích lại càng thêm nghi-ngờ là Ba tôi đã có hợp tác với “địch”. Mà đối với cộng-sản, ai cũng biết, hễ nghi là giết. Thà giết lầm còn hơn bỏ sót. Vậy thì chỉ có cách bỏ làng mà đi, chứ ở lại thì cũng sẽ có ngày bị du-kích “mời đi” làm việc, rồi bị thủ-tiêu mất xác như ông ba của tôi!

Tới Sài-gòn, anh thanh niên nhà quê nào mà chẳng ngơ-ngác. Cũng may, Ba tôi được ông bà Tám che-chỡ nơi đất lạ. Bà Tám tôi chính là chủ nhân của rạp hát Quốc Thanh. Đây là rạp hát lớn thời bấy giờ mà nhiều người có thể vẫn còn nhớ. Rạp này chuyên hát cải lương hàng đêm. Sáng Thứ Bảy và Chủ Nhật thì có tổ chức đại nhạc hội nữa. Vì là dân nhà quê, ít

học cho nên Ba tôi chỉ được giao cho làm những việc đơn giản và nặng nhọc. Giữ xe dưới hầm xe và quét dọn rạp hát là công việc hằng ngày.

Thỉnh thoảng vài ba tháng Ba tôi cũng có về thăm mẹ con chúng tôi, nhưng cũng chỉ trong chốc lát rồi đi chứ không dám ở lại qua đêm. Mà gần như lần nào về tới nhà chừng một lát thì thế nào cũng có một cán bộ du-kích tới thăm, nhân danh tình bạn. Thật ra là họ tới để theo dõi xem Ba tôi có theo “địch” hay không! Rồi họ gài khéo Ba tôi bằng cách gửi mua thứ này thứ nọ, khi thì mớ vải ny-lông may võng, khi thì cuộn dây dù... Họ đã có tin mật báo kể từ khi Ba tôi bước xuống khỏi chiếc xe đò. Có nhiều khi họ gài một cô em hàng xóm ra ôm chầm Ba tôi tỏ ra mừng rỡ lắm! Thật ra là họ muốn khéo léo sờ vào khắp người Ba tôi để kiểm tra xem ông có mang súng ngắn hay không! Có phải là “ngụy” hay không! Càng về sau thì Ba tôi không dám về làng nữa mà ở ngoài chợ rồi nhắn mẹ con chúng tôi ra cho Ba gặp. Hoặc mẹ con tôi lâu lâu lại khăn gói xuống Sài-gòn thăm Ba tôi. Mỗi lần được đi Sài-gòn như vậy chúng tôi nôn-nao lắm. Không thể nào ngủ được. Phải thức dậy sớm từ lúc 5 giờ sáng. Phải ăn cơm rồi mới được cho đi.

Những lần đầu tiên được đi Sài-gòn, được ngồi xe đò... thì bao giờ cũng bị chóng mặt, say xe, ói lên ói xuống đến mặt xanh! Mà đoạn đường 50 cây số thời ấy đối với chúng tôi là xa lắm!

Chiến tranh đã dần dần leo thang. Đã bao nhiêu lần có giao tranh ngay tại làng tôi. Mẹ con chúng tôi phải gồng gánh nhau chạy ra phía quốc lộ một, về phía quốc gia. Từ quốc lộ nhìn vào xóm, thấy những cột khói do nhà cháy bốc cao... phía trên thì máy bay đảo lên, đảo xuống... giống như cảnh trong các tuồng xi-nê về chiến tranh. Cũng có trường hợp cả gia-đình dồn hết vào cái hầm trú đạn rồi toàn bộ bị giết hết vì trái cà-nông rót lọt thõm vào cái miệng hầm. Đó là trường hợp gia đình của thằng bạn cùng lớp. Thằng Tua. Bảy người trong nhà chẳng còn ai sống sót vì trái cà-nông của quốc gia bắn từ quận lỵ. Mỗi lần đi học về ngang qua nghĩa địa có bảy cái mộ mới chôn là

tôi chạy thực mạng vì sợ.

Cường độ chiến tranh ngày càng khốc liệt cho nên mẹ con chúng tôi cũng phải ngậm ngùi bỏ lại nơi chôn nhau cắt rốn. Trước hết là tản cư về quê ngoại ở Gia Lộc, xóm Củ Cải, tương đối an-ninh hơn. Nhưng rồi chiến tranh cũng từ từ tràn tới. Chỉ được vài tháng thì phải rời quê ngoại, đi ra thị-trấn Trảng Bàng. Trước tiên là ở trọ nhà ông Năm Hình, anh của Bà Tám Mai, có tiệm vàng tên Tường Vân, ở ngay khoảng giữa đường Đặng Văn Trước, con đường chính của chợ Trảng Bàng. Mẹ con chúng tôi được cho tạm trú ngay tại một bộ ván ngựa nằm giữa nhà tắm và nhà bếp. Nhà tắm nằm ở một khoảng sân trời. Thời-gian này, tại làng quê của tôi chiến tranh quá khốc liệt. Những người bám đất hoặc không có nơi nào để đi đều bị chiến tranh dần dần cướp mất. Thỉnh thoảng thì người ta khiêng người dân (cũng có thể là du-kích) bị thương ra bệnh viện. Đôi khi thì buổi chiều người ta mang thịt bò thịt trâu đi bán đồ bán tháo vì những con thú này vừa mới bị đạn cà-nông. Toàn bộ nhà cửa trong làng đều phải hạ nhà xuống, chỉ để lại túp lều tranh che bên trên một căn hầm trú đạn. Cái lều che nắng mưa vào ban ngày. Cái hầm là chỗ ngủ vào ban đêm. Toàn cảnh xóm làng trông thật tiêu điều, xơ xác và hoang tàn. Ngay vuông đất cư trú của đại gia đình tôi đã bị lính Mỹ đào xới để xây một căn-cứ quân sự.

Trong khi tản cư ở thị trấn thì tôi vẫn tiếp tục đi học trường tiểu học Gia Huỳnh, thường được gọi là Trường Đình, vì được xây ngay tại ngọn đồi Đình Gia Lộc. Có một số lớp học được đặt ngay trong đình, trước bàn thờ thành hoàng. Sau khi xong tiểu học Gia Huỳnh thì tôi lên trung học. Trường Thanh Khiết, là trường trung học duy nhất ở Trảng Bàng có dạy sinh ngữ Anh Văn lúc bấy giờ.

Ngay cái thẻ học sinh của trường cũng là loại đặc biệt lúc đó, bi-lingal. Có cả chữ Việt và chữ Anh rất hữu dụng thời bấy giờ vì lính Mỹ có thể hiểu được, 1966. Có nhiều thanh niên trong làng cũng đi học chỉ vì muốn có được cái thẻ học sinh này mà thôi. Vì người dân ở trong làng, nhất là thanh niên, mà bị lính quốc gia hoặc lính Mỹ bắt trong khi đi hành quân thì dễ

bị đồng hóa với Việt Cộng lắm. Cũng có những anh thanh niên vì ở vùng Việt Cộng cho nên buộc lòng phải hoạt động cho Việt Cộng. Có được cái thẻ học sinh này giống như có được cái bùa hộ mạng vậy.

Giáo sư dạy môn Anh Văn cho chúng tôi lúc bấy giờ là thầy Cảnh, và thầy Đồng Văn An, khá bảnh trai. Thầy rất thương học sinh nhà quê như chúng tôi. Thầy cũng nhớ cả tên tôi vì cũng hơi đặc biệt, Nguyễn Văn Chấm. Năm 1991 hay 1992 gì đó, khi tôi còn ở Adelaide, thì có đại-hội Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn toàn quốc Úc được tổ chức tại đây. Tôi có tới dự và thật tình cờ, tôi gặp lại thầy mình, lúc ấy thầy là Phó Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt tiểu bang NSW. Tôi và bà xã có mời vợ chồng thầy đi ăn bữa tối tại Adelaide Casino. Đó là lần duy nhất gặp lại thầy tôi. Vì sau đó mấy tháng thì thầy bị bệnh và qua đời.

Đầu năm Mậu Thân 1968, trong khi mọi người ăn Tết thì tất cả các tỉnh thành đều bị Cộng sản tấn công, vào đêm mừng Một rạng mừng Hai Tết. Thị trấn Trảng Bàng cũng không ngoại lệ. Sau tổng tấn công Mậu Thân, mẹ con chúng tôi dời xuống ở trọ nhà bà sáu Bán. Năm sau chợ, ngó ra xa là đồng ruộng. Căn chái khá rộng cất thêm từ cái đầu hồi của căn nhà lớn, nền cao. Đây có thể xem như là một căn nhà thật sự. Bà Sáu Bán chính là cháu ngoại của ông Đặng Văn Trước, được đặt tên cho con đường chính ở Trảng Bàng. Ông chính là thành hoàng của Trảng Bàng được sắc phong của vua triều Nguyễn. Ông được thờ tại đình làng Gia Lộc.

Chừng mấy tháng sau thì Ba tôi quyết định mang tôi đi Sài-gòn ở với Ba, vừa để bớt gánh nặng cho Má, vừa để tôi được an-toàn hơn vì 16 tuổi là tuổi có thể gặp nguy-hiểm khi ở nhà quê, và ở Sài-gòn thì có điều kiện đi học tốt hơn.

Trong khi Má và ba đứa em gái vẫn còn nấn ná ở lại Trảng Bàng. Năm ấy tôi vừa học xong lớp đệ lục (lớp 7 bây giờ). Tại trường Thanh Khiết, tôi không phải là học sinh tẻ. Có lẽ là so với đa số thanh niên đi học chỉ vì cái thẻ học sinh bi-lingal, để trốn quân dịch là chính, học

là phụ, nên tôi thuộc vào hàng học sinh giỏi. Chưa bao giờ đứng nhất nhưng đứng nhì thì có hoài trong nhiều tháng. Nhưng đó là cái giỏi của anh học trò nhà quê. Khi tới Sài-gòn mới thấy học-sinh Sài-gòn giỏi hơn mình rất nhiều!

Sau khi tới Sài-gòn, trước khi vào niên học mới thì ba tôi mới liên-lạc với một người bạn của ba tôi tên là chú SỔ, thư ký hội đồng xã Gia Lộc, để xin thẻ vì khai sanh cho tất cả anh em chúng tôi. Lúc đầu, Ba tôi xin khai sanh cho mỗi đứa sụt xuống đến bốn tuổi. Sau thấy không ổn nên chỉ sụt mỗi đứa hai tuổi thôi. Vậy là năm sanh của tôi từ 1953 xuống thành 1955. Ba tôi chỉ lo sợ cho tuổi quân dịch của tôi thôi, chứ mấy đứa em gái thì tuổi thế nào cũng không quan trọng lắm! Cũng nhân dịp xin khai sinh mới này tôi mới xin Ba tôi cho tôi đổi tên, chứ cái tên Nguyễn Văn Chấm quá xấu, đã từng là nguyên nhân để bạn bè chọc ghẹo nhiều rồi

Nhưng đổi tên gì! Tôi chẳng có chữ nghĩa gì nhiều nên cũng chẳng biết chọn tên nào cho thích hợp. Bỗng nhiên tôi liên tưởng tới một chú thanh niên trong làng, con nhà giàu, đẹp trai, là người duy nhất trong làng có xe đạp và mỗi ngày đều đạp xe đi học ngoài trường chợ. Nên nhớ, dạo ấy tại làng quê thì chiếc xe đạp, cái radio đã là dấu hiệu của giới thượng lưu. Đây là hình ảnh gần như là thân tượng của tôi. Chú ấy tên là chú Hoàng, anh của cô Bích. Tôi xin Ba tôi cho tôi lấy tên mới là Nguyễn Văn Hoàng. Thế là hiện nay cái tên Chấm của tôi chỉ có người trong họ hàng mới biết mà thôi.

Tới Sài-gòn được vài tháng thì nghe tin thằng Mai, bạn học cùng lớp ở trường Thanh Khiết bị du-kích ban đêm ra tận nhà nó (ở gần trường) bắt giết, xác vứt ngoài quốc lộ, ngay trước cửa trường. Trên ngực của nạn nhân có gắn một cáo trạng kê một loạt các tội trạng thật ghê gớm. Đó là cách mà Việt Cộng vẫn làm. Thật ra, thằng Mai là con một nha-sĩ ở bệnh-viện Grall (Đôn Đất) ở đường Nguyễn Du Sài-gòn. Nó đã có lần đưa tôi tới đó chơi và gặp Ba nó. Hồi ở Sài-gòn nó cứ học hành bê-bối, cứ theo cao bồi du-đăng, chơi bồi lêu lổng nên ông già nó gửi về cho người bà con ở Trảng Bàng để tu tỉnh. Vì là dân Sài-gòn về nên bề

ngoài có phần sáng sủa hơn tụi học sinh nhà quê chúng tôi. Cũng vì vậy nên có cô học sinh cùng trường phải lòng nó. Mà cô này thì lại được một anh chàng học sinh “nông dân trốn quân dịch” để ý thương thầm. Chính anh chàng này là du-kích vào ban đêm, và hắn đã đưa du kích ra bắt và giết thằng Mai. Nguyên nhân chỉ vì “dành gái” chứ chẳng phải là vì thằng Mai có hành-động gì có nguy hại đến công cuộc “giải-phóng nhân-dân” của mấy thằng cha du-kích cả.

Ba tôi nhờ người quen hướng dẫn cho tôi xin thi vào trường kỹ-thuật Cao Thắng. Nếu đậu thì vừa được hoãn dịch nhiều hơn mà vừa có thể thi vào đại học kỹ thuật Phú Thọ được dễ dàng hơn sau này. Để chuẩn bị, Ba tôi cũng cho tôi đi học một lớp luyện thi. Vào lớp luyện thi tôi cảm thấy đuối thật sự. Tự biết mình không đủ khả năng. Nhưng cũng đi thi. Kết quả tất nhiên: Rớt. Vậy thì chỉ còn cách là ghi danh học trường tư. Tôi vào học lớp Đệ Ngũ (lớp 8 bây giờ) tại trường trung học Hưng Đạo trên đường Công Quỳnh, cách chợ Thái Bình chừng 500 mét. Mỗi ngày tôi đi bộ từ chung cư Quốc Thanh tới trường với cái tên mới toanh Nguyễn Văn Hoàng. Vào lớp, khi điểm danh thì mới biết là đã có một đứa khác cũng tên Nguyễn Văn Hoàng. Thầy giám thị đặt cho tôi là Hoàng A, thằng kia là Hoàng B.

Lần đầu tiên vào lớp học Sài-gòn. Còn quá nhiều bỡ ngỡ, chưa quen biết bạn nào. Ngay trong tuần lễ đầu là có giờ của thầy giáo chủ nhiệm. Việc quan trọng là thầy cho bầu trưởng lớp. Tôi không rành về những sinh-hoạt trong lớp ở Sài-gòn ra sao. Trước khi bầu cử trưởng lớp là phải có người được đề cử đã. Mọi thứ đều quá xa lạ đối với tôi. Tôi ngơ ngơ, ngác ngác.... Rồi có đứa đề cử tôi, rồi đứa thứ hai, đứa thứ ba ... và chúng nó hòa nhau đề cử tôi chỉ vì tôi có chiều cao hơn tụi nó thôi chứ nào có biết nhau bao giờ đâu. Cuối cùng, tôi được bầu làm trưởng lớp của lớp Đệ Ngũ. Bị làm trưởng lớp bất ngờ, tôi khộp quá! Tôi vốn là một đứa bé nhà quê nhút-nhát, ít nói, bởi vậy khi được bầu làm trưởng lớp, thầy chủ nhiệm hỏi tôi có muốn nói gì với lớp không. Tôi chỉ ập-a ập-úng và không nhớ mình đã nói gì. Nhưng cái cảm giác quê xệ ngượng ngùng thì

rất rõ.

Từ đó, để khắc phục cái tính nhút nhát, tôi đi ra nhà sách Khai Trí, lần lượt mua nhiều quyển sách tại quầy sách Học Làm Người để đọc và học hỏi. Nghệ thuật nói trước quần chúng, thuật hùng biện, đặc nhân tâm, Kim chỉ nam của học sinh, gương danh nhân, Can đảm, Kiên nhẫn, quảng gánh lo đi và vui sống...

Những năm sau này, cứ mỗi lần bầu trưởng lớp là có thằng hô lên là thằng Hoàng năm ngoái là trưởng lớp vậy năm nay bầu cho nó luôn đi. Từ đó, năm nào tôi cũng là trưởng lớp.

Ở với Ba, vì chỉ có hai cha con nên chúng tôi đi ăn cơm tháng ở tiệm cơm Thanh Sơn trên đường Nguyễn Cư Trinh. Đây là một tiệm cơm ngon có tiếng thời bấy giờ. Ba tôi là khách ăn cơm tháng kê từ nhiều năm trước. Ông Bà chủ tiệm cơm này mến và coi ba tôi như em của họ. Dần dần thì họ không lấy tiền cơm tháng nữa. Bù lại Ba tôi đối xử với họ cũng rất đẹp: cho cô Năm Thanh Sơn mượn số tiền dành dụm để cô nâng thêm tầng lầu, hay gia-đình và người làm của cô mà muốn đi coi cái lương thì bao giờ Ba tôi cũng có đủ vé mời cho họ. Bấy giờ Ba tôi đã là một viên quản lý rạp hát nên có một số vé mời nhất định để tiện việc giao-thiệp.

Tuy nhiên, ăn cơm “free” hoài thì Ba tôi cũng ngại nên thôi cơm tháng. Hai cha con quyết định tự nấu ăn ở nhà, từng bước. Đầu tiên là mua một cái nồi nấu cơm tự động National. Cứ nấu một nồi cơm để sẵn, sau khi tan học về thì tôi xách gàu mên tới tiệm Thanh Sơn lấy thức ăn về hai cha con cùng ăn trước khi chuẩn bị xuất hát tối. Sau một thời gian nữa thì không lấy thức ăn ở tiệm nữa mà tự túc hoàn toàn, ăn đơn giản, tương cà mắm muối gì cũng xong. Thêm một cái lò xô dùng dầu hỏa. Nhiều khi chỉ cần mua một cái bắp cải nồi và một hủ chao. Chỉ cần luộc cải bắp, thậm chí lấy cải sống chấm với chao là xong bữa.

Chiến tranh ngày càng leo thang. Má và các em tôi ở Trảng Bàng cũng chẳng yên. Trong một trận giao-tranh do VC tấn công vào thị trấn, tiếng súng vừa hơi im, VC đã rút đi hết.

Mọi người ra khỏi hầm trú ẩn vừa ngọt ngào vừa nóng bức. Má tôi mang đứa em nhỏ còn bông (Phượng) ra cái hồ xi-măng nhỏ sau nhà tắm rửa cho nó. Nhà bên cạnh cũng có một bà cụ ra tắm cho mấy con heo. Nhà này làm lá heo. Hai người, kẻ tắm heo, người tắm con vừa làm vừa trò chuyện vì hai nhà chỉ cách nhau bằng một bức vách ván. Tắm xong đứa em, Má tôi bông đứa nhỏ vào trong nhà. Vừa bước đi năm bảy bước lên tới nhà trên thì đột nhiên có một tiếng nổ đing tai nhức óc. Đó là do bên VC đã rút đi nhưng còn pháo kích trở lại. Quả pháo rơi ngay nhà bên cạnh. Bà cụ tắm heo vừa trò chuyện với Má tôi chỉ một phút trước đó đã chết ngay tại chỗ. Vậy mà Má và em tôi chẳng bị gì. Mô Phật! Vậy là ngay cả thị-trấn cũng đã không còn an-toàn nữa rồi.

Có một lần giữa đêm khuya, bọn du-kích tới tận nhà bà Sáu Bán, nơi Má tôi đang ở trọ nhà dưới. Họ bắt người con trai lớn của bà Sáu dẫn đi. Chú này, chú ba Bòn (tên giấy tờ là Dầu), trước đây là thầy giáo trường trung học công lập Trảng Bàng. Sau động viên vào quân đội, là sĩ-quan VNCH, chỉ mới về phép thăm nhà hồi chiều thì tối bị bắt. Họ lục khắp nhà mà không thấy chú ba Bòn. Cuối cùng họ thấy một cây thang bắc lên trên trang thờ ông bà, dùng để leo lên đốt nhang mỗi tối. Chú ba Bòn leo lên trốn trên ấy. Họ bắt chú đi. Sáng hôm sau, người dân phát hiện xác của chú ba Bòn ngoài bờ ruộng cách nhà chú không xa. Vậy là Ba tôi quyết định đưa hết Má và các em tôi xuống Sài-gòn. Có mắm ăn mắm. Có muối ăn muối.

Gia-đình chúng tôi gồm có sáu người sống trong một căn chung cư chật hẹp. Căn chung cư này vốn là xây để cho người Mỹ thuê, tiêu chuẩn là một căn dành cho một hoặc hai người. Nhưng đường vào chung cư này là một con hẻm bên cạnh rạp hát Quốc Thanh, âm-u, tăm-tối, có vẻ thiếu an-ninh. Chính vì vậy mà người Mỹ chê, sợ bị bọn đặc công khủng bố, không chịu thuê. Vậy là bà Tám tôi quyết định cho người Việt thuê. Ba tôi kiêm nhiệm chức quản-lý chung cư này. Sau khi Má và các em tôi xuống Sài-gòn thì bữa cơm gia đình tôi tương đối tươm tất hơn vì có bàn tay nấu nướng của Má tôi.

Ba tôi kể rằng trước đây lúc còn làm dưới hầm xe, có lần Ba tôi xin bà Tám cho nghỉ làm hầm xe, lên rạp hát làm nhân-viên hướng dẫn chỗ ngồi cho khán giả, lúc ấy gọi theo tiếng Pháp là “placeur”. Làm “placeur” thì được mặc đồng phục trông rất sạch sẽ và lịch-sự. Bà Tám tôi hỏi gặng: “Mày có biết chữ không mà đòi làm placeur?” Bà không nghĩ rằng một người nhà quê như Ba tôi mà có thể đọc được chữ và số. Nói vậy nhưng Bà cũng cho Ba tôi cơ hội làm thử, và Bà rất đỗi ngạc nhiên không ngờ Ba tôi có thể làm và làm rất tốt nữa. Vậy là từ đó ông bà Tám lần lượt giao cho Ba tôi những trách vụ quan trọng hơn, nhất là những việc có liên quan đến tài chánh. Vì con cháu vẫn đáng tin cậy hơn là người ngoài. Từ chức vụ quản-lý rạp hát, giao-dịch, giao-kèo với các ông bầu đoàn hát, cho đến việc trông coi công trường xây cất chung cư Quốc Thanh và sau khi hoàn tất thì kiêm luôn việc quản lý của chung cư này như đã nói ở trên.

Gần như đa số nhân viên của rạp hát Quốc Thanh đều là gốc Trảng Bàng, và là do chính bàn tay của Ba tôi thu xếp và giúp đỡ vào làm việc ở đây.

Ông Tám tôi rất mực thương yêu và tin cậy Ba tôi. Ông Tám là một công chức cao cấp hồi hưu, sống an-nhàn, coi nhẹ mọi chuyện trên đời. Còn bà Tám thì cũng thương và tin cậy ba tôi nhưng tánh khí của Bà rất là dữ tợn. Nhân-viên rạp hát thường thì mến ông mà sợ bà. Mà Bà lại chính là người nắm quyền sinh-sát đối với tất cả mọi chuyện. Khi bắt bìn chuyện gì dù là chuyện của người khác là bà gọi ba tôi ra để trút giận. Bà đánh, bà nhéo, bà xé áo, xé quần... Ba tôi thường vẫn đứng yên cho Bà đánh. Ba tôi tự an-ủi khi nói với chúng tôi, bà Tám đánh Ba thì cũng giống như ông nội đánh Ba, cứ đứng cho bà đánh mồi tay thì bà ngưng chứ có đau đốn gì đâu! Miệng thì nói vậy nhưng tôi đoán rằng dù Ba mình không đau đốn thể xác nhưng làm sao tránh khỏi buồn lòng, tủi hổ cho thân phận của một người nhà quê ít học. Mà Bà Tám chỉ có đối xử với Ba tôi như vậy thôi, vì đây là con cháu của Bà, lại hiền lành, chứ không bao giờ bà “dám” đối xử với người ngoài theo cách ấy. Vì họ sẽ có phản



ứng mạnh thì Bà sẽ bị mất mặt.

Mỗi lần Ba tôi bị bà Tám hành-hạ như vậy thì bà cố tôi (mẹ của Bà Tám) rất buồn, khóc, rồi rầy bà Tám... Còn ông Tám thì theo an-ủi ba tôi, đưa Ba tôi đi mua lại cái quần, cái áo... Chính ông đã bỏ tiền ra cho Ba tôi đi Đà-Lạt dưỡng bệnh vì thời gian làm ở hầm xe bị hít khói nhiều đến nám phổi. Chính ông cho ba tôi đi học và thi lấy bằng lái xe cho có với người ta và phòng khi hữu dụng. Chính ông trả học phí cho tôi ăn học, bất cứ trường nào, từ trung học cho đến các lớp học thêm, đến hội Việt-Mỹ và ngay cả đại học sau này... Tôi nhớ năm lớp 12 tôi ghi danh học ở trường Phục Hưng mới thành lập. Trường chỉ toàn lớp 12, quy tụ hầu hết các giáo sư nổi tiếng viết sách luyện thi lúc bấy giờ. Tiền học phí cao ngất trời. Vậy mà ông Tám vẫn cung cấp học phí cho tôi. Khi vào học thì mới biết học sinh toàn là con ông cháu cha. Chúng đi học bằng xe hơi, nếu không tự lái thì cũng có tài xế đưa đi. Lớp tôi có hai anh em ruột đều tên Huỳnh Việt Tuấn và Huỳnh Việt Dũng là con của ông cựu thiếu tướng Huỳnh Văn Cao. Lúc ấy ông không còn làm tướng nhưng là nghị sĩ ở thượng viện. Ông chủ trường là giáo sư toán tên Nguyễn Văn Kỳ-Cương, cũng là một thượng nghị sĩ cùng liên danh với ông Huỳnh Văn Cao. Vào học trường này, tôi cũng có ý thật cố gắng để thi đậu cao, để có cơ hội xin đi du học. Nhưng một lần nữa, tôi chỉ đậu được hạng tòn-ten mà thôi. Hạng thứ!

Cũng nên nói thêm là ông bà Tám tôi còn có cả vài chục ngàn mẫu rừng cao-su ở Long Thành đã ngưng khai thác vì thuộc vùng thiếu an ninh, VC đã nổi lên kiểm soát các vùng nông thôn. Nhưng bà Tám tôi lúc ấy vẫn chưa vừa lòng với tài sản khổng lồ của Bà. Bà bắt đầu thành lập công-ty cải lương mang tên Thái Dương (gồm có các đoàn Thái Dương 1, Thái Dương 2, Thái Dương 3...). Gần như đa số những nghệ-sĩ cải-lương gạo cội lúc bấy giờ đều được bà thu tóm về đầu quân cho công-ty của Bà. Điều này đã vô tình gây ra sự mất mát lớn đối với những ông bầu cải lương khác. Ba tôi lại cũng là người kiêm nhiệm về quản lý tài chánh của những đoàn cải lương trên. Một lần, vào năm 1972, Ba tôi giận Bà Tám

điều gì đó, chắc phải là nhiều lắm nên xin nghỉ làm luôn. Dù ông Tám có năn-nỉ cách mấy cũng không đổi ý. Dầu vậy, Ba tôi vẫn làm những việc mà ông Tám nhờ tới, vì ông không thể tin cậy được ai. Ba tôi dắt díu vợ con rời chung cư Quốc Thanh, đi mua một căn nhà gạch xi-măng thật đơn sơ, nhưng tương đối rộng rãi, tại một khu lao động ở Bà Quẹo. Năm ấy tôi chuẩn bị thi tú-tài I. Mỗi ngày đi học tận Sài-gòn bằng chiếc xe Suzuki.

Cũng năm ấy Di Sáu của tôi đang mang bầu và sắp sanh đứa con thứ ba. Gần tới ngày sanh thì Di tới nhà tôi ở để được chị hai, là Má tôi săn-sóc. Sanh xong thì cũng ở cữ tại chỗ, định sau đầy tháng sẽ về lại Sài-gòn. Đã được một tháng tám ngày, Di đang trong thời-gian thu xếp để về lại Sài-gòn thì Di bị cơn đau tim đột ngột, rồi qua đời. Di ra đi vào năm hai mươi tám tuổi. Di được đưa về an táng tại Gia-Lộc, Trảng Bàng bên cạnh mộ của ông ngoại tôi. Nhìn ba đứa con nhỏ của Di Sáu có ai mà không thương tâm. Đứa nhỏ chỉ vừa hơn một tháng tuổi. Chẳng biết chúng sẽ sống ra sao! Trong khi cha của tụi nhỏ thì vừa hời-hợt và lúng-túng trong việc nuôi con mà lại còn đang sống trong tình trạng trốn quân dịch nữa. Ai cũng tự hiểu là số phận của bọn trẻ sẽ hoàn-toàn nương tựa vào sự bảo-bọc của đại-gia-đình. Trong đám tang hôm ấy có mặt tương đối đông đủ mặt trong đại gia-đình bên ngoại tôi, gồm các di dượng và cậu mợ. Vậy mà chẳng thấy ai đả động gì đến số phận của tụi nhỏ. Cuối cùng thì Ba tôi, người anh rể lớn nhất, bèn lên tiếng sẽ đứng ra bảo bọc và lo-lắng cho ba đứa nhỏ. Lúc ấy thì mọi người thờ phào nhẹ nhõm.

Biết rằng gia-đình sẽ gặp nhiều khó-khăn vì phải cu r mang thêm ba đứa trẻ, nhưng tôi biết trong lòng Má tôi thật vui. Vui vì Ba tôi là một người Dượng đầy lòng hào hiệp. Má tôi có quyền hãnh diện về chồng mình. Chính tôi cũng lấy làm kiêu-hãnh về việc làm đầy bao dung và trượng nghĩa của Ba mình. Đây là một tấm gương để anh em chúng tôi noi theo.

Ba đứa nhỏ đã được sống trong tình thương yêu, đùm bọc của tất cả chúng tôi. Đứa thứ nhì, tên Dũng, đã được Ba tôi cho đi học

trường Lasan Tabert, mỗi ngày có xe xích-lô đưa rước. Điều mà chính chúng tôi không dám mơ ước. Tụi nhỏ vẫn gọi Ba Má tôi là Ba Má cho đến bây giờ.

Trong thời-gian ở Bà Queo thì Ba tôi được ông bầu Xuân, đoàn Dạ Lý Hương, thu-xếp cho một công việc đi thu mua rơm ở các tỉnh miền Tây để cung cấp cho nhà máy sản-xuất giấy vệ-sinh của ông, hiệu “Kiss Me”, cũng ở tại Bà Queo. Ông bầu Xuân cũng rất mến và quý Ba tôi qua những giao-dịch khi Ba tôi làm quản lý rạp hát.

Đùng một cái, Ba tôi từ Sài-gòn về báo tin là Bà Tám tôi bị cướp bắn chết. Chúng vào tận nhà, bắn xong là bỏ đi mà không thèm lấy bất cứ một món gì dù cạnh bà có cái bóp rất nhiều tiền, và những nữ trang đắt giá bà đang đeo. Theo suy luận thì đây không phải là bọn cướp thuần túy như tên gọi, mà họ cũng chỉ muốn bắn dần mặt bà thôi chứ cũng không có ý giết. Bà bị bắn vào đùi trong lúc dẫn con với tên cướp, không quá nguy hiểm đến tính mạng, nhưng do mất bình tĩnh, bà la hét nhiều, dẫy dụa nhiều nên bị mất máu nhiều, khi chở được tới bệnh viện thì quá trễ. Bà qua đời.

Sau khi lo đám tang cho bà Tám, ba tôi ở lại hẳn với ông Tám để lo việc cho ông vì dường như ông rất cô đơn và cũng chẳng còn biết trông cậy vào ai. Ngoài việc quản lý rạp hát, chung cư, ba tôi còn phải đi tới các đoàn hát đang diễn ở các tỉnh khác nhau để thu tiền nữa. Mỗi khi đi tới tỉnh nào, khi về Ba tôi cũng mua về những thứ đặc sản của vùng đó. Cho gia-đình và cho cả những người thân. Nào là kẹo mè xừng của Huế, nước mắm Phan Thiết, Phú Quốc, khô mực Nha Trang, dâu tây Đà Lạt.... Và sau 1975 thì là gạo, nếp, vịt gà từ miền Tây....

Có lần trước một chuyến đi xa, biết Má tôi ở nhà không còn tiền đi chợ, Ba tôi cời chiếc nhẫn vàng y ba đang đeo, có lẽ từ 3-5 chỉ, bảo tôi đi tới tiệm cầm đồ mà cầm đỡ để mang tiền về Bà Queo cho Má. Khi ở Úc, trong một lần tu nghiệp cho giáo viên trung học, nhìn thấy một đồng nghiệp người Thổ-nhĩ-kỳ trên tay đeo một chiếc nhẫn vàng y, tôi liền tưởng ngay

tới chiếc nhẫn của Ba tôi ngày trước. Nhớ và cảm động vô cùng.

Gia đình tôi sau đó dọn trở về chung cư Quốc Thanh cho tiện. Đó là một nơi khá phức tạp. Anh em chúng tôi chỉ lo ăn rồi đi học. Tiếp xúc xã-giao với hàng xóm rất hạn chế. Trong gia-đình tôi thì bao giờ cũng tràn ngập giọng nói, tiếng cười. Nhiều đứa bạn của tôi hoặc của các em tôi hề có dịp tới gia đình tôi là cũng bị lôi cuốn vào cái không khí hạnh phúc này. Bạn thân của một đứa thì trước sau gì cũng trở thành bạn của cả gia-đình, và hơn nữa, trở thành một phần của đại gia đình tôi.

Ba tôi, trước và sau 1975 là người duy nhất ra ngoài bươn chải để lo cho cả gia đình, nhất là chuyện học hành của anh em chúng tôi và ba đứa con của Dì Sáu. Má tôi là người phụ trách chuyện trong nhà. Sau khi anh em chúng tôi tới Úc, qua nhiều đợt, thì chúng tôi bảo lãnh Ba Má tôi sang. Tại Úc, chúng tôi mong rằng Ba Má mình sẽ không làm gì cực thân mà chỉ cần sống vui-vẻ với con cháu và “hưởng phúc” mà thôi.

Nói vậy chứ mấy tháng đầu qua Úc, ở Adelaide Ba tôi cũng theo tôi đi làm farm trong thời-gian school holiday. Hiện nay, tại Melbourne, Ba là người phụ trách mọi việc từ trong nhà ra đến ngoài ngõ. Từ việc giặt giũ quần áo cho mọi người cho tới việc lái xe đi ra chợ Footscray mua bó rau, quả bầu, ký thị... theo yêu cầu của Má tôi. Ba tôi tự nhủ rằng, trước, mình là sức lao động chính để nuôi sống gia-đình, bây giờ không còn làm được việc lớn thì cũng nên đỡ dần con cháu các việc trong nhà, chứ chẳng lẽ mình là người vô dụng. Người ở thế hệ của Ba tôi mà có suy nghĩ này chắc là hiếm lắm!

Đã nhiều năm qua, mỗi sáng sớm tôi thức dậy để chuẩn bị đi làm thì Ba Má tôi đã rời nhà từ lâu. Ông Bà chờ nhau tới hồ bơi gần nhà, vừa vận động thể dục, vừa có cơ-hội làm quen với những người cùng thế-hệ. Má tôi thì nói, cho đỡ tốn nước tắm ở nhà! Nhất là trong những thời-gian các hồ nước dự trữ trong tiểu bang chỉ còn dưới 50%.

Ba tôi bao giờ cũng là người thật hiền. Có một

lần đưa cháu ngoại (Phương Duyên) hỏi Má tôi là hồi trước làm sao mà Bà Ngoại cưới được ông Ngoại hay quá vậy! Tôi không biết Má tôi trả lời thế nào. Nhưng có nhiều lần nghe Má nói “Ba mày chứ đừng phải người khác thì họ đã bỏ Má từ đời nào rồi! Tưởng đâu tốt lành gì, chỉ cưới về để nuôi bệnh!” Đó cũng là cách biểu lộ tình cảm sâu nặng mà Má đã dành cho Ba tôi.

Thỉnh-thoảng Má tôi buộc miệng nói ra điều hằng chất-chứa trong lòng khi có mặt đầy đủ các con, các cháu: “Nếu quả thật có kiếp sau, thì tao cầu xin sẽ được gặp lại Ba mấy lần nữa”. Mấy đứa em gái tôi nghịch ngợm nói đùa: “Thôi đi Má ơi, gặp Má kiếp này là Ba đã tởn quá rồi còn cầu xin chi nữa!”. Ba tôi chỉ mỉm cười, vì ông vốn là người ít lời. Nói vậy cho vui thôi, chứ trong lòng anh em chúng tôi đứa nào cũng ủng hộ ý Má và mong rằng sẽ có được kiếp sau. Và Ba ơi! Chúng con rất kiêu-hãnh về Ba. Anh em chúng con cũng ước mong

sẽ có được kiếp sau, để một lần nữa sẽ lại được làm những đứa con của Ba Má.

**Hoàng Cao.**

*Ngày 13/6/14*

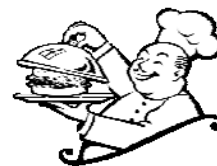
*Viết tặng các cháu gái của Cậu Hai: Phương Cát, Phương Duyên, Cathy. Là những đứa thường hỏi ông bà về nguồn gốc.*



**GIA CHÁNH**

## Châu Ngọt CẨM Tú

(Pa-Tê Gan)



### 1. Vật liệu:

- 100g đậu hũ trắng.
- 100g củ sắn.
- 300g khoai môn.
- 50g đậu phộng.
- 1 cây tỏi tây, 1 gói ngũ vị hương.
- Nước dừa, ngò, ớt, tiêu hạt, tiêu xay, muối, bột ngọt, nước tương, 2 muỗng súp bột gạo.

### 2. Cách làm:

- Đậu hũ ngâm nước dừa cho mềm, quét nhuyễn.
- Khoai môn gọt vỏ rửa sạch hấp chín, quét nhuyễn.
- Củ sắn lột vỏ sạch, xắt nhỏ giã nhuyễn xào sơ.

- Tỏi tây lột rửa sạch, băm nhỏ phi vàng.
- Ngò, ớt, lột rửa sạch.
- Đậu phộng rang vàng, bóc vỏ, giã nhỏ.
- Trộn đều khoai môn, đậu hũ, củ sắn, tiêu hạt, tiêu xay, đậu phộng, ngũ vị hương, tỏi tây phi, muối, đường, bột ngọt.
- Cho tất cả vào khuôn đem hấp cách thủy chừng 30 phút, trút pa-tê gan ra đĩa.
- Bột gạo, tiêu, đường, bột ngọt, chút nước dừa cho vào nồi, bắc lên bếp khuấy như hồ, chan lên mặt đĩa pa-tê gan, rải ngò, ớt chung quanh.

**Tâm Hòa soạn.**





# Sắc bất dò Khoâng, Khoâng bất dò Saéc

ví dụ thịt, xương, gân, sụn (đất –  
địa); chất

“Sắc bất dị Khoâng, Khoâng bất dị Sắc” là một câu trong bài Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh. Đây là một bài kinh trọng yếu (nên gọi là tâm kinh) trong hệ Kinh Bát Nhã. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa có thể hiểu là trí tuệ thành tựu viên mãn vĩ đại. Có nhiều bản dịch của bài Kinh này từ tiếng Phạn sang tiếng Hán, ví dụ hai bản của Đường Tam Tạng Trần Huyền Trang và Cưu Ma La Thập được lưu truyền rộng rãi. Bản kinh nhật tụng trong các chùa Việt Nam ngày nay là bản dịch của Đường Tam Tạng Trần Huyền Trang. Bản Kinh chỉ có khoảng 260 chữ nhưng ý nghĩa vô cùng sâu sắc, dùng ngôn từ khó mà diễn tả được. Câu mở đầu của bài Kinh nói rằng khi Ngài Quán Tự Tại Bồ Tát (Quán Thế Âm Bồ Tát) thực hành pháp Bát Nhã Ba La Mật Đa sâu xa, ngài soi thấy cả năm uẩn tức là năm thành phần tạo thành con người đều không có tính thực thể, liền vượt qua mọi khổ ách.

Bản Kinh là những lời Ngài Quán Tự Tại Bồ Tát nói với Xá Lợi Tử - một trong thập đại đệ tử của Đức Phật. Câu thứ hai giải thích rõ ý này. "Sắc bất dị Khoâng, Khoâng bất dị Sắc. Sắc tức thị Khoâng, Khoâng tức thị Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệc phục như thị." Câu đó dịch là: “Sắc chẳng khác Khoâng, Khoâng chẳng khác Sắc. Sắc tức là Khoâng, Khoâng tức là Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng đều như thế.” Năm uẩn tạo thành con người chúng ta gồm Sắc uẩn là **thân** tứ đại, và bốn uẩn - Thọ, Tưởng, Hành, Thức - tạo thành **tâm**. Tất cả năm uẩn đó đều không có tính thực thể. Thân tứ đại của chúng ta do muôn vàn tỷ tỷ các thành phần khác cấu thành. Các thành phần đó gồm các cơ quan tế bào trong thân thể chúng ta, cũng như toàn thân tứ đại, đều từng sát na thành trụ hoại diệt. Vậy nên, thân sắc sinh diệt và thay đổi từng sát na, ngày giờ, tháng năm. Gọi là tứ đại theo nhà Phật là do thân gồm bốn thành phần: chất rắn –

lông – ví dụ máu, nước, nước tiểu, mồ hôi, chất nhờn (nước – thủy); khí - như hơi thở (gió - phong); và nhiệt độ thân thể (lửa – hỏa). Thân thể chúng ta chợt ốm đau lại bình phục, mệt mỏi rồi hồi phục, ngày hôm nay khác với hôm qua, khác với mấy năm trước, chục năm trước, hàng chục năm trước, năm sau, chục năm sau, hay hàng chục năm sau. Thân thể (hình dáng, sức khỏe) thay đổi vô thường; từ sinh, lão, bệnh, đến tử đều không phải theo ý của ta. Sự tồn tại của thân tứ đại này, dầu kéo đến trăm năm, đem so với vũ trụ cũng chỉ là một chớp nhoáng, ngắn ngủi như mạng sống của một con phù du. Thọ là dòng cảm thọ của biết bao cung bậc vui sướng khổ đau. Chúng cũng đều theo vòng thành trụ hoại diệt, tới và đi, tăng và giảm theo duyên. Càng bám chấp vào cảm thọ thì chúng càng tăng trưởng và tồn tại dài lâu; biết buông ra thì cảm thọ sẽ giảm bớt và tan đi nhanh hơn. Tưởng là nhớ tưởng qua sự hiện thị của luồng suy nghĩ trong nội tâm – khi thì như chiếc màn hình lúc lại như chiếc loa phóng thanh liên tục chiếu phát *bên trong* cho ta thấy những suy luận, tính toán, những ý tưởng, nhớ nghĩ, mưu đồ hay sáng tạo không ngừng mà Hành uẩn đang từng giờ, phút, giây tạo tác, thực hành 'create/ process/ perform' sâu bên trong tâm thức. Hành uẩn dừng lại thì ‘màn ảnh’/ ‘chiếc loa’ Tưởng uẩn tắt đi, tiếng nói thầm thì bên trong tắt đi. Tưởng tắt đi (hay dừng lại) thì ta (access) tiếp cận và soi nhìn được sâu vào trong tâm thức vi tế. Bước đầu thực hành thiền chỉ, Tưởng dừng lại nơi hơi thở; và bước sau đó giúp ‘ta’ thiền quán, soi xét sâu vào Hành và Thức. Thọ uẩn chi phối Hành uẩn khiến Hành uẩn tạo tác nghiệp. Thọ vui, buồn, yêu, ghét ai đó hay cái gì đó, rồi xui khiến Hành uẩn ‘respond to’ ứng theo những điều đó và tác tạo ý; tiếp theo, ý điều khiển chi phối Sắc uẩn tạo thân nghiệp và khẩu nghiệp. Những cái biết của lục căn (mắt,

tai, mũi, lưỡi, thân, ý) hợp thành một tầng của Thức uẩn, nên Thức uẩn cũng không có tính thực thể. Ở một tầng thô của thức, thức là những tích tụ của những cái biết chủ quan như biết ai, biết gì, chuyện gì, sự việc, hiện tượng, và những phân biệt nhị nguyên: tính chất tốt hay xấu, giá trị lớn hay bé, hình dáng to hay nhỏ, đủ hay thiếu, sang hay hèn, thân hay sơ, yêu hay ghét, thương hay giận v.v. Những cái biết và phân biệt đó đều mang tính quy ước, chủ quan, phiến diện, và tạm thời. Mỗi người 'biết' một kiểu, từ một góc độ nào đó, theo sự giáo dục, trưởng thành, mưu sinh của từng cá nhân trong mỗi tổng hòa giảng co tính toán giữa các quan hệ gia đình, công sở, xã hội, và các hệ tư tưởng, giá trị, truyền thống được chấp nhận trong một phạm vi hay hoàn cảnh nào đó. Ngoài ra, còn có những cái 'biết' trực giác nằm sâu tại những tầng vi tế của tâm thức. Thức uẩn chi phối Hành uẩn tạo ra các ý tưởng phân biệt khi phản ứng theo Thọ uẩn, ví dụ như thích ai hay cái gì thì ôm vào mà không thích thì đẩy ra. Thế là Hành uẩn chi phối thân (Sắc) cùng gieo nhân tác nghiệp, Thọ uẩn lại là nơi thọ quả, thọ mọi vui buồn, hạnh phúc hay bất hạnh của quả báo. Nên không có cái tôi chủ thể thường hằng bất biến. Cái tôi quy ước - mà ta tưởng là thường tồn - chỉ là sự kết hợp của năm uẩn. Không tồn tại một 'ông chủ' nào của năm uẩn đó. Năm uẩn tương tác với nhau và theo duyên, trong sự tương tác với ngoại cảnh, mà biến chuyển tạo nên 'cái' mà ta tưởng là tôi, là ta. Giờ ta nhìn lại những bức ảnh ngày thơ bé, ngẫm lại những chuyện yêu ghét thời đi học, cả tấm thân và tâm tình ngày đó thật chẳng khác chi một giấc chiêm bao. Lúc chiêm bao thì thấy mọi thứ thật. Lúc thức giấc mới nhận ra có gì thật đâu. Chúng ta có khác gì đang trong giấc mộng Nam Kha đâu! Thân là tứ đại trả vay, một mai tan rã và sẽ về với cát bụi. Tâm ta từ tình cảm, ý tưởng, tư duy, cho đến nhận thức đều là vọng tưởng, giả tạm: đúng thành sai, sai lại thành đúng, nay yêu mai ghét, nay bạn mai thù v.v.. Cả thân và tâm, và vạn pháp ta nhận thức qua thân tâm giả tạm đó đều theo duyên mà hợp tan, lúc giống như thật, lúc rõ là hư. Nhận thức được tính Không thực thể của từng uẩn, rằng tâm và thân đều vô thường, nương theo duyên biến đổi không ngừng, thì ta sẽ hiểu mọi thứ là tạm

thời, là giả danh, là quy ước ngôn từ gán cho; không có một cái ngã chủ thể cố định và trường tồn nào cả.

Những câu sau của bản Kinh đưa chúng ta đi từ nhận thức vô ngã đó, từ tính tương đối của 'bản thân' (bên trong) tới nhận thức được về đối tượng của ngã, về sự tương đối của vạn pháp, vạn cảnh, vạn chúng sinh (bên ngoài) - tất cả là sản phẩm của tâm vọng tưởng. "*Như t thiết duy tâm tạo*". Mọi pháp, tức là mọi người, mọi sự vật, hiện tượng, đều do thập bát (18) giới mà ra: lục căn của ta (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với lục trần bên ngoài (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), 'chọn lọc' và diễn dịch qua lục thức là sáu cái biết của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Khi ta 'biết' pháp gì thì pháp đó đã chỉ là "kính hoa thủy nguyệt" đã bị/được diễn dịch qua lăng kính của Thức chứ không phải là thực thể của pháp đó. Mọi pháp cũng theo duyên mà hợp tan, tan hợp. Hiểu được rằng cả ngã và các pháp đều huyền giả, đều không thực thể, ta sẽ ít bám chấp, dần rời tiến đến không bám chấp vào những gì khiến ta nhìn vui mắt hay nhức mắt, những gì ta nghe bùi tai hay ngứa tai, những gì ngọt ngào hay đắng cay v.v.. mà hành xử trong đời - trong nội tâm ta và với ngoại cảnh (với mọi người, mọi vật, mọi việc...). Giải thoát được những pháp đó, ta sẽ sống tỉnh thức, biết yêu thương, và vị tha hơn. Cái Không Bát Nhã là Không bản thể, 'như như' không đến chẳng đi (qua cái lăng kính mà ta tưởng là ngã), thoát ngoài sinh tử và không mắc vào phân biệt nhị nguyên như như sạch, bất biến không tăng chẳng giảm. Bởi vậy, cái Không đó không chấp thủ và mắc vào là ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới, thập nhị nhân duyên, hay tứ đế. Chỉ các bậc Giác Ngộ rất cao mới thức chứng được điều đó.

Đến các pháp thượng như thế (ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới, thập nhị nhân duyên, và tứ đế) đều là phương tiện hay những bậc thang giúp kẻ phàm nhân học hiểu, tu tập, quán chiếu và thoát khỏi sự bám chấp vào ngã, vào ngũ uẩn lục căn. Chúng như những bậc thang để bước lên giác ngộ, như chiếc thuyền dùng để qua sông, để chúng ta vận dụng tu tập chứ không nên bám chấp. "Pháp thượng ưng xả hà

huống phi pháp" (Kinh Kim Cang Bát Nhã). Là do chúng ta còn chưa qua sông được nên còn phải dùng con thuyền đó, chưa giác ngộ nên phải dùng những nấc thang đó. Các vị Bồ Tát qua sông rồi thì buông thuyền, chứ không công thuyền đi trên bờ. Các pháp cao thượng như vậy các vị Bồ Tát còn không nên bám chấp, huống hồ các phi pháp như ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thụ) và tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến của phàm nhân tục thế chúng ta lại càng phải buông bỏ, không nên chạy theo. Còn chạy theo chúng, còn vướng mắc vào chúng, thì chúng ta mãi còn trong vòng tục lụy, còn mãi hành xử như phàm phu, như tiểu nhân. Hiểu được như vậy ta sẽ Tự Tại, ít bị dấy tâm trước cảnh đời. Các bậc giác ngộ vượt qua khúc sông, hay leo thang đến mức 'Đối cảnh vô tâm' như Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông đã viết. Các bậc giác ngộ chứng được không có pháp nào là chủ thể tuyệt đối để chứng đắc. Chính sự hành đạo tạo nên đạo; chứ không chạy theo đích (đắc). Chính trong sự hành đạo hàng ngày, bớt chấp ngã, bớt chấp pháp thì sẽ bớt khổ ách. Xóa chấp ngã, xóa chấp pháp nghĩa là vượt hết khổ ách.

Không những Sắc bắt dị Không mà Sắc tức thị Không. Và ngược lại, cái tính Không đó cũng không nằm ngoài tướng Sắc của ngã, của vạn pháp. Không những Không bắt dị Sắc mà Không tức thị Sắc. Nhận thức được tính Không thực thể của bản ngã và vạn pháp, không cố chấp vào tướng sắc, không chạy theo chúng, chúng ta cũng không được cố chấp phủ nhận chúng hoàn toàn. Cái Không vô thủy vô chung không nằm ngoài những chuỗi 'Có' giả tạm. Chúng ta cần biết vận dụng những cái 'Có' khéo léo linh hoạt để sống an lành và tinh tấn tu tập. Chúng ta chưa phải là Bồ Tát hay chư Phật, nên phải biết đọc, hiểu, và hành trì các pháp môn để tu tập, để giác ngộ, giác tha. Nhận thấy Sắc bắt dị Không, ta sẽ không để phiền não không chế, không để tham sân si đưa đẩy ta luẩn quẩn trong vòng tục lụy, không chạy theo chuyện phải quấy thị phi - ai đúng ai sai. Nhìn thấy Không bắt dị Sắc, ta sẽ biết dùng thân này, tâm này, dùng những pháp hữu tướng như tiền bạc, danh chức hay tài năng vào giúp đỡ gia đình, bè bạn, phục vụ cộng đồng, sống chan hoà, yêu thương, sống có ý

nghĩa. Phát triển trí tuệ Bát Nhã như vậy, không vướng mắc vào ngã, vào pháp, vào phân biệt nhị nguyên thì tâm sẽ không ngăn ngại. Tâm không vướng mắc vào 'có hay không', do đó không tham đắm, không sợ hãi, không lúng túng đúng sai, loay hoay được mất trong vòng mộng tưởng điên đảo. Chính cái Tâm an định bất biến sâu xa trước vô vàn biến động vô thường của cuộc đời, biết sống yêu thương vị tha với trí tuệ chân minh viên mãn là sự chứng thực Niết Bàn. Hành đạo thật khó, hãy quán chiếu và cố gắng chánh tinh tấn đều đều để tạo được năng lực của định.

Chư Phật trong quá khứ, hiện tại, và vị lai đều do thực hành pháp Bát Nhã Ba La Mật Đa mà thành đạo. Trong Tây Du Ký, Ngô Thừa Ân đã diễn tả nhân vật Ngộ Không là một Hành Giả do liễu Ngộ được tính Không mà đắc đạo. (Tôn) Ngộ Không phải trải qua giai đoạn làm (Tôn) Hành Giả gian truân mới chứng Phật đạo. Do pháp Bát Nhã Ba La Mật Đa có năng lực linh diệu như vậy, nên đó chính là đại thần chú, là vô thượng chú có năng lực diệt trừ hết thảy mọi khổ ách. Muốn qua bờ Giác thì đầu tiên ta phải xuống thuyền. Nhưng nếu xuống thuyền mà chỉ ngồi yên thì chẳng đi đến đâu, ta phải nỗ lực chèo con thuyền chánh pháp mà vượt mọi oan khiên. Phát tâm Bồ đề, học đạo, hành đạo, tu tập tinh tấn, tự giác, giác tha, và tri kiến viên giác thành tựu viên mãn là con đường cát tường của các bậc giác ngộ.

Con chỉ là kẻ hiểu biết vô cùng nông cạn. Nghe đọc những "vi diệu thậm thâm vô thượng pháp" của các Sư Thầy Thích Thanh Từ, Thích Nhất Hạnh, Hoà Thượng Tuyên Hoá, Pháp Sư Tịnh Không, Thích Nhật Từ, Thích Chân Quang, trong lòng con cảm kích vô biên. Chỉ tiếc rằng sự lĩnh hội của con vô cùng kém cỏi. Biết vậy, con xin ghi xuống những gì con nhớ giữ được, cảm nhận được, để suy ngẫm thêm, và cầu mong được tiếp tục học hỏi và thực hành.

**Phật tử  
Mặc Nhi**



**Thực Oanh –  
Bổn 2012**

# Não Phật vui một tâm hoàn khoẻ mạnh



Để được một tâm hồn khoẻ mạnh, phương pháp duy nhất là đoạn trừ phiền não. Thế nào là phiền não? Phiền não nguyên không có thực thể, nhưng lại khiến người áo não buồn phiền, thân tâm bất an. Đại Trí Độ Luận viết: “Phiền não giả, năng linh tâm phiền, năng tác não cố, danh vi phiền não” như vậy phiền não chính là giặc lớn của tâm chúng ta, là độc tố phá hoại tâm hồn chúng ta, là chất ma túy làm mê muội lý trí con người. Con người chịu sự quấy rầy của phiền não, dưới sự tấn công của phiền não mà đấu tranh kịch liệt, khổ đau càng thêm sâu đậm, nhân gian thị phi, tội ác xã hội cũng theo đó mà hiện diện.

Kinh Phật chia phiền não của con người là 2 đại loại: Căn bản phiền não và Tùy phiền não. Căn bản phiền não gồm 6 thứ là : tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Tùy phiền não lại chia làm : đại tùy, trung tùy và tiểu tùy.

- Tiểu tùy phiền não gồm có 10 thứ: Phẫn, hận, phú, não, tật, xan, cuồng, siểm, hại, kiêu.
- Trung tùy phiền não gồm 2 thứ: Vô tầm phiền não và vô quý phiền não.
- Đại tùy phiền não gồm có 8 thứ: Trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri.

Đây cũng chỉ lược cử mà nói, thực chất phiền não con người thì vô lượng. Phật dạy có tám vạn bốn ngàn phiền não, vì vậy Ngài thuyết tám mươi bốn ngàn pháp môn để đối trị tám vạn bốn ngàn phiền não của chúng sanh. Tuy nhiên đơn giản mà nói nó không ngoài tham, sân, si 3 thứ phiền não còn có tên là tam độc. Bệnh tam độc ai cũng mắc, cho nên mọi người đều có tâm bệnh, người người có tâm không kiện toàn, tinh thần không bình thường. Nhưng làm sao để được tâm con người khoẻ mạnh, phục hồi tinh thần bình thường của con người. Tốt nhất là thực hành lời Phật dạy là : Bồ thí ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật và Bát nhã ba la mật.

## 1. Lấy bố thí đối trị tâm tham:

Tham là một trong tam độc, còn có tên là tham ái, tham dục. Người có lòng tham dục, riêng mình thì bòn xén, rích rắm, với người thì sinh lòng tham, góp chung gọi là xan tham, đả tâm nhiệm trong cảnh giới là tánh mà sanh tội khổ. Thành thức nghi luận có viết: “U hữu hữu cụ nhiệm chước vi tánh” thế nào là hữu, là hữu cụ, hữu để chỉ ngã chấp, tất cả chúng sanh đều lấy thân do tứ đại giả hợp, ảo hữu mà chấp làm thật , hữu cụ để chỉ pháp chấp, tức là tất cả những nhu cầu vật chất trong cuộc sống này. Người đời không biết rằng mình giả, không thật, nên đem lòng tham ái. Tiếc rằng việc bất như ý thường xảy ra luôn, kết quả tham mà không được thì chuyển thành sân hận, phẫn nộ, thù nghịch, kết oán cùng với những tâm lý bất bình thường đều được đẩy lên, những ưu phiền bị đau khổ phiền não theo đó sinh ra. Được biết tham lam là họa lớn gây ra nhiều tội ác, muốn giữ gìn tâm ta được khoẻ mạnh, trước hết phải trị được tâm tham.

Người Phật tử lấy bố thí để đối trị tâm bòn xén, tham lam. Bồ thí thì có tài thí, pháp thí, vô úy thí. Con người thường lấy mạng sống ngắn ngủi của mình để chạy theo những dục vọng vô biên, với tâm trạng “ Bách tuế mệnh thường hoài thiên tuế ưu”, tích lũy tài sản, lòng tham không cho ra, có biết đâu khi vô thường đến, hơi thở không trở lại là xong một đời người, bất luận khi sinh tiền cuộc đời hiển hách như thế nào, xuất sắc làm sao, một khi kịch vãn người tan, kết cuộc rơi vào cảnh ê hề, trống vắng . “Hoàng kim bất thị thiên niên nghiệp, thiên niên điền hoán bát bách chủ” hưởng hồ chi của cải thế gian sở hữu chủ thật sự của nó là : thủy, hỏa, đạo trộm, bất hiếu tử, bất cứ lúc nào nó cũng có thể lấy , thu đoạt, trộm cướp, thậm chí thủy, hỏa vô tình, chỉ trong một chốc tài sản kết sù trở thành tro bụi. Nếu biết nghĩ xa nghĩ rộng, buông xuống

được, tự nhiên sẽ được an bản lạc đạo, lạc thiên hảo thí, có tiền bố thí tiền, có sức bố thí sức hoặc tri thức thí hoặc vô úy thí, lấy hành vi bố thí để đoạn trừ lòng tham cầu; cũng với bố thí công đức để tiêu trừ xan tham ác nghiệp, khiến nội tâm tràn đầy từ bi hi xả, phục hồi tinh thần bình thường, tâm hồn khỏe mạnh.

## 2. Lấy nhẫn nhục để đối trị tâm sân

Sân còn có tên là sân hận, lấy hung ác làm tánh, mượn theo bất an và hành làm nghiệp, khiến thân tâm nóng nảy bất an vì vậy có tên là sân hỏa. Sân hỏa là một chứng bệnh độc nhất của con người. Duy thức luận dạy: “sân tất lĩnh thân nhiệt não, khởi chư ác nghiệp”. Kinh Di Giáo dạy: “sân tâm thậm ư mãnh hỏa, thường đương phòng hộ, vô lĩnh đặc nhập, kiếp công đức giặc, vô quá sân hận”. Con người vì tham mà không đạt được tất sinh sân hận hậu quả của sân hận là trở mặt với bằng hữu, thù oán với họ hàng, thậm chí tình cha con, vợ chồng vì đó mà tan vỡ. Sân lớn thì phát động thế chiến, sân nhỏ thì phá hoại trật tự xã hội, tạo mọi tranh chấp giữa con người, đem lại nhiều khổ nạn vô biên.

Người học phật lấy pháp môn nhẫn nhục để đối trị tâm sân, mà chữ nhẫn thượng đạo hạ tâm. Khi con người nhẫn nhục chịu đựng nghịch cảnh cũng như dùng dao đâm tim họ, đau khổ và khó chịu dường nào? phải là những hạng người có trình độ tu dưỡng mới có cách chịu đựng được. Cho nên muốn đối trị tâm sân cần phải coi nhẹ thế thái nhân tình, buông bỏ được nhẫn nhục mới trị được tâm sân. Pháp môn nhẫn nhục không những là thang thuốc tốt để đối trị tâm sân mà cũng không chế được tình cảm con người qua hi, nộ, ái, lạc. Người học phật phải nhẫn, người bình thường phải nhẫn, ngày xưa Hàn Tín chịu nhục mà được ngai vàng, Trương Lương chịu nhục để phục quốc rửa nhục.

Hàn Sơn Đại Sơn (hoá thân của Ngài Văn Thù Bồ Tát) có đến vấn an Ngài Thập Đặc (hóa thân của Ngài Phổ Hiền Bồ Tát): “Thế gian hiếp đáp tôi, nhục mạ tôi, cười nhạo tôi, khinh khi tôi, độc ác với tôi, lường gạt tôi, tôi phải xử sự như thế nào thưa Ngài?. Ngài Thập Đặc trả lời: thì chỉ có nhẫn nhịn họ, mặc họ,

tránh né họ, chịu đựng họ, kính nể họ, đừng để ý đến họ, thêm vài năm sau ông đến thăm hỏi họ. Chúng ta có làm được hay không? Chỉ cần chúng ta học tập Bồ Tát Di Lạc, trước mắt đều là những người có nhân duyên với chúng ta, tương kiến tương thân, sao lòng không tràn đầy hoan hi? Trên thế gian có biết bao nan sự, tự mình làm tự mình chịu, hà phương lòng bao dung độ lượng. Bao dung độ lượng sẽ giải quyết rất nhiều thiên hạ sự, lòng đầy hoan hi, với lòng bao dung đại lượng mà ta nhẫn nhục được những chuyện khó nhẫn của thế gian thì tự nhiên trị được bệnh sân hận trong lòng chúng ta.

## 3. Lấy trí huệ để đối trị ngu si

Si còn gọi là ngu si hay vô minh. Duy Thức Luận có viết: “U chủ sự lý, mê ám vi tính, năng chướng vô sĩ, nhất thiết tạp nhiễm sở y vi nghiệp”. Con người do tâm mê hoặc vô minh không hiểu chân tướng của sự việc, con người vì vô tri mà lấy giả làm thật, thêm vào tâm sân đẩy lên khiến con người trong tâm trạng ngu si không tự giác được mà có những hành vi sát, dâm, vọng gây nên chủng tử ác để rồi phải rước lấy vô lượng sanh tử quả khổ. Cho nên ngu si thực chất là căn bản của sanh tử. “Vô minh phụ, tham ái vi mẫn, lục căn nam, lục thức nữ vi môi giới, sinh xuất vô lượng phiền não tử tôn”. Vì vậy phiền não của chúng sanh vô cùng, vô tận. Trí huệ bát nhã của đức Phật, không những lý giải chư pháp duyên khởi tính không, ngay cả bất sanh bất diệt của chư pháp không tính cũng không chấp trước, khiến con người triệt để tiêu trừ được vô minh, đoạn tuyệt phiền não. Sau cùng hiểu rằng: “Vô minh thật tánh tức Phật tánh, ảo hóa không thân tức pháp thân” mà đồng chứng với đức Phật đạt đến cảnh giới “phiền não tức bồ đề, sanh tử tức niết bàn”.

Đối với tâm bệnh của con người, vì tham sân si, phiền não mà gây nên. Không có thầy thuốc hoặc thang thuốc nào trị được bệnh, mà phải thỉnh cầu vô thượng đại danh y Phật Đà, cầu nước từ bi của Phật để gội rửa tham sân si, lấy Phật Pháp làm thánh dược để trị những chứng bệnh tham sân si đồng thời lấy trí huệ bát nhã để tu bỏ pháp thân, sau đó mới xúc tiến được một tâm hồn khỏe mạnh.





# Luaän veà Taùnh Giaùc, Kieán Taùnh vaø Soáng vôi Taùnh!

\* TÁNH GIÁC là cái biết mà tâm không động, tức...

biết mà không trụ vào bất cứ cái gì, dù là dĩ vãng, tương lai hay hiện tại, là cái năng lượng Phật, cái tinh sáng, tức tâm tinh mà không động (hễ động là có ngã!)

\* Định mà sáu căn đóng bít là SAI!

\* Định mà sáu căn vẫn biết, biết mà không theo cảnh, đúng!

## TU LÀ TÌM LAI CON ĐƯỜNG TRỞ VỀ BẢN THỂ THEO PHẬT.

Phật sanh ra do cha mẹ, lớn lên, có vợ con. Khi đạo ra ngoài thành, Ngài chứng kiến ba cảnh: già, bệnh, chết! Tiếp Ngài thấy một vị sa môn, và từ đó trầm tư, Ngài có ý chí tìm ra gốc của sanh, già, bệnh, chết. Ngài nghĩ ý với cha mẹ mà cha mẹ không chịu! Ngài liền trốn đi, vô rừng Hy Mã Lạp Sơn tu, Ngài đã gặp hai đạo sư tên Alara Kalama và Uddaka Rama-putta, nhưng vẫn chưa tìm ra con đường giải thoát? Trong 6 năm tu khổ hạnh, Ngài chỉ ăn trái cây, lá rừng... có ngày chỉ ăn một hột mè! Thân Ngài chỉ còn da bọc xương! Ngài ngất xỉu bên bờ sông Ni Liên! May thay một cô bé chăn bò tên Tu Xa Da tặng cho Ngài một bát sữa, dần dần Ngài hồi phục, liền ngồi dạy và thề rằng: “Nếu ta không đạt giải thoát, ta quyết định không rời khỏi nơi này”. Tiếp Ngài nhận ra phải ăn uống trở lại mới đủ sức tu. Có sử liệu còn nói: “Ta để bát xuống nước, nếu bát lật ngược thì ta sẽ tu cho tới khi thành đạo”.

Cuối cùng Ngài thiền tọa tại một gốc cây bồ đề suốt 49 ngày đêm. Ma vương hiện ra uy hiếp Ngài, bắn Ngài mà cung tên lại rớt xuống! Các vũ nữ cũng xuất hiện để quyến rũ Ngài nhưng sa môn Cù Đàm giữ tâm Thiền định không lay chuyển, nên ma nữ bỏ đi! Cuối cùng ma hiện ra Gia Du Đà La để lung lạc Ngài, nhưng Ngài vẫn giữ tâm kiên cố, ma thất bại rút lui! Ngài nhập định Tam muội, suy tưởng im bật. Khi sao mai vừa mọc, tâm Ngài phẳng lặng như

nước hồ thu, đạt vô niệm! Ngài đắc Thiên Nhân Minh, biết rõ Ngài đã chịu sanh tử luân hồi quá nhiều kiếp, tiếp Ngài đạt Túc Mạng Minh rồi Lưu Tận Minh. Ngài chấm dứt mọi khổ đau, bỏ kiến chấp, đạt AN VUI, GIẢI THOÁT thành Phật, gọi Phật THÍCH CA MÂU NI!

Khi Phật thành đạo, Ngài có năng lực, trí tuệ vô biên, thấy hằng hà sa số thế giới, nhiều như cát sông Hằng. Trong khi đó tới thế kỷ 17, các khoa học gia mới có kính viễn vọng và thấy được có nhiều hành tinh và trái đất xoay quanh mặt trời!

LUẬN VỀ CHỮ ĐẠO: Chữ Đạo có hai nghĩa như sau:

1/ Đạo là con đường (đất, đá hay nhựa), đạo cũng là bốn phận (đạo vợ chồng, đạo thờ ông bà, tổ tiên, đạo làm con v.v..) cũng có trà đạo, kiếm đạo, theo tôn giáo có nhiều đạo như đạo Phật, đạo Thiên chúa, đạo Tin lành v.v..

2/ Đạo là CHƠN LÝ, BẢN THỂ! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khi thành đạo ở gốc cây bồ đề tại Bodhagaya, đã nhận ra CHƠN LÝ, BẢN THỂ, Ngài nói: “Mọi chúng sanh đều có CHƠN LÝ, BẢN THỂ. Chơn lý là cái không thay đổi, cái gốc, cái thể.”

Đạo là Bản Thể, là TÂM. Luận về Tâm có hai thứ tâm, tâm vọng tưởng thay đổi liên tục, có sanh, có diệt và chơn tâm, tức cái biết không thay đổi, nên không sanh, không diệt.

- Chơn tâm là cái liễu liễu thường tri, là tâm biết, tâm tinh giác, tuệ tri! Tâm này phát dụng qua sáu căn, tâm hiện ra mắt thì thấy cảnh, hiện ra tai thì nghe âm thanh, hiện ra mũi thì ngửi mùi hương, hiện ra lưỡi thì nếm vị chua ngọt, hiện ra thân biết xúc chạm và hiện ra ý thì có phân biệt. Nếu tâm biết mà không động, đó là chơn tâm! Còn tâm biết mà động thì có sanh ra yêu ghét, đó là vọng tâm, nhớ là vọng

tâm, che mắt chơn tâm, tu là xả vọng tâm thì tâm chân thật sẽ hiện ra, đó là NĂNG LỰC PHẬT được phát dụng ra sáu căn vậy!

**DỤNG CÔNG:** Ai cũng có cái BIẾT, nên khi nhìn bông hoa thì nói tôi nhìn, nghe chim hót thì nói tôi nghe, khi có tôi là có Ngã xen vô, năng lực Phật bị thu hẹp hạn chế! Thậm chí thương người nào cũng nói tôi thương, ghét ai cũng nói tôi ghét! Cái tôi tức cái ngã là vọng, che mắt năng lượng Phật trong ta! Nếu quay về năng lực tâm, thì phiền não tan biến! Ngồi một mình, niệm nổi lên, nhớ bạn, nhớ đi shopping, nhớ cảnh buồn vui bên ngoài, niệm này che mờ Tánh Giác, tức che mờ năng lượng Phật. Vậy phải làm sao?

\* Cho nên, trong Tông môn, Hòa Thượng Ân Sư đã dạy pháp “Biết vọng không theo”. Khi ngồi thiền, giữ chánh niệm, tỉnh giác, nên vọng tới thì BIẾT MÀ KHÔNG THEO! Rồi vọng tự tan biến lúc nào không hay! Còn tu lơ là, khi niệm khởi thì chấp có người, có yêu ghét, có cảnh thật, đây là mắt chánh niệm, là mê!

\* **TU ĐỐI DUYÊN XÚC CẢNH** phải làm gì?  
Hòa Thượng ân sư dạy về số tức quán, khi hành giả thở ra, thở vô, đếm từ 1 đến 10 là giúp hành giả trụ vô hơi thở và số đếm để dừng vọng tưởng. Thuần thực sẽ không dùng số mà chỉ theo dõi thở ra vô, mà tâm không động là được! Tiếp cái biết lộ ra sáu căn: thấy trời sáng biết, tai nghe tiếng chim biết, mũi ngửi mùi hương biết, gió thổi mát biết, uống trà, ăn cơm cũng biết. Biết mà không dính vô cảnh, không dính cái gì hết, đó là biết trong chánh niệm, trong tỉnh giác, đó biết theo NĂNG LƯỢNG PHẬT!

Chúng ta học Sám Hối để tránh được ba lỗi, đó là “quên chánh đạo, quên Bản tâm, theo cảnh bên ngoài”. Nay quay lại sống với bản tâm thì không theo bên ngoài nữa. Chúng ta có ba thứ vô minh đó là:

1. Cho thân tâm là thật, là của ta!
2. Cho niệm (phiền não) là thật, là của ta!
3. Mê Tánh, tức quên Tánh giác, quên mình có năng lượng Phật!

Nên nhớ: Phiền não là tướng và Năng lượng

biết là Tánh.

Khi chưa học Bát Nhã, mắt thấy, tai nghe và có ý thức xen vô, nên có yêu, ghét, có chấp ngã!

Nay hiểu lý Bát Nhã thì nhìn chỉ là nhìn, thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe; tức bỏ niệm phân biệt, nên chặn đứng được niệm!

\* Trí Bát Nhã là cái biết của Bản Thể, là năng lượng Phật. Tu Thiền phải bảo nhậm cái biết này, cái năng lượng này. Tóm lại Tu là buông, buông ba món chính:

1. Buông tham, sân, si.
2. Buông niệm.
3. Buông cái “buông”.

Buông là nhìn trở vô, để nhận ra cái BIẾT, tức kiến tánh, đó là cái năng lượng không thay đổi, có mặt 24/24 giờ, đó là Bản Thể, là Trí Bát Nhã vậy!

Tu phải nhớ bảo nhậm Tâm Thanh Tịnh, tức năng lượng Phật mà ai cũng có. Năng lượng Phật là cái biết biểu hiện ra sáu căn là TÁNH, tánh sáng được các pháp!

Khi sống với năng lượng Phật, thân tâm và vọng niệm tự tan biến! Dụng công thuần thực thì luôn sống với Tánh, Tánh là con người chung thủy mà mình quên, nay mới nhận ra!

Khi dụng công chưa thuần thực, thì cần tự nhắc, tự nhớ, tự tỉnh giác, rồi tiến tới không nhắc vẫn tỉnh giác, nên phải công phu miên mật, từ tỉnh thức, nhớ, nhớ luôn và thể nhập! Thể nhập là sống luôn với năng lượng Phật.

- Đó là TÁNH PHẬT trong kinh Pháp Hoa,
- Là TÁNH THẤY, TÁNH NGHE trong Kinh Lăng Nghiêm.
- Là TRÍ TUỆ BÁT NHÃ trong Tâm Kinh Bát Nhã vậy!

## Quảng Thành

(Ghi Tóm tắt buổi giảng của Ni Sư Linh Tuệ tại TD Vô Ưu trong 2 ngày 9/4 và 12/4/2014)

# Leã cầu siêu cho những vong linh chĩa chĩa nôøi

Vừa qua tại chùa Phước Huệ, 21/6/2014, một buổi lễ cầu siêu - dành cho những vong linh chưa chào đời - đã được tổ chức một cách trang nghiêm dưới sự chủ tế của Thượng Tọa Thích An Chí (Thầy đến từ Na Uy để giảng dạy Phật Pháp cho quý Tăng Ni và Phật tử trong mùa An Cư năm 2014)

9g20

Buổi lễ bắt đầu bằng bài văn tế với những lời giải thích cặn kẽ, chân thành, chu đáo của Thượng Tọa Thích An Chí về sự quan trọng và cần thiết đối với việc cầu siêu cho những vong linh của thai nhi chưa được chào đời:

- Hội đủ duyên lành trong dịp “An Cư Kiết Hạ”, quý Tăng-Ni và Phật tử cùng cầu nguyện cho các thai nhi chưa vãng sanh, được hội tụ về đây để nghe Pháp và Quy y Tam Bảo.
- Hướng dẫn cho các vong linh thai nhi mới và cũ (từ 20, 30 năm trước) được Quy y, được trở thành con Phật.
- Đây cũng là một trong những hạnh nguyện của Bồ Tát Quán Thế Âm đối với tất cả vong linh thai nhi.
- Cho dù các vong linh cao tuổi có hiện diện trong buổi cầu siêu hôm nay cũng đồng tâm hỗ trợ cho các vong linh thai nhi.
- Ngoài những vong linh thai nhi không có thân nhân hiện diện hôm nay, tất cả quý cha mẹ, ông bà có mặt cần thành tâm xin các vong linh thai nhi tha lỗi vì những hoàn cảnh nào mà mình phải bỏ con.
- Với sự thành tâm cầu nguyện, vong linh các cháu sẽ được Bồ Tát Quán Thế Âm thọ ký.

10g20

- Nghi thức tụng Kinh cầu siêu.

10g40

- Sám hối tội lỗi cho hương linh thai nhi.
- Thực hiện Lễ Quy y cho tất cả hương linh thai nhi.

10g50

- Trong vai trò Chủ tế, Thượng Tọa Thích An Chí như đang trò chuyện với các vong

linh đồng thời giảng giải cho quý Tăng-Ni, Phật tử cùng tham dự một thời Pháp đây ý nghĩa:

- Tất cả ông bà, cha mẹ, anh em... của các thai nhi – dù vừa mới qua đời hay qua đời đã lâu - đều hướng về bài vị trên tay, thành tâm bày tỏ tình yêu thương, như đang bông bế con cháu mình, bởi tất cả các cháu đều khao khát được nâng niu, được yêu thương trong vòng tay cha mẹ.
- Tập trung tâm trí cầu nguyện chư Phật và chư Bồ Tát khai mở trí huệ cho chư hương linh thai nhi không đủ duyên lành làm thân quyến trong gia đình.
- Tất cả đều do Nhân Duyên mà thành nên các vong linh thai nhi đừng buồn, đừng oán trách cha mẹ. Chỉ do mình chưa hội đủ Nhân Duyên để làm người mà thôi.
- Có thể vì hoàn cảnh, vì phong tục tập quán, vì sức khỏe của mẹ mà cha mẹ đành chia lìa mạng sống của thai nhi khi chưa được chào đời.
- Tất cả hương linh thai nhi nên hiểu rằng: Hôm nay được hội ngộ nơi này là phước đức vô lượng để được gặp Phật Pháp, được diện kiến Như Lai và chư Đại Bồ Tát để Quy y Tam Bảo.
- Cha mẹ đã thành tâm thiết lễ cầu siêu cho chư hương linh được Quy y Tam Bảo thì hôm nay, chư hương linh nên xả bỏ mọi uất hận, tham sân...mà trở về nương tựa Phật Pháp Tăng.
- Từ đây mãi mãi được làm con Phật.

12g15

- Buổi lễ hoàn mãn trong sự tri ân sâu sắc của chư Tăng-Ni, của tất cả quý Phật tử thân quyến dành cho Thượng Tọa Thích An Chí, người đã đem hết tâm lực của mình để cầu siêu cho hương linh con cháu mình.

**Ban Tin tức**

Cúng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Vu Lan này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tịnh tài cho việc phát hành số báo này.

Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tông lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.



**Danh sách Quý Phật tử ủng hộ tịnh tài cho số báo Mừng Vu Lan Báo Hiếu**

Thầy Phước Viên	50	Sư Cô Phước Liễu	50	Vòng Ngọc Lan	30	Chúc Khoa	20
Thầy Phước Nghĩa	50	Sư Cô Phước Trường	20	Vương Kiều Diễm	30	Phạm Bình	10
Sư Cô Phước Nghiêm	20	Sư Cô Phước Hòa	20	Gđ Vương Anh Tuấn	100	Tuệ Khai	5
Sư Cô Phước Trường	20	Ẩn danh	50	Lan Chi	20	Chon Huyền Hiền	20
Sư Cô Phước Thanh	20	V. Tịnh h/h hl Diệu Thời	50	Gđ Diệu Nguyệt	20	Diệu Hồng	20
Sư Cô Phước Định	50	Minh Đạt và Diệu Huệ Nou-		Tịnh Thủy	20	Gđ Diệu Đào	20
Sư Cô Phước Chiêu	50	mea	115	Diệu Thiện	10	Tâm Thật	20
Sư Cô Phước Niệm	20	Tâm Hoa Noumea	200	Viên Toàn	20	Trí Dũng	20
Sư Cô Phước Lễ	50	Tâm Hợp Noumea	100	Viên Ngọc	10	Pháp Âm	10
Quincy Trí Việt	20	Diệu Đạo Noumea	60	Diệu Ngọc	10	Gđ Chúc Nhuận	20
Sư Cô Phước Chí	30	Tâm Đức Noumea	50	Huệ Trí	10	Gđ Quảng Thanh	20
Sư Cô Phước Hương	30	Tâm Hải	50	Giác Tâm	10	Diệu Tánh	10
Sư Cô Phước Bình	30	Lan Chi h/h hl D.Quả	50	T. Khương & H. Nguyên	20	M. Châu & Thái Minh	200
Sư Cô Phước Tâm	30	Quách Văn Cao	30	Diệu Linh	20	Quảng Thành	100
Sư Cô Phước Thọ	20	Quách Thị Nái	30	Gđ Thiện Tâm An	20	M. Quang & Diệu Huệ	50

**Danh sách Quý Phật tử hộ cúng nhân dịp Vu Lan Thắng Hội năm 2014**

<b>Cúng hoa quả</b>	Tâm An	20	Diệu Ngọc	20	Tuệ Khai	20	
Sư cô Phước Bình	100	Phạm Quỳnh Anh	20	Ngọc Hồng	20	Sư cô Phước Hòa	20
Chân Huyền Hiền	100	Tâm Hương	10	Chúc Thiên	20	<b>Cúng dường quà Tụ Túc</b>	
Quảng Thanh	100	Khuru T. Kim Hồng	20	M. Châu & Thái Minh	100	Phổ Thuận	20
Sư cô Ph. Nghiêm	70	Diệu Hạnh	20	Khanh & Tuyết	50	Minh Tịnh	20
Chon Huyền Hiền	10	Tâm Thê	30	Thiện Thủy & Diệu Lạc	150	Gđ Diệu Tánh	50
Ngô Mỹ Anh	10	Phạm Thị Mỹ Chi	70	Diệu Thu	50	T. Thành & Diệu Đào	50
Ngô Ánh Tuyết	10	Gđ Lệ Mỹ	100	Cô Ba	100	Nguyễn Thường	50
Ngô Thanh Hải	10	Trần thị Lành	50	Ẩn danh	25	Từ K.Quang & N.T.Văn	50
Ngô bảo Phúc	10	<b>Quý Take away</b>		Hạnh	50	Javis Wei	15
Diệu Hạnh	30	Lâm Tây Diệp	500	<b>Ủng hộ Khóa tu Báo ân</b>		Daryl Wei	15
Tử Kim Quang	50	Liêm Ngọc	50	Diệu Ngọc	30	Tony Chang	15
Th. Hỷ & Diệu Lạc	50	Huệ Trí	50	Phổ Thuận	30	Thang Lệ Trân	15
Nguyễn Tuấn Hải	20	Thiện Đức	50	Tâm Thật	50	Phạm Minh Nguyệt	30
N. Thành & N. Quả	30	Hạnh Trí	50	Minh Tịnh	30	Tâm Thành	20
Gđ Viên Hương	30	Viên Ngọc	50	Gđ Diệu Tánh	30	Huệ Nghĩa	20
Diệu Ngọc	10	Diệu Hạnh	50	Thiện Thành & D. Đào	100	Gđ Ngành Hà	60
Tịnh Duyên	20	Wei Bảy	50	Lâm Hón Huy	200	Thiện Hỷ & Diệu Lạc	150
Tịnh Thủy	20	Viên Hảo & Ba, Mẹ	200	Diệu Nguyệt	20	Tú Vân	15
Ngọc Hồng	10	Viên Thủy	100	Viên Ngọc	20	Tú Như	15
Diệu Phúc	10	Gđ Viên Hương	400	Tịnh Thủy	20	Tô Thị Kim Hoa	15
Ngọc Trang	20	Tịnh Duyên	200	Diệu Ngọc	50	Diệu Hạnh (T.T. Bắc)	30
Gđ Diệu Thiện	50	Hạnh Thắng	100	Chúc Nhuận	50	Gđ Diệu Nguyệt	75
Huyền Phong	10	Sương	100	Viên Toàn	50	Minh Lợi	15
Huyền Như	10	Tịnh Thủy	50	Sư cô Phước Liễu	50	Minh Trí	15
Diệu Hòa	10	Minh Quang	50	Ẩn danh	100	Nguyễn Hoa	100
Chúc Nguyễn	10	Ngọc Trang	100	<b>Quý CD-DVD</b>		Jordan & Jude	30
Tâm Hiệp	20	Diệu Phú	130	Từ Kim Quang	30	Cao thị Muội	30
Huỳnh Mỹ Ngọc	10	Giác Tụng	50	Thầy Phước Thiệt	400	Phổ Điền	20
Thang Lệ Trân	30	Từ Kim Quang	200	Gđ h/l Diệu Quả	100	Tạ Xuân Mai	20
Phổ Điền	20						

**Danh sách các cơ sở thương mại ủng hộ quảng cáo báo Vu Lan số 58**

- |                        |                      |                         |                |
|------------------------|----------------------|-------------------------|----------------|
| - Nhà thuốc tây Mai    | - All-Villa Print    | - Thực Phẩm Á Châu      | - An Lạc Vegan |
| - Tiệm vàng Mỹ Tín     | - Huyện Motor Repair | - Tường Phát            | - Motor Huyện  |
| - Tran's Aquarium      | - Gạo thơm Hoàng Gia | - Fairfield Funerals of |                |
| - Tiệm vàng Hưng Thành | - Nha sĩ Phương Thảo | Distinction             |                |